

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4767/TTTr-UBND

Đắk Nông, ngày 23 tháng 8 năm 2022



## TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư 03 dự án lĩnh vực y tế thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;*

*Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình;*

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 681/TTg-KTTH ngày 01/8/2022 về thông báo danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (đợt 2), tỉnh Đắk Nông được dự kiến bố trí thực hiện 03 dự án lĩnh vực y tế thuộc Chương trình, với tổng số tiền 132.000 triệu đồng. Đến nay, UBND tỉnh đã tổ chức thẩm định đề xuất chủ trương các dự án, để đảm bảo các dự án kịp thời được triển khai, UBND tỉnh kính đề nghị HĐND tỉnh xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án. Cụ thể như sau:

### **1. Dự án Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật (CDC) tỉnh Đắk Nông:**

1.1. Sự cần thiết đầu tư: Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh được thành lập ngày 01/11/2018 trên cơ sở sáp nhập 05 đơn vị gồm Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh, Trung tâm Phòng chống bệnh xã hội, Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS, Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Trung tâm Truyền thông giáo dục sức khỏe, với 02 trụ sở: trụ sở 01 được trưng dụng lại từ trụ sở Trung tâm Y tế dự

phòng tỉnh (cũ), trụ sở 2 được trưng dụng lại từ trụ sở Trung tâm phòng chống bệnh xã hội (cũ) và Trung tâm phòng chống HIV/AIDS (cũ), nên rất khó khăn trong việc quản lý, vận hành. Mặt khác, các trụ sở đã được đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng đã lâu, đến nay đã xuống cấp; máy móc, trang thiết bị đã cũ, lỗi thời và có dấu hiệu hư hỏng, xuống cấp ảnh hưởng đến chất lượng chăm sóc, bảo vệ sức khỏe người dân và công tác phòng, chống dịch bệnh.

Nhằm kịp thời nâng cao năng lực hoạt động của CDC, kịp thời đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân trong tình hình mới việc Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh là cần thiết.

1.2. Mục tiêu đầu tư: Đáp ứng hiệu quả cho công tác phòng chống dịch bệnh, trong đó có dịch bệnh Covid-19; đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người dân; nâng cao năng lực chuyên môn của Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh.

1.3. Quy mô đầu tư dự kiến:

- Sửa chữa, cải tạo cơ sở 01 thuộc Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh.

- Sửa chữa, cải tạo và xây mới các hạng mục tại cơ sở 02 thuộc Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh, trong đó: xây mới công trình cấp III, diện tích sàn khoảng 600m<sup>2</sup> để đảm bảo số lượng các phòng chuyên môn theo nhu cầu thực tế tương ứng khoảng 23 phòng (gồm: Phòng khám đa khoa 13 phòng, Khoa sức khỏe sinh sản 10 phòng).

- Nâng cấp, sửa chữa hạ tầng ngoài nhà: Hệ thống xử lý nước thải và hạ tầng ngoài nhà đồng bộ.

- Mua sắm trang thiết bị đáp ứng đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao và dự phòng sẵn để ứng phó khi có dịch bệnh xảy ra.

1.4. Nhóm dự án: C.

1.5. Tổng mức đầu tư dự án: 30.000.000.000 đồng.

1.6. Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách Trung ương (thuộc Chương trình phục hồi và Phát triển kinh tế - xã hội).

1.7. Địa điểm thực hiện dự án: Trong phạm vi khuôn viên thuộc Trung tâm kiểm soát Bệnh tật quản lý, tại thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

1.8. Thời gian thực hiện dự án dự kiến: Giai đoạn 2022-2023.

**2. Dự án Đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông:**

2.1. Sự cần thiết đầu tư: Các Trung tâm Y tế tuyến huyện thuộc tỉnh được đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng từ trước năm 2015, đến nay đã xuống cấp, hư hỏng gây ảnh hưởng đến dịch vụ khám chữa bệnh tại các Trung tâm Y tế. Cụ thể như: một số hạng mục công trình bị thấm, mốc, bong rộp, bong tróc; một số

hạng mục hư hỏng, xuống cấp không còn sử dụng được như thiết bị vệ sinh, thiết bị điện...; trang thiết bị y tế cũ kỹ, lạc hậu và xuống cấp, nhất là trang thiết bị phòng mổ còn nhiều thiếu thốn, chưa đảm bảo một số tiêu chuẩn y tế.

Nhằm kịp thời nâng cao năng lực cung ứng và chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở, bảo đảm cung ứng đầy đủ các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn, việc thực hiện đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho các Trung tâm y tế cấp huyện là cần thiết.

2.2. Mục tiêu đầu tư: Đảm bảo cơ sở hạ tầng đầy đủ, từng bước hiện đại hóa hệ thống y tế cơ sở, đáp ứng yêu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe người dân, giảm quá tải cho bệnh viện tuyến trên; đồng thời nâng cao khả năng đáp ứng nhiệm vụ phòng, chống dịch, trong đó có dịch bệnh Covid-19.

2.3. Quy mô đầu tư đầu tư dự kiến:

a) Nâng cấp, mua sắm nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mổ và các thiết bị cho các phòng mổ tại 06 trung tâm y tế huyện thuộc tỉnh Đắk Nông, cụ thể: 02 phòng mổ tại Trung tâm Y tế huyện Đắk Mil; 01 phòng mổ tại Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong; 01 phòng mổ tại Trung tâm Y tế huyện Đắk Song; 01 phòng mổ tại Trung tâm Y tế huyện Cư Jút; 02 phòng mổ tại Trung tâm Y tế huyện Krông Nô và 01 phòng mổ tại Trung tâm Y tế huyện Tuy Đức.

b) Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng cho 08 trung tâm y tế các huyện, cụ thể:

- Tại Trung tâm Y tế huyện Krông Nô: Nâng cấp sửa chữa cơ sở hạ tầng các hạng mục chính (Khối nhà Hành chính, Khối nhà điều trị nội trú, nhà cầu nổi, khoa dinh dưỡng) và các hạng mục phụ trợ.

- Tại Trung tâm Y tế huyện Cư Jút: Nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng các hạng mục chính: (Khối khám và điều trị; Khối bệnh truyền nhiễm và giải phẫu bệnh lý; Khối chống nhiễm khuẩn - dinh dưỡng; Nhà cầu nổi) và các hạng mục phụ trợ.

- Tại Trung tâm Y tế huyện Đắk Mil: Nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng các hạng mục chính (Khối khám và điều trị; Khối bệnh truyền nhiễm và giải phẫu bệnh lý; Khối chống nhiễm khuẩn - dinh dưỡng; Nhà cầu nổi, nhà bảo vệ) và các hạng mục phụ trợ.

- Tại Trung tâm Y tế huyện Đắk Song: Xây mới hệ thống xử lý nước thải công suất 100m<sup>3</sup>/ngày đêm; Sửa chữa một số hạng mục đã xuống cấp tại Nhà điều trị nội trú; Hệ thống thu gom nước thải.

Các hạng mục đầu tư nêu trên không trùng với dự án đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Y tế huyện Đắk Song đang được đầu tư từ nguồn ngân sách tỉnh theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 11/5/2021 của HĐND tỉnh.

- Tại Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong: Nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng các hạng mục chính (Nhà hành chính, Khoa dược và điều trị, các nhà cầu nổi) và

các hạng mục phụ trợ.

Các hạng mục đầu tư nêu trên không trùng với dự án đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong đang được đầu tư từ nguồn ngân sách tỉnh theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 11/5/2021 của HĐND tỉnh.

- Tại Trung tâm Y tế huyện Tuy Đức: Nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng các hạng mục chính (Khối khám chữa bệnh ngoại trú; Khối kỹ thuật nghiệp vụ khoa dược; Khối điều trị nội trú; Khối hành chính hậu cần; Khối dịch vụ tổng hợp; Nhà cầu nổi) và các hạng mục phụ trợ.

- Tại Trung tâm Y tế huyện Đắk R'lấp: Nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng các hạng mục chính (Nhà điều trị nội trú 03 tầng: Khoa sản - Khoa Nhi - Khoa Nội); Xây mới khu nhà chống nhiễm khuẩn, đấu nối khu vực tầng 2 vào khu điều trị; Các hạng mục khác và các hạng mục phụ trợ.

Các hạng mục đầu tư nêu trên không trùng với dự án Nhà Đa khoa Kỹ thuật thuộc Trung tâm Y tế huyện Đắk R'lấp đang được đầu tư từ nguồn ngân sách tỉnh theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 11/5/2021 của HĐND tỉnh.

- Tại Trung tâm Y tế thành phố Gia Nghĩa: Đầu tư xây dựng mới hệ thống xử lý nước thải 10m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.4. Nhóm dự án: B.

2.5. Tổng mức đầu tư dự án: 86.550 triệu đồng.

2.6. Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách Trung ương (thuộc Chương trình phục hồi và Phát triển kinh tế - xã hội).

1.7. Địa điểm thực hiện dự án: Trong phạm vi khuôn viên Trung tâm Y tế các huyện, thành phố Gia Nghĩa.

1.8. Thời gian thực hiện dự án dự kiến: Giai đoạn 2022-2023.

### **3. Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo 09 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Đắk Nông:**

3.1. Sự cần thiết đầu tư: Hiện nay cơ sở hạ tầng tại một số trạm y tế (TYT) đã hư hỏng, xuống cấp nhiều như: TYT xã Ea Pô, TYT xã Đắk Drông, huyện Cư Jút; TYT xã Đắk Găn, TYT xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil; TYT xã Đắk Ngo, TYT xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức; TYT xã Đắk Drô, huyện Krông Nô; TYT xã Quảng Sơn, TYT xã Quảng Hòa, huyện Đắk Glong. Trang thiết bị văn phòng đầu tư từ lâu, xử lý chậm các phần mềm khám chữa bệnh; thiếu các thiết bị cho hoạt động khám.

Nhằm phát triển mạng lưới y tế cơ sở đáp ứng tốt nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân; nâng cao năng lực quản lý và hiệu quả hoạt động của Trạm y tế; đẩy mạnh hoạt động mô hình bác sỹ gia đình tại trạm y tế; góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc ban đầu theo hướng toàn diện và liên tục, giúp sàng lọc bệnh tật, chuyển tuyến phù hợp, đồng thời giảm quá tải bệnh viện các tuyến trên; đồng thời nâng cao khả năng đáp ứng nhiệm vụ phòng, chống dịch, trong

đó có dịch bệnh Covid-19, việc nâng cấp, sửa chữa 09 Trạm y tế tuyến xã nêu trên là cần thiết.

3.2. Mục tiêu đầu tư dự án: Phát triển mạng lưới y tế cơ sở nhằm đáp ứng tốt nhu cầu khám chữa bệnh ban đầu cho người dân và nâng cao năng lực quản lý và hiệu quả hoạt động của Trạm y tế.

3.3. Quy mô đầu tư dự kiến:

- Nâng cấp, cải tạo TYT xã Ea Pô, huyện Cư Jú: Nâng cấp, sửa chữa đoạn hàng rào hư hỏng xuống cấp phía sau trạm; xây dựng mới cổng, hàng rào chung quanh; xây dựng sân nền bê tông phía sau trạm và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; lò đốt rác; mái che phục vụ tiêm chủng; đầu tư một số trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

- Nâng cấp, cải tạo TYT xã Đăk Drông, huyện Cư Jú: Nâng cấp, cải tạo một số hạng mục như sân nền bê tông và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; lò đốt rác; mái che phục vụ tiêm chủng; đầu tư một số trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

- Nâng cấp, cải tạo TYT xã Đăk Gằn, huyện Đăk Mil: Nâng cấp, cải tạo một số hạng mục như cổng, hàng rào, sân nền bê tông và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; xây mới kè đá; xây mới nhà vệ sinh; lò đốt rác; mái che phục vụ tiêm chủng; đầu tư một số trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

- Nâng cấp, cải tạo TYT xã Đức Mạnh, huyện Đăk Mil: Nâng cấp, cải tạo các hạng mục hư hỏng, xuống cấp tại khối nhà trạm y tế; xây mới mở rộng khối nhà trạm; lò đốt rác; mái che phục vụ tiêm chủng; xây mới kè đá; đầu tư một số trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

- Nâng cấp, cải tạo TYT xã Đăk Ngo, huyện Tuy Đức: Nâng cấp, cải tạo một số hạng mục như cổng, hàng rào, sân nền bê tông và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; sửa chữa, cải tạo nhà vệ sinh và hệ thống cấp nước sinh hoạt; lò đốt rác; mái che phục vụ tiêm chủng; đầu tư một số trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

- Nâng cấp, cải tạo TYT xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức: Nâng cấp, cải tạo các hạng mục hư hỏng, xuống cấp tại khối nhà trạm y tế; xây dựng, cải tạo cổng, hàng rào sân nền bê tông và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; lò đốt rác; mái che phục vụ tiêm chủng; đầu tư một số trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

- Nâng cấp, cải tạo TYT xã Đăk Drô, huyện Krông Nô: Sửa chữa, cải tạo một số hạng mục hư hỏng, xuống cấp tại khối nhà trạm y tế; xây mới mở rộng khối nhà trạm; hệ thống xử lý nước thải; đầu tư thiết bị xử lý nước thải, một số trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

- Nâng cấp, cải tạo TYT xã Quảng Sơn, huyện Đăk Glông: Sửa chữa, cải tạo cổng, hàng rào và một số hạng mục hư hỏng, xuống cấp tại khối nhà

trạm y tế; đầu tư một số trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị y tế phục vụ chuyên môn.

- Nâng cấp, cải tạo TYT xã Quảng Hòa, huyện Đắk Glong: Sửa chữa, cải tạo công, hàng rào và một số hạng mục hư hỏng, xuống cấp tại khối nhà trạm y tế; Xây mới mở rộng khối nhà trạm; đầu tư một số trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị y tế phục vụ chuyên môn.

3.4. Nhóm dự án: C.

3.5. Tổng mức đầu tư dự án: 14.900 triệu đồng từ nguồn Ngân sách Trung ương (thuộc Chương trình phục hồi và Phát triển kinh tế xã hội).

3.6. Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách Trung ương (thuộc Chương trình phục hồi và Phát triển kinh tế - xã hội).

3.7. Địa điểm thực hiện dự án: Trong phạm vi khuôn viên các Trạm y tế tuyến xã.

3.8. Thời gian thực hiện dự án dự kiến: Giai đoạn 2022-2023.

*Hồ sơ gửi kèm: (1) Các hồ sơ theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 04/4/2020 của Chính phủ, gồm có: Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của các đơn vị đề xuất; Báo cáo thẩm định chủ trương đầu tư; Công văn số 681/TTg-KTTH ngày 01/8/2022 về thông báo danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội (đợt 2); (2) Dự thảo các Nghị quyết phê duyệt Chủ trương đầu tư của 08 dự án nêu trên.*

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./ ngân

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: YT, XD, TC, KHĐT;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KT.

32

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Chiến**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày tháng 8 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp, cải tạo 09 Trạm y tế  
tuyến xã, tỉnh Đắk Nông**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG  
KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ CHUYÊN ĐỀ THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của  
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội  
về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển  
kinh tế xã hội;*

*Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về  
Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội và triển khai Nghị quyết  
số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ  
Chương trình;*

*- Công văn số 618/TTg-KTTH ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ  
về việc thông báo danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương  
trình phục hồi và Phát triển kinh tế - xã hội (đợt 2);*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân  
dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo 09 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Đắk Nông do Sở Y tế đề xuất, với một số nội dung chủ yếu như sau:



1. Mục tiêu đầu tư: Phát triển mạng lưới y tế cơ sở nhằm đáp ứng tốt nhu cầu khám chữa bệnh ban đầu cho người dân và nâng cao năng lực quản lý và hiệu quả hoạt động của Trạm y tế.

2. Quy mô đầu tư dự kiến:

Nâng cấp, cải tạo trạm y tế xã thuộc tỉnh Đắk Nông, bao gồm các hạng mục:

2.1. Nâng cấp, cải tạo TYT xã Ea Pô, huyện Cư Jút:

- Nâng cấp, sửa chữa đoạn hàng rào hư hỏng xuống cấp phía sau trạm; xây dựng mới cổng, hàng rào chung quanh; xây dựng sân nền bê tông phía sau trạm và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; lò đốt rác; mái che phục vụ tiêm chủng;

- Đầu tư một số trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

2.2. Nâng cấp, cải tạo TYT xã Đắk Drông, huyện Cư Jút:

- Nâng cấp, cải tạo một số hạng mục như sân nền bê tông và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; lò đốt rác; mái che phục vụ tiêm chủng;

- Đầu tư một số trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

2.3. Nâng cấp, cải tạo TYT xã Đắk Gằn, huyện Đắk Mil:

- Nâng cấp, cải tạo một số hạng mục như cổng, hàng rào, sân nền bê tông và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; xây mới kè đá; xây mới nhà vệ sinh; lò đốt rác; mái che phục vụ tiêm chủng;

- Đầu tư một số trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

2.4. Nâng cấp, cải tạo TYT xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil:

- Nâng cấp, cải tạo các hạng mục hư hỏng, xuống cấp tại khối nhà trạm y tế; Xây mới mở rộng khối nhà trạm; lò đốt rác; mái che phục vụ tiêm chủng; Xây mới kè đá;

- Đầu tư một số trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

2.5. Nâng cấp, cải tạo TYT xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức:

- Nâng cấp, cải tạo một số hạng mục như cổng, hàng rào, sân nền bê tông và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; sửa chữa, cải tạo nhà vệ sinh và hệ thống cấp nước sinh hoạt; lò đốt rác; mái che phục vụ tiêm chủng;

- Đầu tư một số trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

2.6. Nâng cấp, cải tạo TYT xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức:

- Nâng cấp, cải tạo các hạng mục hư hỏng, xuống cấp tại khối nhà trạm y tế; Xây dựng, cải tạo công, hàng rào sân nền bê tông và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; lò đốt rác; mái che phục vụ tiêm chủng;

- Đầu tư một số trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

#### 2.7. Nâng cấp, cải tạo TYT xã Đăk Drô, huyện Krông Nô:

- Sửa chữa, cải tạo một số hạng mục hư hỏng, xuống cấp tại khối nhà trạm y tế; Xây mới mở rộng khối nhà trạm; hệ thống xử lý nước thải;

- Đầu tư thiết bị xử lý nước thải, một số trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

#### 2.8. Nâng cấp, cải tạo TYT xã Quảng Sơn, huyện Đăk Glong:

- Sửa chữa, cải tạo công, hàng rào và một số hạng mục hư hỏng, xuống cấp tại khối nhà trạm y tế;

- Đầu tư một số trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị y tế phục vụ chuyên môn.

#### 2.9. Nâng cấp, cải tạo TYT xã Quảng Hòa, huyện Đăk Glong:

- Sửa chữa, cải tạo công, hàng rào và một số hạng mục hư hỏng, xuống cấp tại khối nhà trạm y tế; Xây mới mở rộng khối nhà trạm;

- Đầu tư một số trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị y tế phục vụ chuyên môn.

### 3. Nhóm dự án: C.

4. Tổng mức đầu tư dự án: Không quá 14.900.000.000 đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách Trung ương (thuộc Chương trình phục hồi và Phát triển kinh tế xã hội).

6. Địa điểm thực hiện dự án: 09 Trạm Y tế xã tại các huyện Cư Jút, Đăk Mil, Krông Nô, Tuy Đức, Đăk Glong, cụ thể: xã Ea Pô và xã Đăk Drông, huyện Cư Jút; xã Đăk Gắn và xã Đức Mạnh, huyện Đăk Mil; xã Đăk Drô, huyện Krông Nô; xã Đăk Ngo và xã Quảng Tâm huyện Tuy Đức; xã Quảng Sơn và xã Quảng Hòa, huyện Đăk Glong.

7. Thời gian thực hiện dự án dự kiến: Giai đoạn 2022-2023.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao UBND tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện Nghị quyết, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tính chính xác về mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư của dự án phù hợp thực tế và quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khóa IV, Kỳ họp lần thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các bộ: Kế hoạch & Đầu tư; Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND huyện Đắk Glong;
- Báo Đắk Nông, Đài PT-TH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo Đắk Nông;
- Trung tâm Lưu trữ -SNV;
- Lưu: VT, CT. HĐND, HC-TC- QT, HSKH.

**CHỦ TỊCH**

**Lưu Văn Trung**

Số: /NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày tháng năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc phê duyệt chủ trương dự án: Đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG  
KHÓA IV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội;*

*Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình;*

*Căn cứ Công văn số 681/TTg-KTTH ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc thông báo danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và Phát triển kinh tế xã hội (đợt 2);*

*Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông, với một số nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu đầu tư: Đảm bảo cơ sở hạ tầng đầy đủ, nâng cao năng lực cung

ứng và chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người dân, góp phần tăng cường chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và giảm quá tải cho bệnh viện tuyến trên; từng bước hiện đại, nâng cao hiệu quả và phát bền vững mạng lưới Y tế cơ sở.

## 2. Quy mô đầu tư dự kiến:

(1) Nâng cấp, mua sắm nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mổ và các thiết bị cho các phòng mổ tại 06 trung tâm y tế huyện thuộc tỉnh Đắk Nông, cụ thể: 02 phòng mổ tại Trung tâm Y tế huyện Đắk Mil; 01 phòng mổ tại Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong; 01 phòng mổ tại Trung tâm Y tế huyện Đắk Song; 01 phòng mổ tại Trung tâm Y tế huyện Đắk Cư Jút; 02 phòng mổ tại Trung tâm Y tế huyện Krông Nô; 01 phòng mổ tại Trung tâm Y tế huyện Tuy Đức.

(2) Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng cho 08 trung tâm y tế các huyện, cụ thể:

- Tại Trung tâm Y tế huyện Krông Nô: nâng cấp sửa chữa cơ sở hạ tầng các hạng mục chính (Khối nhà Hành chính, Khối nhà điều trị nội trú, nhà cầu nổi, khoa dinh dưỡng) và các hạng mục phụ trợ.

- Tại Trung tâm Y tế huyện Cư Jút: Nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng các hạng mục chính: (Khối khám và điều trị; Khối bệnh truyền nhiễm và giải phẫu bệnh lý; Khối chống nhiễm khuẩn - dinh dưỡng; Nhà cầu nổi) và các hạng mục phụ trợ.

- Tại Trung tâm Y tế huyện Đắk Mil: Nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng các hạng mục chính: (Khối khám và điều trị; Khối bệnh truyền nhiễm và giải phẫu bệnh lý; Khối chống nhiễm khuẩn-dinh dưỡng; Nhà cầu nổi, nhà bảo vệ) và Các hạng mục phụ trợ.

- Tại Trung tâm Y tế huyện Đắk Song: Xây mới hệ thống xử lý nước thải công suất 100m<sup>3</sup>/ngày đêm; Sửa chữa một số hạng mục đã xuống cấp tại Nhà điều trị nội trú; Hệ thống thu gom nước thải (ngoài dự án đang được đầu tư).

- Tại Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong: Nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng Các hạng mục chính (Nhà hành chính, Khoa dược và điều trị, các nhà cầu nổi) và Các hạng mục phụ trợ (ngoài dự án đang được đầu tư).

- Tại Trung tâm Y tế huyện Tuy Đức: Nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng các hạng mục chính (Khối khám chữa bệnh ngoại trú; Khối kỹ thuật nghiệp vụ khoa dược; Khối điều trị nội trú; Khối hành chính hậu cần; Khối dịch vụ tổng hợp; Nhà cầu nổi) và các hạng mục phụ trợ.

- Tại Trung tâm Y tế huyện Đắk R'lấp: Nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng các hạng mục chính (Nhà điều trị nội trú 03 tầng: Khoa sản - Khoa Nhi - Khoa Nội); Xây mới khu nhà chống nhiễm khuẩn, đấu nối khu vực tầng 2 vào khu

trị, các hạng mục khác và các hạng mục phụ trợ (ngoài dự án đang được đầu tư).

- Tại Trung tâm Y tế thành phố Gia Nghĩa: Đầu tư xây dựng mới hệ thống xử lý nước thải 10m<sup>3</sup>/ngày đêm.

3. Nhóm dự án: B.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 86.550.000.000 đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách Trung ương (thuộc Chương trình phục hồi và Phát triển kinh tế xã hội).

6. Địa điểm thực hiện dự án: Trong phạm vi khuôn viên thuộc các Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Đắk Nông.

7. Thời gian thực hiện dự án dự kiến: Giai đoạn 2022- 2023.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện Nghị quyết, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tính chính xác về mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư của dự án phù hợp thực tế và quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khóa IV, Kỳ họp chuyên đề thông qua ngày ... tháng ... năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

### **Nơi nhận:**

- Như điều 2, 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Hội đồng thẩm định 476;
- Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, HSKH.

**CHỦ TỊCH**

**Lưu Văn Trung**

Số: /NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày tháng năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc phê duyệt chủ trương dự án: Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp,  
mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG  
KHÓA IV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội;*

*Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình;*

*Căn cứ Công văn số 681/TTg-KTTH ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc thông báo danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và Phát triển kinh tế xã hội (đợt 2);*

*Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh, với một số nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu đầu tư: nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác phòng chống dịch bệnh, trong đó có dịch bệnh Covid-19; đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc

sức khỏe người dân; nâng cao năng lực chuyên môn của Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh.

2. Quy mô đầu tư dự kiến:

- Sửa chữa, cải tạo cơ sở 01: Sơn, chống thấm, ốp gạch một số phòng và sửa chữa, cải tạo hạ tầng ngoài nhà.

- Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp và xây mới các hạng mục tại cơ sở 02: Nâng cấp, sửa chữa Khu khám bệnh - Xét nghiệm; xây mới bổ sung Khối nhà xét nghiệm, Khám bệnh (công trình cấp III, diện tích sàn khoảng 600m<sup>2</sup>) đảm bảo hiện đại, đạt tiêu chuẩn, đáp ứng công năng tương ứng với thiết bị mua sắm; xây mới Hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom nước thải.

- Mua sắm trang thiết bị đáp ứng đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao và dự phòng sẵn để ứng phó khi có dịch bệnh xảy ra.

3. Nhóm dự án: C.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 30.000.000.000 đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách Trung ương (thuộc Chương trình phục hồi và Phát triển kinh tế xã hội).

6. Địa điểm thực hiện dự án: Trong phạm vi khuôn viên thuộc Trung tâm kiểm soát Bệnh tật quản lý, tại thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

7. Thời gian thực hiện dự án dự kiến: Giai đoạn 2022- 2023.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện Nghị quyết, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tính chính xác về mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư của dự án phù hợp thực tế và quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khóa IV, Kỳ họp chuyên đề thông qua ngày ... tháng ... năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 2, 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Hội đồng thẩm định 476;
- Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, HSKH.

**CHỦ TỊCH**

**Lưu Văn Trung**



**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 681/TTg-KTTH

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2022

V/v thông báo danh mục và mức vốn  
cho các nhiệm vụ, dự án thuộc  
Chương trình phục hồi và phát triển  
kinh tế - xã hội (đợt 2)

Kính gửi:

- Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ: Y tế, Quốc phòng, Công an, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trên cơ sở danh mục và mức vốn được thông báo tại văn bản này khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án theo đúng mục tiêu, định hướng và nguyên tắc, tiêu chí như sau:

**1. Danh mục nhiệm vụ, dự án và mức vốn bố trí cho từng nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tại Phụ lục kèm theo. Cụ thể:**

**(1) Về lĩnh vực y tế là 13.198 tỷ đồng** cho 144 dự án để đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng, trung tâm kiểm soát bệnh tật cấp vùng, nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh của viện và bệnh viện cấp trung ương của 144 dự án.

**(2) Về đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng: 10.299 tỷ đồng** cho 06 dự án<sup>1</sup>.

Số vốn thông báo tại các điểm (1) và (2) nêu trên là số dự kiến, số vốn kế hoạch chính thức sẽ được Thủ tướng Chính phủ giao trên cơ sở báo cáo của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo yêu cầu tại văn bản này, ý kiến của

<sup>1</sup> Gồm: (1) Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang giai đoạn 1 (đoạn qua tỉnh Tuyên Quang); (2) Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang giai đoạn 1 (đoạn qua tỉnh Hà Giang); (3) Đầu tư đường cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu (đoạn từ Km19 đến Km53 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình); (4) Xây dựng cầu vượt sông Đáy nổi tỉnh Ninh Bình và tỉnh Nam Định thuộc tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng; (5) Dự án Đường gom đường vào cầu Rạch Miễu 2; (6) Dự án đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu trên địa bàn xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam và xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải (Đề án ổn định sản xuất, đời sống nhân dân và phát triển khu dân cư đối với các vị trí trước đây quy hoạch xây dựng Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1 và 2).

Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội.

**2. Đề nghị các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chỉ đạo các đơn vị trực thuộc hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án theo trình tự, thủ tục quy định của Luật Đầu tư công, trong đó lưu ý các nguyên tắc sau:**

- Mục tiêu, nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn cho các nhiệm vụ, dự án phải phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Trình tự, thủ tục lập, thẩm định phê duyệt dự án phải bảo đảm quy định của Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật liên quan.

- Bảo đảm khả năng cân đối vốn cho dự án để hoàn thành đúng tiến độ, bố trí vốn cho các dự án theo đúng thời gian quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công, trong đó số vốn ngân sách trung ương (NSTW) trong tổng mức đầu tư của dự án phải phù hợp với mức vốn NSTW thông báo tại văn bản này. Đối với các dự án có tổng mức đầu tư cao hơn mức vốn NSTW bố trí, các địa phương phải cam kết và báo cáo Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết phân bổ vốn ngân sách địa phương trong giai đoạn 2021-2025 để cân đối đủ vốn cho dự án, không để nợ đọng xây dựng cơ bản và dự án chậm tiến độ do thiếu vốn. Trong trường hợp điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư của dự án so với tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền giao vốn từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chủ động bố trí số vốn còn thiếu từ NSNN và nguồn vốn hợp pháp khác do cấp mình quản lý để hoàn thành dự án trong giai đoạn 2022-2025.

- Bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan; kiên quyết xóa bỏ cơ chế “xin - cho”, chống tiêu cực, tham nhũng, lợi ích nhóm.

***Ngoài các nội dung trên, đề nghị:***

a) Bộ Y tế chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các địa phương sớm hoàn thiện thủ tục đầu tư, đầu tư đúng đối tượng của Chương trình, đúng quy định của Luật Đầu tư công và cân đối đủ vốn hoàn thành dự án đúng tiến độ, phát huy hiệu quả ngay (có cam kết của các địa phương về việc bố trí vốn NSDP đối với các dự án có tổng mức đầu tư cao hơn so với mức NSTW hỗ trợ từ Chương trình); chịu trách nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan có liên quan về danh mục dự án, mức vốn đề xuất bố trí cho các dự án.

b) Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chịu trách nhiệm toàn diện trong việc đề xuất danh mục, mức vốn và thông tin, số liệu các nhiệm vụ, dự án sử dụng nguồn vốn từ Chương trình, bảo đảm đúng nguyên tắc, tiêu chí theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội và hiệu quả sử dụng nguồn vốn của Chương trình.

### 3. Tiến độ thực hiện

Đề nghị các bộ, cơ quan trung ương, địa phương tập trung chỉ đạo hoàn thành thủ tục đầu tư dự án chậm nhất là **30 ngày kể từ ngày** Thủ tướng Chính phủ thông báo danh mục và mức vốn; các bộ, cơ quan trung ương và địa phương phải hoàn thành các thủ tục đầu tư (phê duyệt chủ trương đầu tư), báo cáo về Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày **30/8/2022 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định**. Báo cáo nhiệm vụ, danh mục dự án và mức vốn bố trí cho từng nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội phải thực hiện theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 6 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ, thực hiện trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công.

Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chịu trách nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan thanh tra, kiểm toán về danh mục, mức vốn bố trí cho từng nhiệm vụ, dự án, tính chính xác và thống nhất về thông tin, số liệu giữa báo cáo trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công và văn bản báo cáo; chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về sự chậm trễ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong trường hợp báo cáo gửi chậm so với thời gian quy định.

Trong quá trình triển khai, các đơn vị phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xử lý, hướng dẫn, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc phát sinh. Trường hợp vượt thẩm quyền, đề nghị có báo cáo bằng văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng CP, các PTTg CP;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- VPCP: BTCN, PCN Mai Thị Thu Vân, Trợ lý TTg, các vụ: TH, TKBT, CN, NN, KGVX, PL, QHĐP;
- Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW (danh sách kèm theo);
- Lưu: VT, KTTH. **g**

**TUQ. THỦ TƯỚNG**

**BỘ TRƯỞNG**

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**



**Nguyễn Chí Dũng**



Tỉnh Đắk Nông



PHỤ LỤC I

**DỰ KIẾN TỔNG MỨC VỐN ĐẦU TƯ TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**  
(Kèm theo văn bản số 681/TTg-KTTH ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Nguồn vốn   | Dự kiến số vốn đầu tư từ chương trình phục hồi và phát triển KT-XH |
|-----|---|--|
|     | <b>Tổng số</b>  | <b>132.000</b>   |
|     | <b>ĐẦU TƯ NÂNG CAO NĂNG LỰC Y TẾ DỰ PHÒNG, Y TẾ CƠ SỞ</b> | 132.000  |



**PHỤ LỤC II**  
**DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN DỰ KIẾN ĐẦU TƯ**  
**TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**  
*(Kèm theo văn bản số 681/TTg-KTTH ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT      | Nguồn vốn   | Dự kiến số vốn đầu tư từ chương trình phục hồi và phát triển KT-XH |
|----------|---|--|
|          | <b>Tổng số</b>  | <b>132.000</b>   |
|          | <b>Đắk Nông</b>   | <b>132.000</b>   |
| <b>I</b> | <b>ĐẦU TƯ NÂNG CAO NĂNG LỰC Y TẾ DỰ PHÒNG, Y TẾ CƠ SỞ</b>   | <b>132.000</b>   |
| 1        | Dự án đầu tư xây mới, cải tạo nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Đắk Nông | 30.000   |
| 2        | Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Đắk Nông                      | 86.550   |
| 3        | Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo 09 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Đắk Nông   | 15.450   |

Số: 285/BC-SKH

Đắk Nông, ngày 12 tháng 8 năm 2022

### **BÁO CÁO THẨM ĐỊNH NỘI BỘ**

**Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án:  
Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo 09 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Đắk Nông**

Kính gửi: Hội đồng thẩm định 476.

Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được Báo cáo số 751/BC-SYT ngày 09/8/2022 của Sở Y tế, về đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo 09 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Đắk Nông; Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nội bộ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo 09 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Đắk Nông với kết quả thẩm định như sau:

#### **Phần thứ nhất**

### **TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH VÀ TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH**

#### **I. HỒ SƠ TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH:**

- Tờ trình số 187/TTr-SYT ngày 9/8/2022 của Sở Y tế, về thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng dự án: Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo 09 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Đắk Nông;

- Báo cáo số 751/BC-SYT ngày 9/8/2022 của Sở Y tế, về đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo 09 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Đắk Nông;

#### **II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỀ THẨM ĐỊNH:**

- Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 6/4/2020 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội;

- Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình;

- Công văn số 618/TTg-KTTH ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc thông báo danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và Phát triển kinh tế - xã hội (đợt 2);

- Công văn số 1165/UBND-KTTH của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ đối với các dự án đầu tư khởi công mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh;

- Biên bản kiểm tra thực địa ngày 5/8/2022.

### **III. TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH:**

- **Hình thức thẩm định:** Tổ chức khảo sát thực địa tại Giấy mời số 1812/SKH-THQH ngày 01/8/2022.

- **Cơ quan chủ trì thẩm định nội bộ:** Sở Kế hoạch và Đầu tư (theo Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh).

## **Phần thứ hai**

### **NỘI DUNG THẨM ĐỊNH**

#### **I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN THEO CƠ QUAN ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ:**

1. Tên dự án: Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo 09 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Đắk Nông.

2. Dự án nhóm: C

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: HĐND tỉnh.

4. Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh.

5. Cơ quan đề xuất chủ trương đầu tư: Sở Y tế.

6. Đơn vị dự kiến được giao nhiệm vụ chủ đầu tư: Sở Y tế.

7. Địa điểm thực hiện dự án: tại Trạm Y tế xã của các huyện: Cư Jút, Đắk Mil, Tuy Đức, Krông Nô, Đắk Glong thuộc tỉnh Đắk Nông.

8. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 14.900 triệu đồng.

9. Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương (thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội).

10. Thời gian thực hiện: Năm 2022-2023.

11. Hình thức đầu tư của dự án: Nâng cấp, sửa chữa.

#### **II. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THẨM ĐỊNH**

##### **1. Sự cần thiết đầu tư dự án:**

\* Theo Báo cáo của Sở Y tế:

Hoạt động củng cố hệ thống y tế cơ sở và tăng cường chăm sóc sức khỏe ban đầu luôn là những ưu tiên trong chính sách phát triển y tế Việt Nam, góp

phần quan trọng trong cải thiện tình trạng sức khỏe nhân dân. Trước bối cảnh già hóa dân số, mô hình bệnh tật thay đổi với sự gia tăng của các bệnh không lây nhiễm, trong khi y tế cơ sở vẫn còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân, việc xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở càng trở nên cấp bách hơn bao giờ hết.

Với quan điểm chỉ đạo “sức khỏe là vốn quý nhất của mỗi người dân và của cả xã hội. Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe là nghĩa vụ, trách nhiệm của mỗi người dân, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, đòi hỏi sự tham gia tích cực của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các ngành, trong đó ngành Y tế là nòng cốt”, Nghị quyết 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới khẳng định: Đầu tư cho bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân là đầu tư cho phát triển. Nghị quyết nêu rõ, đổi mới mạnh mẽ cơ chế và phương thức hoạt động của y tế cấp xã để thực hiện vai trò là tuyến đầu trong phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe. Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 05/12/2016 (Quyết định số 2348/QĐ-CP) đã xác định đổi mới tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính, phát triển nguồn nhân lực để nâng cao năng lực cung ứng và chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở; bảo đảm cung ứng đầy đủ các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh cho từng người dân trên địa bàn...

Các hoạt động nhằm nâng cao năng lực của mạng lưới y tế cơ sở tuy đã có những bước tiến đáng kể, song theo đánh giá của Sở Y tế, số lượng và chất lượng dịch vụ còn hạn chế, đặc biệt là các huyện vùng khó khăn, ở trạm y tế xã. Tỷ lệ lượt người sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh ngoại trú có xu hướng giảm tại trạm y tế xã, đặc biệt khi được phép liên thông khám chữa bệnh. Y tế cơ sở vẫn chưa thực hiện tốt việc quản lý sức khỏe cá nhân, tầm soát phát hiện bệnh sớm, quản lý bệnh nhất là các bệnh mạn tính.

Hiện nay, mô hình bệnh tật ở nước ta là mô hình bệnh tật kép, các bệnh lây nhiễm, suy dinh dưỡng vẫn ở mức khá cao, trong khi nhóm các bệnh không lây nhiễm và tai nạn thương tích tăng nhanh dẫn đến nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân càng ngày càng cao; việc sàng lọc, theo dõi, quản lý, điều trị bệnh mãn tính tại cộng đồng là hết sức cần thiết, đòi hỏi việc nâng cao năng lực y tế tuyến cơ sở. Có thể thấy, việc triển khai mô hình bác sĩ gia đình tại địa phương rất cần thiết trong chăm sóc sức khỏe ban đầu tại tuyến cơ sở, giúp người dân dễ dàng tiếp cận dịch vụ y tế. Từ đó, người dân sẽ được tư vấn cụ thể được chữa bệnh hiệu quả hơn. Xuất phát từ thực tiễn bước đầu tiếp cận mô hình bác sĩ gia đình ở nước ta nói chung và tại tỉnh Đắk Nông nói riêng cho thấy việc phát triển mô hình bác sĩ gia đình sẽ góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc ban đầu theo hướng toàn diện và liên tục, giúp sàng lọc bệnh tật, chuyển tuyến phù hợp, góp phần giảm quá tải bệnh viện các tuyến. Sở Y tế đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch nâng cao năng lực y tế cơ sở trong tình hình mới gắn liền



với phát triển công tác khám chữa bệnh theo nguyên lý y học gia đình trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025. Đây là những tiền đề cơ bản để việc xây dựng và phát triển mô hình bác sỹ gia đình tại địa phương các năm tiếp theo đạt chất lượng, hiệu quả. Tuy nhiên, để tiếp cận với dịch vụ y tế của người dân được cải thiện, góp phần nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho toàn dân trong xã được tốt hơn, nên cần phải nâng cấp sửa chữa một số hạng mục của các Trạm Y tế. Vì vậy, việc xây dựng nâng cấp, cải tạo cho các trạm là hết sức cần thiết.

*\* Ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư:*

Việc nâng cấp, sửa chữa các công trình là phù hợp để hiện đại hóa hệ thống y tế cơ sở, nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh, trong đó có dịch COVID-19, góp phần phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, đề nghị Sở Y tế làm rõ hiện trạng các công trình, xác định rõ các phạm vi hư hỏng cần phải sửa chữa, nêu rõ quá trình đầu tư và các lần sửa chữa gần nhất của các công trình, không đề xuất các hạng mục công trình mới đầu tư sửa chữa hoặc nâng cấp, không đề xuất trùng lặp với các nguồn vốn khác đã bố trí.

**2. Sự phù hợp với các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và quy hoạch:** Đã được dự kiến đầu tư trong danh mục dự án Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (tại Công văn số 618/TTg-KTTH ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính). Phù hợp với các mục tiêu, định hướng phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ.

**3. Sự phù hợp với tiêu chí phân loại dự án nhóm A, B, C:** Dự án nhóm C (phù hợp với tiêu chí phân loại dự án tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 của Luật Đầu tư công năm 2019).

**4. Mục tiêu đầu tư dự án:** Phát triển mạng lưới y tế cơ sở nhằm đáp ứng tốt nhu cầu khám chữa bệnh ban đầu cho người dân và nâng cao năng lực quản lý và hiệu quả hoạt động của Trạm y tế.

**5. Quy mô đầu tư, năng lực tăng thêm:**

*\* Ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư:* để đảm bảo hiệu quả đầu tư đề nghị Sở Y tế xác định đúng mục tiêu đầu tư, rà soát lại quy mô đầu tư, loại bỏ các hạng mục không cần thiết hoặc đã được đầu tư, trong đó tập trung khắc phục các hạng mục xuống cấp, cấp thiết đầu tư, tập trung các hạng mục hư hỏng lớn, đã xuống cấp cần phải nâng cấp, sửa chữa ngay (tránh đề xuất manh mún, các hạng mục mang tính duy tu, bảo dưỡng), đảm bảo tinh thần tập trung nguồn lực, đầu tư tiết kiệm, hiệu quả nguồn vốn. Riêng về hạng mục mua sắm trang thiết bị văn phòng, trang thiết bị y tế, việc đầu tư là đảm bảo mục tiêu nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, tuy nhiên đây là nội dung chuyên môn, nhưng do thời gian gấp, do đó, đề nghị Sở Y tế chủ động rà soát kỹ lưỡng và chịu trách nhiệm trước hội đồng về sự cần thiết, nhu cầu mua sắm của các Trạm y tế từ đó xác định tổng mức đầu tư cho phù hợp, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả.

#### **6. Tổng mức đầu tư dự án:**

\* *Ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư:* Đề nghị Sở Y tế trên cơ sở rà soát lại quy mô, xác định dự kiến tổng mức đầu tư cho phù hợp, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả, không quá 14.900 triệu đồng.

#### **7. Nguồn vốn và khả năng cân đối vốn:**

- Về nguồn vốn: Ngân sách Trung ương (thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội).

- Khả năng cân đối vốn cho dự án: Không quá 14.900 triệu đồng.

**8. Địa điểm và phạm vi đầu tư dự án:** 09 Trạm Y tế xã tại các huyện Cư Jút, Đắk Mil, Krông Nô, Tuy Đức, Đắk Glong, cụ thể: xã Ea Pô và xã Đắk Drông, huyện Cư Jút; xã Đắk Gàn và xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil; xã Đắk Drô, huyện Krông Nô; xã Đắk Ngo và xã Quảng Tâm huyện Tuy Đức; xã Quảng Sơn và xã Quảng Hòa, huyện Đắk Glong.

**9. Xác định sơ bộ chi phí liên quan và chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành:** Không phát sinh thêm chi phí.

**10. Đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội:**

- Việc thực hiện dự án sẽ có ảnh hưởng nhất định nếu chủ đầu tư không quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, ảnh hưởng không lớn và không kéo dài.

- Dự án sau khi hoàn thành sẽ tạo cơ sở vật chất sạch sẽ và khang trang, góp phần vào việc hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở để nâng cao chất lượng khám chữa bệnh ban đầu cho người dân được tốt hơn.

**11. Đơn vị dự kiến được giao nhiệm vụ chủ đầu tư:** Sở Y tế tỉnh Đắk Nông (*Phù hợp với quy định tại Công văn số 1165/UBND-KTTH của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ đối với các dự án đầu tư khởi công mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh*).

**12. Các nội dung khác:** Không

#### **IV. KẾT LUẬN:**

1. Đề nghị Cơ quan đề xuất dự án làm rõ các nội dung thẩm định nội bộ nêu trên, báo cáo HĐĐTĐ 476 để xem xét, quyết định.

2. Dự án đủ điều kiện để trình HĐĐTĐ 476 tổ chức thẩm định đề xuất chủ trương đầu tư.

3. Cơ quan đề xuất chịu trách nhiệm về nội dung đề xuất dự án, sự cần thiết và tính hiệu quả của dự án đề xuất.

Trên đây là ý kiến thẩm định nội bộ báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo 09 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Đắk Nông, kính đề nghị Hội đồng thẩm định 476 xem xét, thẩm định theo quy định./

**Nơi Nhận:**

- Chủ tịch và các thành viên HĐTD 476;
- Các Đ/c lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, THQH.

**GIÁM ĐỐC**



**Trần Đình Ninh**

1  
2  
3  
4  
5



1. Tên dự án: Đầu tư nâng cấp, cải tạo trạm y tế xã thuộc tỉnh Đắk Nông.
2. Nhóm Dự án: Nhóm C.
3. Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh Đắk Nông.
4. Tên chủ đầu tư: Sở Y tế.
5. Địa điểm thực hiện dự án: tại Trạm Y tế xã của các huyện: Cư Jút, Đắk Mil, Tuy Đức, Krông Nô, Đắk Glong thuộc tỉnh Đắk Nông.
6. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 14.900 triệu đồng  
Nguồn vốn: Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội.
7. Thời gian thực hiện: Dự kiến từ 2022-2023  
Phân kỳ đầu tư sử dụng nguồn vốn:

| Năm              | Ngân sách (triệu đồng) |
|------------------|------------------------|
| 2022             | 4.000                  |
| 2023             | 10.900                 |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>14.900</b>          |

8. Hình thức đầu tư của Dự án: Nâng cấp, cải tạo.

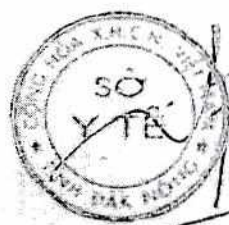
## II. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO:

- Tờ trình đề nghị thẩm định chủ trương đầu tư dự án.
- Báo cáo số 751/BC-SYT ngày 09 tháng 08 năm 2022 về đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư nâng cấp, cải tạo trạm y tế xã thuộc tỉnh Đắk Nông
- Sở Y tế trình Hội đồng thẩm định 476 xem xét, thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án, với các nội dung như trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/cáo);
- Sở KHĐT (b/cáo);
- Lưu: VT, KHTC (Qu).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Trần Quang Hào**

**BÁO CÁO****Đề xuất đầu tư dự án: Đầu tư nâng cấp, cải tạo Trạm y tế  
xã thuộc tỉnh Đắk Nông**

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, ngày 06/4/2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Công văn 725/BKHĐT-TH ngày 30/01/2022 của Bộ Kế hoạch và đầu tư về việc đơn đốc rà soát, tổng hợp danh mục dự án dự kiến bố trí từ nguồn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Công văn 3710/UBND-KT ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc rà soát danh mục các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội thuộc lĩnh vực Y tế tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Công văn 681/TTg-KTTH ngày 01/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thông báo danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (đợt 2);

Căn cứ Công văn 894/VPUBND-KT ngày 04/08/2022 của Văn phòng UBND tỉnh Đắk Nông về việc khẩn trương hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục để triển khai các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Sở Y tế báo cáo Hội đồng thẩm định 476 chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư nâng cấp, cải tạo trạm y tế xã thuộc tỉnh Đắk Nông, với các nội dung chính như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN**

1. Tên dự án: Đầu tư nâng cấp, cải tạo trạm y tế xã thuộc tỉnh Đắk Nông.
2. Dự án nhóm: C.
3. Cấp quyết định chủ trương dự án: UBND tỉnh.
4. Tên chủ đầu tư: Sở Y tế tỉnh Đắk Nông.
5. Địa điểm thực hiện dự án: tại Trạm Y tế xã của các huyện: Cư Jút, Đắk

Mil, Tuy Đức, Krông Nô, Đắk Glong thuộc tỉnh Đắk Nông.

6. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 14.900 triệu đồng.

7. Nguồn kinh phí đầu tư: Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội:

8. Thời gian thực hiện: 2022 - 2023.

*(Chi tiết theo các Phụ lục đính kèm).*

## II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN

1. Sự cần thiết đầu tư, điều kiện thực hiện đầu tư, sự phù hợp với quy hoạch và kế hoạch đầu tư:

### 1.1. Sự cần thiết đầu tư xây dựng dự án:

Hoạt động củng cố hệ thống y tế cơ sở và tăng cường chăm sóc sức khỏe ban đầu luôn là những ưu tiên trong chính sách phát triển y tế Việt Nam, góp phần quan trọng trong cải thiện tình trạng sức khỏe nhân dân. Trước bối cảnh già hóa dân số, mô hình bệnh tật thay đổi với sự gia tăng của các bệnh không lây nhiễm, trong khi y tế cơ sở vẫn còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân, việc xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở càng trở nên cấp bách hơn bao giờ hết.

Với quan điểm chỉ đạo “sức khỏe là vốn quý nhất của mỗi người dân và của cả xã hội. Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe là nghĩa vụ, trách nhiệm của mỗi người dân, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, đòi hỏi sự tham gia tích cực của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các ngành, trong đó ngành Y tế là nòng cốt”, Nghị quyết 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới khẳng định: Đầu tư cho bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân là đầu tư cho phát triển. Nghị quyết nêu rõ, đổi mới mạnh mẽ cơ chế và phương thức hoạt động của y tế cấp xã để thực hiện vai trò là tuyến đầu trong phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe. Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 05/12/2016 (Quyết định số 2348/QĐ-CP) đã xác định đổi mới tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính, phát triển nguồn nhân lực để nâng cao năng lực cung ứng và chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở; bảo đảm cung ứng đầy đủ các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh cho từng người dân trên địa bàn...

Các hoạt động nhằm nâng cao năng lực của mạng lưới y tế cơ sở tuy đã có những bước tiến đáng kể, song theo đánh giá của Sở Y tế, số lượng và chất lượng dịch vụ còn hạn chế, đặc biệt là các huyện vùng khó khăn, ở trạm y tế xã. Tỷ lệ lượt người sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh ngoại trú có xu hướng giảm tại trạm y tế xã, đặc biệt khi được phép liên thông khám chữa bệnh. Y tế cơ sở vẫn chưa thực hiện tốt việc quản lý sức khỏe cá nhân, tầm soát phát hiện bệnh sớm, quản lý bệnh nhất là các bệnh mạn tính.

Hiện nay, mô hình bệnh tật ở nước ta là mô hình bệnh tật kép, các bệnh lây nhiễm, suy dinh dưỡng vẫn ở mức khá cao, trong khi nhóm các bệnh không lây nhiễm và tai nạn thương tích tăng nhanh dẫn đến nhu cầu khám, chữa bệnh

của người dân càng ngày càng cao, việc sàng lọc, theo dõi, quản lý, điều trị bệnh mãn tính tại cộng đồng là hết sức cần thiết, đòi hỏi việc nâng cao năng lực y tế tuyến cơ sở. Có thể thấy, việc triển khai mô hình bác sĩ gia đình tại địa phương rất cần thiết trong chăm sóc sức khỏe ban đầu tại tuyến cơ sở, giúp người dân dễ dàng tiếp cận dịch vụ y tế. Từ đó, người dân sẽ được tư vấn cụ thể được chữa bệnh hiệu quả hơn. Xuất phát từ thực tiễn bước đầu tiếp cận mô hình bác sĩ gia đình ở nước ta nói chung và tại tỉnh Đắk Nông nói riêng cho thấy việc phát triển mô hình bác sĩ gia đình sẽ góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc ban đầu theo hướng toàn diện và liên tục, giúp sàng lọc bệnh tật, chuyển tuyến phù hợp, góp phần giảm quá tải bệnh viện các tuyến. Sở Y tế đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch nâng cao năng lực y tế cơ sở trong tình hình mới gắn liền với phát triển công tác khám chữa bệnh theo nguyên lý y học gia đình trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025. Đây là những tiền đề cơ bản để việc xây dựng và phát triển mô hình bác sĩ gia đình tại địa phương các năm tiếp theo đạt chất lượng, hiệu quả. Tuy nhiên, để tiếp cận với dịch vụ y tế của người dân được cải thiện, góp phần nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho toàn dân trong xã được tốt hơn, nên cần phải nâng cấp sửa chữa một số hạng mục của các Trạm Y tế. Vì vậy, việc xây dựng nâng cấp, cải tạo cho các trạm là hết sức cần thiết.

## **1.2. Điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư:**

Các công trình thuộc khuôn viên Trạm Y tế đáp ứng các điều kiện để thực hiện đầu tư, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư.

Dự án phù hợp với các mục tiêu, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 Chính phủ.

Phù hợp với định hướng phát triển hệ thống y tế cơ sở theo Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới, và kế hoạch nâng cao năng lực y tế cơ sở trong tình hình mới gắn liền với phát triển công tác khám chữa bệnh theo nguyên lý y học gia đình trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025.

## **2. Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư:**

### **2.1. Mục tiêu đầu tư:**

Phát triển mạng lưới y tế cơ sở nhằm đáp ứng tốt nhu cầu khám chữa bệnh ban đầu cho người dân và nâng cao năng lực quản lý và hiệu quả hoạt động của Trạm Y tế xã/phường/thị trấn.

**2.2. Quy mô đầu tư:** Nâng cấp, cải tạo trạm y tế xã thuộc tỉnh Đắk Nông, bao gồm các hạng mục:

- Nâng cấp, cải tạo TYT xã Ea Pô, huyện Cư Jú: Nâng cấp, cải tạo một số hạng mục như công hàng rào, sân bê tông, hạ tầng kỹ thuật,... và đầu tư xây dựng mới một số hạng mục để đáp ứng yêu cầu của trạm như làm mới lò đốt rác, mái che phục vụ tiêm chủng, sân bê tông, mương thoát nước, một số đoạn công, hàng rào mới,... Đầu tư một số trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.



- Nâng cấp, cải tạo TYT xã Đắc Drông, huyện Cư Jú: Nâng cấp, cải tạo một số hạng mục như công hàng rào, sân bê tông, hạ tầng kỹ thuật,... và đầu tư xây dựng mới một số hạng mục để đáp ứng yêu cầu của trạm như làm mới lò đốt rác, mái che phục vụ tiêm chủng, sân bê tông, mương thoát nước, một số đoạn công, hàng rào mới,... Đầu tư một số trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

- Nâng cấp, cải tạo TYT xã Đắc Gắn, huyện Đắc Mil: Nâng cấp, cải tạo một số hạng mục như công hàng rào, sân bê tông, hạ tầng kỹ thuật,... và đầu tư xây dựng mới một số hạng mục để đáp ứng yêu cầu của trạm như làm mới lò đốt rác, nhà vệ sinh, mái che phục vụ tiêm chủng, kê đá, sân bê tông, mương thoát nước, một số đoạn công, hàng rào mới... Đầu tư một số trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

- Nâng cấp, cải tạo TYT xã Đức Mạnh, huyện Đắc Mil: Nâng cấp, cải tạo toàn bộ trạm y tế cũ như công, hàng rào, sân bê tông, hệ thống cấp thoát nước, kê đá, sửa chữa toàn bộ nhà trạm chính, nhà vệ sinh, cấp điện,... và đầu tư xây dựng mới một số hạng mục để đáp ứng yêu cầu của trạm như mở rộng khối nhà mới đầu nối với khối nhà cũ, lò đốt rác, mái che phục vụ tiêm chủng, sân bê tông, mương thoát nước, một số đoạn công, hàng rào mới... Đầu tư một số trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

- Nâng cấp, cải tạo TYT xã Đắc Ngo, huyện Tuy Đức: Nâng cấp, cải tạo một số hạng mục như công hàng rào, hạ tầng kỹ thuật, nhà vệ sinh, ram dốc công chính,... và đầu tư xây dựng mới một số hạng mục để đáp ứng yêu cầu của trạm như làm mới lò đốt rác, giếng khoan, đài nước - cấp nước, mái che phục vụ tiêm chủng, sân bê tông, mương thoát nước, một số đoạn công, hàng rào mới... Đầu tư một số trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

- Nâng cấp, cải tạo TYT xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức: Nâng cấp, cải tạo toàn bộ trạm y tế cũ như công, hàng rào, sân bê tông, hệ thống cấp thoát nước, sửa chữa toàn bộ nhà trạm chính, hạ tầng kỹ thuật, ram dốc công chính,... và đầu tư xây dựng mới một số hạng mục để đáp ứng yêu cầu của trạm như làm mới lò đốt rác, mái che phục vụ tiêm chủng, sân bê tông, mương thoát nước, một số đoạn công, hàng rào mới,... Đầu tư một số trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

- Nâng cấp, cải tạo TYT xã Đắc Drô, huyện Krông Nô: Nâng cấp, cải tạo một số hạng mục của trạm y tế cũ như công, hàng rào, hệ thống cấp thoát nước, sơn sửa các hạng mục trạm chính, nhà vệ sinh, cấp điện,... và đầu tư xây dựng mới một số hạng mục để đáp ứng yêu cầu của trạm như mở rộng khối nhà mới đầu nối với khối nhà cũ, lò đốt rác, mái che phục vụ tiêm chủng, sân bê tông, công hàng rào, hệ thống xử lý nước thải,... Đầu tư thiết bị xử lý nước thải, một số trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

- Nâng cấp, cải tạo TYT xã Quảng Sơn, huyện Đắc Glong: Nâng cấp, cải tạo một số hạng mục của trạm y tế cũ như sơn sửa công vào, hàng rào, sửa chữa các hạng mục trạm chính, nhà vệ sinh, điện,... và đầu tư xây dựng mới một số hạng mục để đáp ứng yêu cầu của trạm như mở rộng khu tiêm chủng, mái che

phục vụ tiêm chủng, sân bê tông, công hàng rào, hạ tầng kỹ thuật,.... Đầu tư một số trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị y tế phục vụ chuyên môn.

- Nâng cấp, cải tạo TYT xã Quảng Hòa, huyện Đắk Glong: Nâng cấp, cải tạo một số hạng mục của trạm y tế cũ như sơn sửa công vào, hàng rào, sửa chữa các hạng mục trạm chính, nhà vệ sinh, điện,....và đầu tư xây dựng mới một số hạng mục để đáp ứng yêu cầu của trạm như mở rộng khối nhà mới đấu nối với khối nhà cũ, mái che phục vụ tiêm chủng, sân bê tông, công hàng rào, hạ tầng kỹ thuật,....Đầu tư một số trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

**3. Địa điểm xây dựng:** tại Trạm Y tế xã của các huyện: Cư Jút, Đắk Mil, Tuy Đức, Krông Nô, Đắk Glong thuộc tỉnh Đắk Nông.

**4. Dự kiến tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án.**

- Tổng mức đầu tư dự kiến khoảng: **14.900 triệu đồng.**

**5. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư và phân kỳ đầu tư:**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| STT         | Năm thực hiện     | Ngân sách     | Ghi chú |
|-------------|-------------------|---------------|---------|
| 1           | Năm thứ nhất 2022 | 4.000         |         |
| 2           | Năm thứ hai 2023  | 10.900        |         |
| <b>Tổng</b> |                   | <b>14.900</b> |         |

**6. Phương án giải phóng mặt bằng:** Không.

**7. Tác động môi trường, xã hội và hiệu quả đầu tư:**

**7.1. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường**

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật được thiết kế, thi công theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn, đảm bảo yêu cầu về môi trường. Hạn chế các yếu tố tác động tiêu cực đến môi trường, mặt khác công trình được bố trí trồng nhiều cây xanh tạo bóng mát và cải thiện môi trường sinh thái cho khu vực, sẽ góp phần cải tạo môi trường.

- Trong thời gian xây dựng công trình, sẽ có sự ảnh hưởng đến xung quanh do tiếng ồn của máy thi công. Tuy nhiên, đây chỉ là sự ảnh hưởng nhỏ, tạm thời và sẽ kết thúc khi hoàn thành công trình.

+ Rác thải trong quá trình thi công xây dựng sẽ được tập kết và vận chuyển đến đúng nơi quy định nên sẽ không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

+ Nước thải trong quá trình thi công xây dựng sẽ được thu gom, xử lý theo quy định trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Trong quá trình vận hành, sử dụng: Việc thiết kế xây dựng và quy định

vận hành sau khi hoàn thành công trình được xử lý cụ thể như sau:

+ Rác thải y tế được thu gom, tập kết và xử lý theo đúng quy trình.

+ Rác thải sinh hoạt được thu gom, tập kết tại vị trí quy định và phối hợp với công ty vệ sinh môi trường vận chuyển tới khu xử lý rác thải tập trung để xử lý theo quy định.

## 7.2. Hiệu quả đầu tư:

Dự án thực hiện thành công sẽ tạo cơ sở vật chất sạch sẽ và khang trang, góp phần vào việc hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở để nâng cao chất lượng khám chữa bệnh ban đầu cho người dân được tốt hơn.

## 8. Các giải pháp tổ chức thực hiện

### 8.1. Giai đoạn chuẩn bị đầu tư:

- Chủ đầu tư thuê Tư vấn quản lý dự án.

- Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn, khảo sát lập dự án đầu tư, thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán công trình.

- Chủ đầu tư trình thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình.

### 8.2. Giai đoạn thực hiện đầu tư:

- Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn Giám sát, lựa chọn nhà thầu, bảo hiểm công trình...

- Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công công trình.

- Chủ đầu tư phối hợp các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện dự án cũng như giám sát chất lượng của dự án.

- Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu công trình theo quy định hiện hành.

- Chủ đầu tư lập hồ sơ thanh quyết toán công trình theo quy định.

### 8.3. Giai đoạn kết thúc đầu tư đưa vào sử dụng:

Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu công trình bàn giao đưa vào sử dụng.

Trên đây là Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư nâng cấp, cải tạo Trạm y tế xã thuộc tỉnh Đắk Nông; Sở Y tế kính trình Hội đồng thẩm định 476 xem xét, thẩm định theo quy định./.

Nơi nhận:

- Hội đồng thẩm định 476;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Trung tâm Y tế các huyện/TP;
- Lưu: VT, KHTC (Qu).

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Quang Hào

**BẢNG KHAI TOÁN KINH PHÍ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

*(Kèm theo BCDX số ...../BC-SYT ngày .../8/2022 của Sở Y tế)*

| TT  | KHOẢN MỤC CHI PHÍ                                 | CÁCH TÍNH                        | Chi phí trước thuế | Thuế GTGT     | Chi phí sau thuế      |
|-----|---|----------------------------------|--------------------|---------------|-----------------------|
| 1   | CHI PHÍ XÂY DỰNG: (GXD)                           | Bảng khái toán XD                | 10.775.000.000     | 1.077.500.000 | 11.852.500.000        |
| 2   | CHI PHÍ THIẾT BỊ: (GTB)                           | Bảng khái toán TB                | 1.139.090.909      | 113.909.091   | 1.253.000.000         |
| 3   | CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN (GQLDA)                     | $(GXD + GTB) \times 3,2\%$       | 381.250.909        | 38.125.091    | 419.376.000           |
| 4   | CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG (GTV)              | $(3.1 + \dots + 3.n)$            | 843.999.882        | 84.399.988    | 928.400.000           |
| 4.3 | Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật              | $(GXD + GTB) \times 3,8\%$       | 452.735.455        | 45.273.545    | 498.009.000           |
| 4.4 | Chi phí lập HSDT                                  | $GXD \times 0,432\% \times 0,45$ | 20.946.600         | 2.094.660     | 23.041.000            |
| 4.5 | Chi phí đánh Giá HSDT                             | $GXD \times 0,432\% \times 0,55$ | 25.601.400         | 2.560.140     | 28.162.000            |
| 4.6 | Chi phí thẩm định HSDT                            | $GXD \times 0,05\%$              | 5.387.500          | 538.750       | 5.926.250             |
| 4.7 | Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu       | $GXD \times 0,05\%$              | 5.387.500          | 538.750       | 5.926.250             |
| 4.8 | Chi phí giám sát thi công xây dựng                | $GXD \times 3,01\%$              | 324.327.500        | 32.432.750    | 356.760.000           |
| 4.9 | Chi phí giám sát lập đất thiết bị                 | $GTB \times 0,844\%$             | 9.613.927          | 961.393       | 10.575.000            |
| 5   | CHI PHÍ KHÁC                                      | $(4.1 + \dots + 4.n)$            | 155.309.486        | 9.862.000     | 165.171.000           |
| 5.1 | Chi phí thẩm định nghiên cứu khả thi              | $(Gxd + Gtb) \times 0,117\%$     | 13.939.486         |               | 13.939.000            |
| 5.2 | Chi phí kiểm toán độc lập                         | TMDT $\times 0,6\%$              | 90.000.000         | 9.000.000     | 99.000.000            |
| 5.3 | Chi phí bảo hiểm công trình                       | $GXD \times 0,08\%$              | 8.620.000          | 862.000       | 9.482.000             |
| 5.4 | Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư | TMDT $\times 0,57\%$             | 42.750.000         |               | 42.750.000            |
| 6   | CHI PHÍ DỰ PHÒNG                                  |                                  |                    |               | 281.553.000           |
| 6.1 | Dự phòng phí cho khối lượng phát sinh             |                                  |                    |               | 281.553.000           |
|     | <b>TỔNG CỘNG:</b>                                 | $(1 + \dots + 5)$                |                    |               | <b>14.900.000.000</b> |

## BẢNG ĐƠN GIÁ KHAI TOÁN PHẦN XÂY LẬP

(Kèm theo Báo cáo số ...../BC-SYT ngày ...../8/2022 của Sở Y tế)

| STT      | Tên công tác  | Đơn vị | Khối lượng | Đơn giá    | Thành tiền           |
|----------|---|--------|------------|------------|----------------------|
| <b>1</b> | <b>Nâng cấp, cải tạo TYT xã Ea Pô, huyện Cư Jút</b>     |        |            |            | <b>706.000.000</b>   |
| -        | Sửa chữa, làm mới công, hàng rào                        | md     | 170,       | 1.200.000  | 204.000.000          |
| -        | Sân bê tông, hạ tầng kỹ thuật                           | m2     | 350,       | 400.000    | 140.000.000          |
| -        | Xây mới mương thoát nước                                | md     | 120,       | 600.000    | 72.000.000           |
| -        | Mái che phục vụ tiêm chủng                              | m2     | 300,       | 800.000    | 240.000.000          |
| -        | Lò đốt rác  | TT     | 1,         | 50.000.000 | 50.000.000           |
| <b>2</b> | <b>Nâng cấp, cải tạo TYT xã Đăk Drông, huyện Cư Jút</b> |        |            |            | <b>722.000.000</b>   |
| -        | Sửa chữa, làm mới công, hàng rào                        | md     | 200,       | 1.200.000  | 240.000.000          |
| -        | Xây mới mương thoát nước                                | md     | 120,       | 600.000    | 72.000.000           |
| -        | Sân bê tông, hạ tầng kỹ thuật                           | m2     | 300,       | 400.000    | 120.000.000          |
| -        | Mái che phục vụ tiêm chủng                              | m2     | 300,       | 800.000    | 240.000.000          |
| -        | Lò đốt rác  | TT     | 1,         | 50.000.000 | 50.000.000           |
| <b>3</b> | <b>Nâng cấp, cải tạo TYT xã Đăk Găn, huyện Đăk Mil</b>  |        |            |            | <b>722.000.000</b>   |
| -        | Sửa chữa, làm mới công, hàng rào                        | md     | 150,       | 1.200.000  | 180.000.000          |
| -        | Sân bê tông, hạ tầng kỹ thuật                           | m2     | 150,       | 400.000    | 60.000.000           |
| -        | Xây mới kê đá   | md     | 50,        | 800.000    | 40.000.000           |
| -        | Xây mới mương thoát nước                                | md     | 120,       | 600.000    | 72.000.000           |
| -        | Mái che phục vụ tiêm chủng                              | m2     | 250,       | 800.000    | 200.000.000          |
| -        | Xây mới nhà vệ sinh                                     | m2     | 15,        | 8.000.000  | 120.000.000          |
| -        | Lò đốt rác  | TT     | 1,         | 50.000.000 | 50.000.000           |
| <b>4</b> | <b>Nâng cấp, cải tạo TYT xã Đức Mạnh, huyện Đăk Mil</b> |        |            |            | <b>2.695.000.000</b> |
| -        | Sửa chữa toàn bộ nhà trạm cũ                            | m2     | 200,       | 2.800.000  | 560.000.000          |

### BẢNG ĐƠN GIÁ KHAI TOÁN PHẦN XÂY LẬP

(Kèm theo Báo cáo số ...../BC-SYT ngày ...../8/2022 của Sở Y tế)

| STT      | Tên công tác   | Đơn vị | Khối lượng | Đơn giá     | Thành tiền           |
|----------|--|--------|------------|-------------|----------------------|
| -        | Sửa chữa, làm mới công hàng rào                          | md     | 250,       | 1.200.000   | 300.000.000          |
| -        | Sân bê tông, hạ tầng kỹ thuật                            | m2     | 200,       | 400.000     | 80.000.000           |
| -        | Mái che phục vụ tiêm chủng                               | m2     | 200,       | 800.000     | 160.000.000          |
| -        | Xây mới kê đá  | md     | 50,        | 1.500.000   | 75.000.000           |
| -        | Lò đốt rác   | TT     | 1,         | 50.000.000  | 50.000.000           |
| -        | Xây mới mương thoát nước                                 | md     | 50,        | 600.000     | 30.000.000           |
| -        | Xây mới mở rộng khối nhà trạm                            | m2     | 180,       | 8.000.000   | 1.440.000.000        |
| <b>5</b> | <b>Nâng cấp, cải tạo TYT xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức</b>   |        |            |             | <b>1.307.500.000</b> |
| -        | Sửa chữa, làm mới công hàng rào                          | md     | 250,       | 1.200.000   | 300.000.000          |
| -        | Sửa chữa nhà vệ sinh                                     | m2     | 15,        | 2.500.000   | 37.500.000           |
| -        | Sân bê tông, hạ tầng kỹ thuật                            | m2     | 250,       | 600.000     | 150.000.000          |
| -        | Mái che phục vụ tiêm chủng                               | m2     | 350,       | 800.000     | 280.000.000          |
| -        | Xây mới mương thoát nước                                 | md     | 150,       | 600.000     | 90.000.000           |
| -        | Lò đốt rác   | TT     | 1,         | 50.000.000  | 50.000.000           |
| -        | Cải tạo ram dốc công vào                                 | TT     | 1,         | 200.000.000 | 200.000.000          |
| -        | Giếng khoan, đài nước, cấp nước                          | TT     | 1,         | 200.000.000 | 200.000.000          |
| <b>6</b> | <b>Nâng cấp, cải tạo TYT xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức</b> |        |            |             | <b>1.420.000.000</b> |
| -        | Sửa chữa, làm mới công hàng rào                          | md     | 350,       | 1.200.000   | 420.000.000          |
| -        | Sửa chữa nhà trạm cũ                                     | m2     | 200,       | 2.000.000   | 400.000.000          |
| -        | Sân bê tông, hạ tầng kỹ thuật                            | m2     | 300,       | 400.000     | 120.000.000          |
| -        | Mái che phục vụ tiêm chủng                               | m2     | 300,       | 800.000     | 240.000.000          |
| -        | Xây mới mương thoát nước                                 | md     | 150,       | 600.000     | 90.000.000           |
| -        | Lò đốt rác   | TT     | 1,         | 50.000.000  | 50.000.000           |
| -        | Cải tạo ram dốc công                                     | TT     | 1,         | 100.000.000 | 100.000.000          |

**BẢNG ĐƠN GIÁ KHAI TOÁN PHẦN XÂY LẬP**

*(Kèm theo Báo cáo số ...../BC-SYT ngày ..../8/2022 của Sở Y tế)*

| STT | Tên công tác   | Đơn vị | Khối lượng | Đơn giá    | Thành tiền            |
|-----|--|--------|------------|------------|-----------------------|
|     | vào  |        |            |            |                       |
| 7   | <b>Nâng cấp, cải tạo TYT xã Đắk Drô, huyện Krông Nô</b>    |        |            |            | <b>1.950.000.000</b>  |
| -   | Sửa chữa nhà trạm cũ                                       | m2     | 200,       | 500.000    | 100.000.000           |
| -   | Sửa chữa, làm mới công hàng rào                            | md     | 100,       | 1.200.000  | 120.000.000           |
| -   | Mái che phục vụ tiêm chủng                                 | m2     | 200,       | 800.000    | 160.000.000           |
| -   | Lò đốt rác   | TT     | 1,         | 50.000.000 | 50.000.000            |
| -   | Sân bê tông, hạ tầng kỹ thuật                              | m2     | 200,       | 400.000    | 80.000.000            |
| -   | Xây mới mở rộng khối nhà trạm                              | m2     | 180,       | 8.000.000  | 1.440.000.000         |
| 8   | <b>Nâng cấp, cải tạo TYT xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong</b> |        |            |            | <b>750.000.000</b>    |
| -   | Sửa chữa nhà trạm cũ                                       | m2     | 150,       | 1.000.000  | 150.000.000           |
| -   | Sửa chữa, làm mới công hàng rào                            | md     | 100,       | 1.200.000  | 120.000.000           |
| -   | Mái che phục vụ tiêm chủng                                 | m2     | 150,       | 800.000    | 120.000.000           |
| -   | Mở rộng khu tiêm chủng                                     | m2     | 40,        | 7.000.000  | 280.000.000           |
| -   | Sân bê tông, hạ tầng kỹ thuật                              | m2     | 200,       | 400.000    | 80.000.000            |
| 9   | <b>Nâng cấp, cải tạo TYT xã Quảng Hòa, huyện Đắk Glong</b> |        |            |            | <b>1.580.000.000</b>  |
| -   | Sửa chữa nhà trạm cũ                                       | m2     | 200,       | 1.000.000  | 200.000.000           |
| -   | Sửa chữa, làm mới công hàng rào                            | md     | 150,       | 1.200.000  | 180.000.000           |
| -   | Mái che phục vụ tiêm chủng                                 | m2     | 200,       | 800.000    | 160.000.000           |
| -   | Xây mới mở rộng khối nhà trạm                              | m2     | 120,       | 8.000.000  | 960.000.000           |
| -   | Sân bê tông, hạ tầng kỹ thuật                              | m2     | 200,       | 400.000    | 80.000.000            |
|     | <b>TỔNG CỘNG</b>   |        |            |            | <b>11.852.500.000</b> |
|     | <b>LÀM TRÒN</b>  |        |            |            | <b>11.852.500.000</b> |

## BẢNG KHAI TOÁN PHẦN THIẾT BỊ

(Kèm theo Báo cáo số ...../BC-SYT ngày .../8/2022 của Sở Y tế)

| STT | Tên công tác   | Đơn vị   | Khối lượng | Đơn giá     | Thành tiền  | Dự kiến          |
|-----|--|----------|------------|-------------|-------------|------------------|
| I   | <b>Hạng mục: Lắp đặt Hệ thống xử lý nước thải</b>                                      | Hệ thống | 1,         | 180.000.000 | 180.000.000 | TYT xã Đăk Drô   |
| II  | <b>Hạng mục: Trang thiết bị văn phòng</b>  |          |            |             |             |                  |
| 1   | Máy tính để bàn  | Bộ       | 2,         | 15.000.000  | 30.000.000  | TYT xã Quảng Hòa |
| 2   | Bàn, ghế làm việc  | Bộ       | 2,         | 1.500.000   | 3.000.000   |                  |
| 3   | Máy in   | Bộ       | 1,         | 4.000.000   | 4.000.000   |                  |
| 4   | Máy tính để bàn  | Bộ       | 2,         | 15.000.000  | 30.000.000  | TYT xã Quảng Sơn |
| 5   | Bàn, ghế làm việc  | Bộ       | 2,         | 1.500.000   | 3.000.000   |                  |
| 6   | Máy in   | Bộ       | 1,         | 4.000.000   | 4.000.000   |                  |
| 7   | Máy tính để bàn  | Bộ       | 2,         | 15.000.000  | 30.000.000  | TYT xã Đăk Ngo   |
| 8   | Bàn, ghế làm việc  | Bộ       | 2,         | 1.500.000   | 3.000.000   |                  |
| 9   | Máy in   | Bộ       | 1,         | 4.000.000   | 4.000.000   |                  |
| 10  | Máy tính để bàn  | Bộ       | 2,         | 15.000.000  | 30.000.000  | TYT xã Quảng Tâm |
| 11  | Bàn, ghế làm việc  | Bộ       | 2,         | 1.500.000   | 3.000.000   |                  |
| 12  | Máy in   | Bộ       | 1,         | 4.000.000   | 4.000.000   |                  |
| 13  | Bàn ghế giao ban   | Bộ       | 5,         | 4.000.000   | 20.000.000  |                  |
| 14  | Máy tính để bàn  | Bộ       | 2,         | 15.000.000  | 30.000.000  | TYT xã Đăk Drô   |
| 15  | Bàn, ghế làm việc  | Bộ       | 2,         | 1.500.000   | 3.000.000   |                  |
| 16  | Máy in   | Bộ       | 1,         | 4.000.000   | 4.000.000   |                  |
| 17  | Máy tính để bàn  | Bộ       | 2,         | 15.000.000  | 30.000.000  | TYT xã Ea Pô     |
| 18  | Bàn, ghế làm việc  | Bộ       | 2,         | 1.500.000   | 3.000.000   |                  |
| 19  | Máy in   | Bộ       | 1,         | 4.000.000   | 4.000.000   |                  |
| 20  | Máy tính để bàn  | Bộ       | 2,         | 15.000.000  | 30.000.000  | TYT xã Đăk Drông |
| 21  | Bàn, ghế làm việc  | Bộ       | 2,         | 1.500.000   | 3.000.000   |                  |
| 22  | Máy in   | Bộ       | 1,         | 4.000.000   | 4.000.000   |                  |
| 23  | Máy tính để bàn  | Bộ       | 2,         | 15.000.000  | 30.000.000  | TYT xã Đăk Găn   |
| 24  | Bàn, ghế làm việc  | Bộ       | 2,         | 1.500.000   | 3.000.000   |                  |
| 25  | Máy in   | Bộ       | 1,         | 4.000.000   | 4.000.000   |                  |
| 26  | Máy tính để bàn  | Bộ       | 2,         | 15.000.000  | 30.000.000  | TYT xã Đức Mạnh  |
| 27  | Bàn, ghế làm việc  | Bộ       | 2,         | 1.500.000   | 3.000.000   |                  |
| 28  | Máy in   | Bộ       | 1,         | 4.000.000   | 4.000.000   |                  |
| III | <b>Hạng mục: Trang thiết bị y tế</b>   |          |            |             |             |                  |
| 1   | Thiết bị y tế phục vụ nâng cao chất lượng khám chữa bệnh YHCT, mô hình bác sỹ gia đình | TT       | 1,         | 80.000.000  | 80.000.000  | TYT xã Quảng Hòa |
| 2   | Thiết bị y tế phục vụ nâng cao chất lượng  | TT       | 1,         | 80.000.000  | 80.000.000  | TYT xã Quảng     |



**BẢNG KHAI TOÁN PHẦN THIẾT BỊ**

*(Kèm theo Báo cáo số ...../BC-SYT ngày ..../8/2022 của Sở Y tế)*

|   | khám chữa bệnh<br>YHCT, mô hình bác<br>sỹ gia đình   |    |    |            |            | Sơn                    |
|---|--|----|----|------------|------------|------------------------|
| 3 | Thiết bị y tế phục vụ<br>nâng cao chất lượng<br>khám chữa bệnh<br>YHCT, mô hình bác<br>sỹ gia đình | TT | 1, | 80.000.000 | 80.000.000 | TYT xã<br>Đắk Drô      |
| 4 | Thiết bị y tế phục vụ<br>nâng cao chất lượng<br>khám chữa bệnh<br>YHCT, mô hình bác<br>sỹ gia đình | TT | 1, | 80.000.000 | 80.000.000 | TYT xã<br>Ea Pô        |
| 5 | Thiết bị y tế phục vụ<br>nâng cao chất lượng<br>khám chữa bệnh<br>YHCT, mô hình bác<br>sỹ gia đình | TT | 1, | 80.000.000 | 80.000.000 | TYT xã<br>Đắk<br>Drông |
| 6 | Thiết bị y tế phục vụ<br>nâng cao chất lượng<br>khám chữa bệnh<br>YHCT, mô hình bác<br>sỹ gia đình | TT | 1, | 80.000.000 | 80.000.000 | TYT xã<br>Đắk Gản      |
| 7 | Thiết bị y tế phục vụ<br>nâng cao chất lượng<br>khám chữa bệnh<br>YHCT, mô hình bác<br>sỹ gia đình | TT | 1, | 80.000.000 | 80.000.000 | TYT xã<br>Đức<br>Mạnh  |
| 8 | Thiết bị y tế phục vụ<br>nâng cao chất lượng<br>khám chữa bệnh<br>YHCT, mô hình bác<br>sỹ gia đình | TT | 1, | 80.000.000 | 80.000.000 | TYT xã<br>Quảng<br>Tâm |
| 9 | Thiết bị y tế phục vụ<br>nâng cao chất lượng<br>khám chữa bệnh<br>YHCT, mô hình bác<br>sỹ gia đình | TT | 1, | 80.000.000 | 80.000.000 | TYT xã<br>Đắk Ngo      |



1. **Tên dự án:** Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo 09 trạm y tế xã, tỉnh Đắk Nông.

2. **Nhóm Dự án:** Dự án nhóm C (phù hợp với tiêu chí phân loại dự án tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 của Luật Đầu tư công năm 2019).

3. **Cấp quyết định đầu tư dự án:** UBND tỉnh Đắk Nông.

4. **Tên chủ đầu tư:** Sở Y tế.

5. **Địa điểm thực hiện dự án:** tại Trạm Y tế xã của các huyện: Cư Jút, Đắk Mil, Tuy Đức, Krông Nô, Đắk Glong thuộc tỉnh Đắk Nông.

6. **Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 14.900 triệu đồng**

Nguồn vốn: Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội.

7. **Thời gian thực hiện:** Dự kiến từ 2022-2023

Phân kỳ đầu tư sử dụng nguồn vốn:

| Năm              | Ngân sách (triệu đồng) |
|------------------|------------------------|
| 2022             | 4.000                  |
| 2023             | 10.900                 |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>14.900</b>          |

8. **Hình thức đầu tư của Dự án:** Nâng cấp, cải tạo.

## II. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO:

- Tờ trình đề nghị thẩm định chủ trương đầu tư dự án.

- Báo cáo số 771/BC-SYT ngày 15 tháng 8 năm 2022 về đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo 09 trạm y tế xã, tỉnh Đắk Nông

Tờ trình này thay thế Tờ trình số 187/TTr-SYT ngày 9/8/2022 của Sở Y tế. Sở Y tế kính trình Hội đồng thẩm định 476 xem xét, thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án, với các nội dung như trên./.

Nơi nhận: *Đang ký*

- Như trên;
- Sở KHĐT (b/cáo);
- Lưu: VT, KHTC (Qu).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Trần Quang Hòa**

## **BÁO CÁO**

### **Đề xuất đầu tư dự án: Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo 09 trạm y tế xã, tỉnh Đắk Nông**

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, ngày 06/4/2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Công văn 725/BKHĐT-TH ngày 30/01/2022 của Bộ Kế hoạch và đầu tư về việc đơn đốc rà soát, tổng hợp danh mục dự án dự kiến bố trí từ nguồn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Công văn 3710/UBND-KT ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc rà soát danh mục các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội thuộc lĩnh vực Y tế tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Công văn 681/TTg-KTTH ngày 01/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc thông báo danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (đợt 2);

Căn cứ Công văn 894/VPUBND-KT ngày 04/08/2022 của Văn phòng UBND tỉnh Đắk Nông về việc khẩn trương hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục để triển khai các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Sở Y tế báo cáo Hội đồng thẩm định 476 chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư nâng cấp, cải tạo trạm y tế xã thuộc tỉnh Đắk Nông, với các nội dung chính như sau:

### **I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN**

**1. Tên dự án:** Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo 09 trạm y tế xã, tỉnh Đắk

Nông.

**2. Dự án nhóm: C.**

**3. Cấp quyết định chủ trương dự án: UBND tỉnh.**

**4. Tên chủ đầu tư: Sở Y tế tỉnh Đắk Nông.**

**5. Địa điểm thực hiện dự án: tại Trạm Y tế xã của các huyện: Cư Jút, Đắk Mil, Tuy Đức, Krông Nô, Đắk Glong thuộc tỉnh Đắk Nông.**

**6. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 14.900 triệu đồng (Chi tiết theo các Phụ lục đính kèm).**

**7. Nguồn kinh phí đầu tư: Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội.**

**8. Thời gian thực hiện: 2022 - 2023.**

## **II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN**

**1. Sự cần thiết đầu tư, điều kiện thực hiện đầu tư, sự phù hợp với quy hoạch và kế hoạch đầu tư:**

### **1.1. Sự cần thiết đầu tư xây dựng dự án:**

Hoạt động củng cố hệ thống y tế cơ sở và tăng cường chăm sóc sức khỏe ban đầu luôn là những ưu tiên trong chính sách phát triển y tế Việt Nam, góp phần quan trọng trong cải thiện tình trạng sức khỏe nhân dân. Trước bối cảnh già hóa dân số, mô hình bệnh tật thay đổi với sự gia tăng của các bệnh không lây nhiễm, trong khi y tế cơ sở vẫn còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân, việc xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở càng trở nên cấp bách hơn bao giờ hết, hiện trạng cụ thể:

- TYT xã Ea Pô, huyện Cư Jút:

Được xây dựng vào năm 2007 với quy mô theo mô hình cũ, Năm 2019 được Liên minh Châu Âu (EU) hỗ trợ đầu tư nâng cấp sửa chữa thêm các phòng làm việc, hiện nay tại trạm có nhiều hạng mục đã xuống cấp, cụ thể: Cổng, hàng rào trước chưa có; hàng rào phía sau hư hỏng, xuống cấp, hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ, chưa có hệ thống thu gom nước và thoát nước gây úng ngập phía sau nhà trạm, lò đốt rác đang sử dụng là dạng lò đốt tạm bợ, ngoài ra tại trạm chưa có hệ thống mái che phục vụ tiêm chủng. Trang thiết bị văn phòng được đầu tư từ khá lâu, tốc độ xử lý phần mềm khám chữa bệnh tương đối chậm, gây khó khăn cho công tác khám chữa bệnh. Thiếu nhiều thiết bị cho hoạt động khám, chuẩn đoán điều trị Y học cổ truyền, các bệnh không lây nhiễm để đẩy mạnh hoạt động mô hình bác sỹ gia đình tại trạm y tế.

- TYT xã Đắk Drông, huyện Cư Jút:

Được xây dựng vào năm 2007 với quy mô theo mô hình cũ, Năm 2019 được Liên minh Châu Âu (EU) hỗ trợ đầu tư nâng cấp sửa chữa thêm các phòng làm việc, hiện nay tại trạm có nhiều hạng mục đã xuống cấp, cụ thể: Cổng, hàng rào, hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ, chưa có hệ thống thu gom nước và thoát

nước, sân nền thấp gây đọng nước khi mưa, sảnh trước một số vị trí sân đất đọng úng nước, tháp nước sạch hoen rỉ; lò đốt rác đang sử dụng là dạng lò đốt tạm bợ; ngoài ra tại trạm chưa có hệ thống mái che phục vụ tiêm chủng. Trang thiết bị văn phòng được đầu tư từ khá lâu, tốc độ xử lý phần mềm khám chữa bệnh tương đối chậm, gây khó khăn cho công tác khám chữa bệnh. Thiếu nhiều thiết bị cho hoạt động khám, chuẩn đoán, điều trị Y học cổ truyền, các bệnh không lây nhiễm để đẩy mạnh hoạt động mô hình bác sỹ gia đình tại trạm y tế; triển khai thăm khám bệnh nhân tại nhà.

- TYT xã Đắc Gản, huyện Đắc Mil:

Được xây dựng vào năm 2007 với quy mô theo mô hình cũ, thiếu nhiều phòng làm việc theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế, Năm 2019 được Liên minh Châu Âu (EU) hỗ trợ đầu tư nâng cấp sửa chữa thêm các phòng làm việc, hiện nay tại trạm có nhiều hạng mục đã xuống cấp, cụ thể: Cổng, hàng rào, hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ, lò đốt rác đang sử dụng là dạng lò đốt tạm bợ; ngoài ra tại trạm chưa có hệ thống mái che phục vụ tiêm chủng. Trang thiết bị văn phòng được đầu tư từ khá lâu, tốc độ xử lý phần mềm khám chữa bệnh tương đối chậm, gây khó khăn cho công tác khám chữa bệnh. Thiếu nhiều thiết bị cho hoạt động khám, chuẩn đoán, điều trị Y học cổ truyền, các bệnh không lây nhiễm để đẩy mạnh hoạt động mô hình bác sỹ gia đình tại trạm y tế; triển khai thăm khám bệnh nhân tại nhà.

- TYT xã Đức Mạnh, huyện Đắc Mil:

Được xây dựng vào năm 2007 với quy mô theo mô hình cũ, thiếu nhiều phòng làm việc theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế, hiện nay tại trạm có nhiều hạng mục đã xuống cấp, cụ thể: Cổng, hàng rào bong tróc, rêu mốc, hoen ố; Sê nô thấm nước, bong tróc; Tường ngoài nhà nhiều vị trí đã bong tróc, rêu mốc, hoen ố; Tường trong nhà nhiều vị trí bị thấm, phòng dột; rêu mốc nhiều tại các vị trí như góc tường, trần nhà; nhà vệ sinh xuống cấp hư hỏng; lò đốt rác đang sử dụng là dạng lò đốt tạm bợ; hệ thống mái che phục vụ tiêm chủng nhỏ hẹp. Trang thiết bị văn phòng được đầu tư từ khá lâu, tốc độ xử lý phần mềm khám chữa bệnh tương đối chậm, gây khó khăn cho công tác khám chữa bệnh. Thiếu nhiều thiết bị cho hoạt động khám, chuẩn đoán, điều trị Y học cổ truyền, các bệnh không lây nhiễm để đẩy mạnh hoạt động mô hình bác sỹ gia đình tại trạm y tế; triển khai thăm khám bệnh nhân tại nhà.

- TYT xã Đắc Ngo, huyện Tuy Đức:

Được xây dựng vào năm 2007 với quy mô theo mô hình cũ, thiếu nhiều phòng làm việc theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế, Năm 2019 được Liên minh Châu Âu (EU) hỗ trợ đầu tư nâng cấp sửa chữa thêm các phòng làm việc. Hiện nay tại trạm có nhiều hạng mục đã xuống cấp, cụ thể: Cổng, hàng rào bong tróc, rêu mốc, một số đoạn lớp vữa mục nát; đường vào trạm, sân bê tông và hệ thống thoát nước mưa chưa được đầu tư đồng bộ, mùa mưa gây đọng nước lớn giữa sân; hệ thống cấp nước sinh hoạt sử dụng đã lâu xuống cấp; lò đốt rác đang sử dụng là dạng lò đốt tạm bợ; ngoài ra tại trạm chưa có hệ thống mái che phục vụ tiêm chủng. Trang thiết bị văn phòng được đầu tư từ khá lâu, tốc độ xử lý phần mềm khám chữa bệnh tương đối chậm, gây khó khăn cho công tác khám chữa bệnh. Thiếu nhiều

thiết bị cho hoạt động khám, chuẩn đoán, điều trị Y học cổ truyền, các bệnh không lây nhiễm để đẩy mạnh hoạt động mô hình bác sỹ gia đình tại trạm y tế; triển khai thăm khám bệnh nhân tại nhà.

- TYT xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức:

Được xây dựng vào năm 2007, đến nay nhiều hạng mục tại trạm đã xuống cấp nghiêm trọng, cụ thể: Khối nhà làm việc chính tường bong tróc, hư hỏng nhiều, sê mô thấm dột, rêu mốc, hệ thống cửa sắt hư hỏng, hoen gỉ; Cổng hư hỏng nặng có nguy cơ đổ sập, hàng rào trụ lưới B40 xuống cấp, một số chỗ đổ sập; sân bê tông hư hỏng xuống cấp, rêu xanh trơn trượt, lò đốt rác đang sử dụng là dạng lò đốt tạm bợ; ngoài ra tại trạm chưa có hệ thống mái che phục vụ tiêm chủng. Trang thiết bị văn phòng được đầu tư từ khá lâu, tốc độ xử lý phần mềm khám chữa bệnh tương đối chậm, gây khó khăn cho công tác khám chữa bệnh. Thiếu nhiều thiết bị cho hoạt động khám, chuẩn đoán, điều trị Y học cổ truyền, các bệnh không lây nhiễm để đẩy mạnh hoạt động mô hình bác sỹ gia đình tại trạm y tế; triển khai thăm khám bệnh nhân tại nhà.

- TYT xã Đắk Drô, huyện Krông Nô:

Được xây dựng vào năm 2017 (Ngân sách địa phương) với quy mô, mô hình cũ, thiếu nhiều phòng làm việc theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế, Khối nhà làm việc chính tường ngoài nhà một số chỗ bị nứt, bong tróc, nhiều vị trí hoen ố; Hàng rào trụ lưới B40 xuống cấp, bong tróc.

- TYT xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong:

Được xây dựng vào năm 2007 với quy mô theo mô hình cũ, đến nay một số hạng mục tại trạm đã xuống cấp, cụ thể: Cổng, hàng rào bong tróc, rêu mốc, hoen ố. Khối nhà làm việc tường ngoài nhà một số chỗ bị nứt, bong tróc, nhiều vị trí hoen ố. Trang thiết bị văn phòng được đầu tư từ khá lâu, tốc độ xử lý phần mềm khám chữa bệnh tương đối chậm, gây khó khăn cho công tác khám chữa bệnh. Thiếu nhiều thiết bị cho hoạt động khám, chuẩn đoán, điều trị Y học cổ truyền, các bệnh không lây nhiễm để đẩy mạnh hoạt động mô hình bác sỹ gia đình tại trạm y tế; triển khai thăm khám bệnh nhân tại nhà.

- TYT xã Quảng Hòa, huyện Đắk Glong:

Được xây dựng vào năm 2017 với quy mô, mô hình cũ, thiếu nhiều phòng làm việc theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế, đến nay một số hạng mục tại trạm đã xuống cấp nghiêm trọng, cụ thể: Cổng, hàng rào bong tróc, rêu mốc. Khối nhà làm việc tường ngoài nhà một số chỗ bị nứt, bong tróc, vị trí hoen ố. Trang thiết bị văn phòng được đầu tư từ khá lâu, tốc độ xử lý phần mềm khám chữa bệnh tương đối chậm, gây khó khăn cho công tác khám chữa bệnh. Thiếu nhiều thiết bị cho hoạt động khám, chuẩn đoán, điều trị Y học cổ truyền, các bệnh không lây nhiễm để đẩy mạnh hoạt động mô hình bác sỹ gia đình tại trạm y tế; triển khai thăm khám bệnh nhân tại nhà.

Với quan điểm chỉ đạo “sức khỏe là vốn quý nhất của mỗi người dân và của cả xã hội. Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe là nghĩa vụ, trách nhiệm

của mỗi người dân, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, đòi hỏi sự tham gia tích cực của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các ngành, trong đó ngành Y tế là nòng cốt”, Nghị quyết 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới khẳng định: Đầu tư cho bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân là đầu tư cho phát triển. Nghị quyết nêu rõ, đổi mới mạnh mẽ cơ chế và phương thức hoạt động của y tế cấp xã để thực hiện vai trò là tuyến đầu trong phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe. Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 05/12/2016 (Quyết định số 2348/QĐ-TTg) đã xác định đổi mới tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính, phát triển nguồn nhân lực để nâng cao năng lực cung ứng và chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở; bảo đảm cung ứng đầy đủ các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh cho từng người dân trên địa bàn...

Các hoạt động nhằm nâng cao năng lực của mạng lưới y tế cơ sở tuy đã có những bước tiến đáng kể, song theo đánh giá của Sở Y tế, số lượng và chất lượng dịch vụ còn hạn chế, đặc biệt là các huyện vùng khó khăn, ở trạm y tế xã. Tỷ lệ lượt người sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh ngoại trú có xu hướng giảm tại trạm y tế xã, đặc biệt khi được phép liên thông khám chữa bệnh. Y tế cơ sở vẫn chưa thực hiện tốt việc quản lý sức khỏe cá nhân, tầm soát phát hiện bệnh sớm, quản lý bệnh nhất là các bệnh mạn tính.

Hiện nay, mô hình bệnh tật ở nước ta là mô hình bệnh tật kép, các bệnh lây nhiễm, suy dinh dưỡng vẫn ở mức khá cao, trong khi nhóm các bệnh không lây nhiễm và tai nạn thương tích tăng nhanh dẫn đến nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân càng ngày càng cao; việc sàng lọc, theo dõi, quản lý, điều trị bệnh mạn tính tại cộng đồng là hết sức cần thiết, đòi hỏi việc nâng cao năng lực y tế tuyến cơ sở. Có thể thấy, việc triển khai mô hình bác sĩ gia đình tại địa phương rất cần thiết trong chăm sóc sức khỏe ban đầu tại tuyến cơ sở, giúp người dân dễ dàng tiếp cận dịch vụ y tế. Từ đó, người dân sẽ được tư vấn cụ thể được chữa bệnh hiệu quả hơn. Xuất phát từ thực tiễn bước đầu tiếp cận mô hình bác sĩ gia đình ở nước ta nói chung và tại tỉnh Đắk Nông nói riêng cho thấy việc phát triển mô hình bác sĩ gia đình sẽ góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc ban đầu theo hướng toàn diện và liên tục, giúp sàng lọc bệnh tật, chuyển tuyến phù hợp, góp phần giảm quá tải bệnh viện các tuyến. Sở Y tế đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch nâng cao năng lực y tế cơ sở trong tình hình mới gắn liền với phát triển công tác khám chữa bệnh theo nguyên lý y học gia đình trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025.

Nhằm phát triển mạng lưới y tế cơ sở đáp ứng tốt nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân và nâng cao năng lực quản lý và hiệu quả hoạt động của Trạm y tế. Góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc ban đầu theo hướng toàn diện và liên tục, giúp sàng lọc bệnh tật, chuyển tuyến phù hợp, đồng thời giảm quá tải bệnh viện các tuyến trên. Như vậy, việc nâng cấp, sửa chữa các công trình là phù hợp để hiện đại hóa hệ thống y tế cơ sở, nâng cao năng lực phòng, chống dịch COVID-19, góp phần phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.



## **1.2. Điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư:**

Các công trình thuộc khuôn viên Trạm Y tế đáp ứng các điều kiện để thực hiện đầu tư, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư.

Dự án phù hợp với các mục tiêu, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ và Công văn số 681/TTg-KTTH ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thông báo danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội (đợt 2).

Phù hợp với định hướng phát triển hệ thống y tế cơ sở theo Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới, và kế hoạch nâng cao năng lực y tế cơ sở trong tình hình mới gắn liền với phát triển công tác khám chữa bệnh theo nguyên lý y học gia đình trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025.

### **2. Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư:**

#### **2.1. Mục tiêu đầu tư:**

Phát triển mạng lưới y tế cơ sở nhằm đáp ứng tốt nhu cầu khám chữa bệnh ban đầu cho người dân và nâng cao năng lực quản lý và hiệu quả hoạt động của Trạm Y tế xã/phường/thị trấn.

**2.2. Quy mô đầu tư:** Nâng cấp, cải tạo trạm y tế xã thuộc tỉnh Đắk Nông, bao gồm các hạng mục:

- Nâng cấp, cải tạo TYT xã Ea Pô, huyện Cư Jút: Nâng cấp, sửa chữa đoạn hàng rào hư hỏng xuống cấp phía sau trạm; xây dựng mới cổng, hàng rào chung quanh; xây dựng sân nền bê tông phía sau trạm và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; lò đốt rác; mái che phục vụ tiêm chủng; Đầu tư một số trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

- Nâng cấp, cải tạo TYT xã Đắk Drông, huyện Cư Jút: Nâng cấp, cải tạo một số hạng mục như sân nền bê tông và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; lò đốt rác; mái che phục vụ tiêm chủng; Đầu tư một số trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

- Nâng cấp, cải tạo TYT xã Đắk Găn, huyện Đắk Mil: Nâng cấp, cải tạo một số hạng mục như cổng, hàng rào, sân nền bê tông và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; xây mới kè đá; xây mới nhà vệ sinh; lò đốt rác; mái che phục vụ tiêm chủng; Đầu tư một số trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

- Nâng cấp, cải tạo TYT xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil: Nâng cấp, cải tạo các hạng mục hư hỏng, xuống cấp tại khối nhà trạm y tế; Xây mới mở rộng khối nhà trạm; lò đốt rác; mái che phục vụ tiêm chủng; Xây mới kè đá; Đầu tư một số trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

- Nâng cấp, cải tạo TYT xã Đăk Ngo, huyện Tuy Đức: Nâng cấp, cải tạo một số hạng mục như công, hàng rào, sân nền bê tông và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; sửa chữa, cải tạo nhà vệ sinh và hệ thống cấp nước sinh hoạt; lò đốt rác; mái che phục vụ tiêm chủng; Đầu tư một số trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

- Nâng cấp, cải tạo TYT xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức: Nâng cấp, cải tạo các hạng mục hư hỏng, xuống cấp tại khối nhà trạm y tế; Xây dựng, cải tạo công, hàng rào sân nền bê tông và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; lò đốt rác; mái che phục vụ tiêm chủng; Đầu tư một số trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

- Nâng cấp, cải tạo TYT xã Đăk Drô, huyện Krông Nô: Sửa chữa, cải tạo một số hạng mục hư hỏng, xuống cấp tại khối nhà trạm y tế; Xây mới mở rộng khối nhà trạm; hệ thống xử lý nước thải; Đầu tư thiết bị xử lý nước thải, một số trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn.

- Nâng cấp, cải tạo TYT xã Quảng Sơn, huyện Đăk Glong: Sửa chữa, cải tạo công, hàng rào và một số hạng mục hư hỏng, xuống cấp tại khối nhà trạm y tế; Đầu tư một số trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị y tế phục vụ chuyên môn.

- Nâng cấp, cải tạo TYT xã Quảng Hòa, huyện Đăk Glong: Sửa chữa, cải tạo công, hàng rào và một số hạng mục hư hỏng, xuống cấp tại khối nhà trạm y tế; Xây mới mở rộng khối nhà trạm; Đầu tư một số trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị y tế phục vụ chuyên môn.

**3. Địa điểm xây dựng:** tại Trạm Y tế xã của các huyện: Cư Jút, Đăk Mil, Tuy Đức, Krông Nô, Đăk Glong thuộc tỉnh Đăk Nông.

**4. Dự kiến tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án.**

- Tổng mức đầu tư dự kiến khoảng: **14.900 triệu đồng.**

**5. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư và phân kỳ đầu tư:**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| STT              | Năm thực hiện     | Ngân sách     | Ghi chú |
|------------------|-------------------|---------------|---------|
| 01               | Năm thứ nhất 2022 | 4.000         |         |
| 02               | Năm thứ hai 2023  | 10.900        |         |
| <b>Tổng cộng</b> |                   | <b>14.900</b> |         |

**6. Phương án giải phóng mặt bằng:** Không.

**7. Tác động môi trường, xã hội và hiệu quả đầu tư:**

**7.1. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường**

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật được thiết kế, thi công theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn, đảm bảo yêu cầu về môi trường. Hạn chế các yếu tố tác động tiêu cực đến môi trường, mặt khác công trình được bố trí trồng nhiều cây xanh tạo bóng mát và cải thiện môi trường sinh thái cho khu vực, sẽ góp phần cải tạo môi trường.

- Trong thời gian xây dựng công trình, sẽ có sự ảnh hưởng đến xung quanh do tiếng ồn của máy thi công. Tuy nhiên, đây chỉ là sự ảnh hưởng nhỏ, tạm thời và sẽ kết thúc khi hoàn thành công trình.

+ Rác thải trong quá trình thi công xây dựng sẽ được tập kết và vận chuyển đến đúng nơi quy định nên sẽ không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

+ Nước thải trong quá trình thi công xây dựng sẽ được thu gom, xử lý theo quy định trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Trong quá trình vận hành, sử dụng: Việc thiết kế xây dựng và quy định vận hành sau khi hoàn thành công trình được xử lý cụ thể như sau:

+ Rác thải y tế được thu gom, tập kết và xử lý theo đúng quy trình.

+ Rác thải sinh hoạt được thu gom, tập kết tại vị trí quy định và phối hợp với công ty vệ sinh môi trường vận chuyển tới khu xử lý rác thải tập trung để xử lý theo quy định.

## **7.2. Hiệu quả đầu tư:**

Dự án thực hiện thành công sẽ tạo cơ sở vật chất sạch sẽ và khang trang, góp phần vào việc hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở để nâng cao chất lượng khám chữa bệnh ban đầu cho người dân được tốt hơn.

## **8. Các giải pháp tổ chức thực hiện**

### **8.1. Giai đoạn chuẩn bị đầu tư:**

- Chủ đầu tư thuê Tư vấn quản lý dự án.

- Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn, khảo sát lập dự án đầu tư, thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán công trình.

- Chủ đầu tư trình thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình.

### **8.2. Giai đoạn thực hiện đầu tư:**

- Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn Giám sát, lựa chọn nhà thầu, bảo hiểm công trình...

- Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công công trình.

- Chủ đầu tư phối hợp các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện dự án cũng như giám sát chất lượng của dự án.

- Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu công trình theo quy định hiện hành.

- Chủ đầu tư lập hồ sơ thanh quyết toán công trình theo quy định.

**8.3. Giai đoạn kết thúc đầu tư đưa vào sử dụng:**

Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu công trình bàn giao đưa vào sử dụng.

Trên đây là Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư nâng cấp, cải tạo Trạm y tế xã thuộc tỉnh Đắk Nông; Báo cáo này thay thế Báo cáo số 751/BC-SYT ngày 9/8/2022 của Sở Y tế. Sở Y tế kính trình Hội đồng thẩm định 476 xem xét, thẩm định theo quy định./.

*Nơi nhận:* *Đã gửi*

- Hội đồng thẩm định 476;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Trung tâm Y tế các huyện/TP;
- Lưu: VT, KHTC (Qu).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Trần Quang Hào**

**BẢNG KHAI TOÁN KINH PHÍ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

*(Kèm theo BCDX số ...../BC-SYT ngày ...../8/2022 của Sở Y tế)*

| TT  | KHOẢN MỤC CHI PHÍ                                 | CÁCH TÍNH           | Chi phí trước thuế | Thuế GTGT     | Chi phí sau thuế |
|-----|---|---------------------|--------------------|---------------|------------------|
| 1   | <b>CHI PHÍ XÂY DỰNG: (GXD)</b>                    | Bảng khái toán XD   | 10.775.000.000     | 1.077.500.000 | 11.852.500.000   |
| 2   | <b>CHI PHÍ THIẾT BỊ: (GTB)</b>                    | Bảng khái toán TB   | 1.139.090.909      | 113.909.091   | 1.253.000.000    |
| 3   | <b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN (GQLDA)</b>              | (GXD + GTB) x 3,2%  | 381.250.909        | 38.125.091    | 419.376.000      |
| 4   | <b>CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG (GTV)</b>       | (3.1 + ..... + 3.n) | 843.999.882        | 84.399.988    | 928.400.000      |
| 4.3 | Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật              | (GXD + GTB) x 3,8%  | 452.735.455        | 45.273.545    | 498.009.000      |
| 4.4 | Chi phí lập HSDT                                  | GXD x 0,432% x 0,45 | 20.946.600         | 2.094.660     | 23.041.000       |
| 4.5 | Chi phí đánh Giá HSDT                             | GXD x 0,432% x 0,55 | 25.601.400         | 2.560.140     | 28.162.000       |
| 4.6 | Chi phí thẩm định HSDT                            | GXD x 0,05%         | 5.387.500          | 538.750       | 5.926.250        |
| 4.7 | Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu       | GXD x 0,05%         | 5.387.500          | 538.750       | 5.926.250        |
| 4.8 | Chi phí giám sát thi công xây dựng                | GXD x 3,01%         | 324.327.500        | 32.432.750    | 356.760.000      |
| 4.9 | Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị                 | GTB x 0,844%        | 9.613.927          | 961.393       | 10.575.000       |
| 5   | <b>CHI PHÍ KHÁC</b>                               | (4.1 + ..... + 4.n) | 155.309.486        | 9.862.000     | 165.171.000      |
| 5.1 | Chi phí thẩm định nghiên cứu khả thi              | (Gxd+Gtb) x 0,117%  | 13.939.486         |               | 13.939.000       |
| 5.2 | Chi phí kiểm toán độc lập                         | TMĐT x 0,6%         | 90.000.000         | 9.000.000     | 99.000.000       |
| 5.3 | Chi phí bảo hiểm công trình                       | GXD x 0,08%         | 8.620.000          | 862.000       | 9.482.000        |
| 5.4 | Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư | TMĐT x 0,57%        | 42.750.000         |               | 42.750.000       |
| 6   | <b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>                           |                     |                    |               | 281.553.000      |
| 6.1 | Dự phòng phí cho khối lượng phát sinh             |                     |                    |               | 281.553.000      |
|     | <b>TỔNG CỘNG:</b>                                 | (1+...+5)           |                    |               | 14.900.000.000   |

**BẢNG ĐƠN GIÁ KHÁI TOÁN PHẦN XÂY LẬP***(Kèm theo Báo cáo số ...../BC-SYT ngày .../8/2022 của Sở Y tế)*

| STT      | Tên công tác  | Đơn vị | Khối lượng | Đơn giá    | Thành tiền           |
|----------|---|--------|------------|------------|----------------------|
| <b>1</b> | <b>Nâng cấp, cải tạo TYT xã Ea Pô, huyện Cư Jút</b>     |        |            |            | <b>706.000.000</b>   |
| -        | Sửa chữa, làm mới công, hàng rào                        | md     | 170,       | 1.200.000  | 204.000.000          |
| -        | Sân bê tông, hạ tầng kỹ thuật                           | m2     | 350,       | 400.000    | 140.000.000          |
| -        | Xây mới mương thoát nước                                | md     | 120,       | 600.000    | 72.000.000           |
| -        | Mái che phục vụ tiêm chủng                              | m2     | 300,       | 800.000    | 240.000.000          |
| -        | Lò đốt rác  | TT     | 1,         | 50.000.000 | 50.000.000           |
| <b>2</b> | <b>Nâng cấp, cải tạo TYT xã Đắk Drông, huyện Cư Jút</b> |        |            |            | <b>722.000.000</b>   |
| -        | Sửa chữa, làm mới công, hàng rào                        | md     | 200,       | 1.200.000  | 240.000.000          |
| -        | Xây mới mương thoát nước                                | md     | 120,       | 600.000    | 72.000.000           |
| -        | Sân bê tông, hạ tầng kỹ thuật                           | m2     | 300,       | 400.000    | 120.000.000          |
| -        | Mái che phục vụ tiêm chủng                              | m2     | 300,       | 800.000    | 240.000.000          |
| -        | Lò đốt rác  | TT     | 1,         | 50.000.000 | 50.000.000           |
| <b>3</b> | <b>Nâng cấp, cải tạo TYT xã Đắk Gằn, huyện Đắk Mil</b>  |        |            |            | <b>722.000.000</b>   |
| -        | Sửa chữa, làm mới công, hàng rào                        | md     | 150,       | 1.200.000  | 180.000.000          |
| -        | Sân bê tông, hạ tầng kỹ thuật                           | m2     | 150,       | 400.000    | 60.000.000           |
| -        | Xây mới kê đá   | md     | 50,        | 800.000    | 40.000.000           |
| -        | Xây mới mương thoát nước                                | md     | 120,       | 600.000    | 72.000.000           |
| -        | Mái che phục vụ tiêm chủng                              | m2     | 250,       | 800.000    | 200.000.000          |
| -        | Xây mới nhà vệ sinh                                     | m2     | 15,        | 8.000.000  | 120.000.000          |
| -        | Lò đốt rác  | TT     | 1,         | 50.000.000 | 50.000.000           |
| <b>4</b> | <b>Nâng cấp, cải tạo TYT xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil</b> |        |            |            | <b>2.695.000.000</b> |
| -        | Sửa chữa toàn bộ nhà trạm cũ                            | m2     | 200,       | 2.800.000  | 560.000.000          |

## BẢNG ĐƠN GIÁ KHAI TOÁN PHẦN XÂY LẬP

(Kèm theo Báo cáo số ...../BC-SYT ngày .../8/2022 của Sở Y tế)

| STT      | Tên công tác   | Đơn vị | Khối lượng | Đơn giá     | Thành tiền           |
|----------|--|--------|------------|-------------|----------------------|
| -        | Sửa chữa, làm mới công hàng rào                          | md     | 250,       | 1.200.000   | 300.000.000          |
| -        | Sân bê tông, hạ tầng kỹ thuật                            | m2     | 200,       | 400.000     | 80.000.000           |
| -        | Mái che phục vụ tiêm chủng                               | m2     | 200,       | 800.000     | 160.000.000          |
| -        | Xây mới kè đá  | md     | 50,        | 1.500.000   | 75.000.000           |
| -        | Lò đốt rác   | TT     | 1,         | 50.000.000  | 50.000.000           |
| -        | Xây mới mương thoát nước                                 | md     | 50,        | 600.000     | 30.000.000           |
| -        | Xây mới mở rộng khối nhà trạm                            | m2     | 180,       | 8.000.000   | 1.440.000.000        |
| <b>5</b> | <b>Nâng cấp, cải tạo TYT xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức</b>   |        |            |             | <b>1.307.500.000</b> |
| -        | Sửa chữa, làm mới công hàng rào                          | md     | 250,       | 1.200.000   | 300.000.000          |
| -        | Sửa chữa nhà vệ sinh                                     | m2     | 15,        | 2.500.000   | 37.500.000           |
| -        | Sân bê tông, hạ tầng kỹ thuật                            | m2     | 250,       | 600.000     | 150.000.000          |
| -        | Mái che phục vụ tiêm chủng                               | m2     | 350,       | 800.000     | 280.000.000          |
| -        | Xây mới mương thoát nước                                 | md     | 150,       | 600.000     | 90.000.000           |
| -        | Lò đốt rác   | TT     | 1,         | 50.000.000  | 50.000.000           |
| -        | Cải tạo ram dốc công vào                                 | TT     | 1,         | 200.000.000 | 200.000.000          |
| -        | Giếng khoan, đài nước, cấp nước                          | TT     | 1,         | 200.000.000 | 200.000.000          |
| <b>6</b> | <b>Nâng cấp, cải tạo TYT xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức</b> |        |            |             | <b>1.420.000.000</b> |
| -        | Sửa chữa, làm mới công hàng rào                          | md     | 350,       | 1.200.000   | 420.000.000          |
| -        | Sửa chữa nhà trạm cũ                                     | m2     | 200,       | 2.000.000   | 400.000.000          |
| -        | Sân bê tông, hạ tầng kỹ thuật                            | m2     | 300,       | 400.000     | 120.000.000          |
| -        | Mái che phục vụ tiêm chủng                               | m2     | 300,       | 800.000     | 240.000.000          |
| -        | Xây mới mương thoát nước                                 | md     | 150,       | 600.000     | 90.000.000           |
| -        | Lò đốt rác   | TT     | 1,         | 50.000.000  | 50.000.000           |
| -        | Cải tạo ram dốc công                                     | TT     | 1,         | 100.000.000 | 100.000.000          |

**BẢNG ĐƠN GIÁ KHAI TOÁN PHẦN XÂY LẬP**

*(Kèm theo Báo cáo số ...../BC-SYT ngày .../8/2022 của Sở Y tế)*

| STT      | Tên công tác   | Đơn vị | Khối lượng | Đơn giá    | Thành tiền            |
|----------|--|--------|------------|------------|-----------------------|
|          | vào  |        |            |            |                       |
| <b>7</b> | <b>Nâng cấp, cải tạo TYT xã Đắk Drô, huyện Krông Nô</b>    |        |            |            | <b>1.950.000.000</b>  |
| -        | Sửa chữa nhà trạm cũ                                       | m2     | 200,       | 500.000    | 100.000.000           |
| -        | Sửa chữa, làm mới công hàng rào                            | md     | 100,       | 1.200.000  | 120.000.000           |
| -        | Mái che phục vụ tiêm chủng                                 | m2     | 200,       | 800.000    | 160.000.000           |
| -        | Lò đốt rác   | TT     | 1,         | 50.000.000 | 50.000.000            |
| -        | Sân bê tông, hạ tầng kỹ thuật                              | m2     | 200,       | 400.000    | 80.000.000            |
| -        | Xây mới mở rộng khối nhà trạm                              | m2     | 180,       | 8.000.000  | 1.440.000.000         |
| <b>8</b> | <b>Nâng cấp, cải tạo TYT xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong</b> |        |            |            | <b>750.000.000</b>    |
| -        | Sửa chữa nhà trạm cũ                                       | m2     | 150,       | 1.000.000  | 150.000.000           |
| -        | Sửa chữa, làm mới công hàng rào                            | md     | 100,       | 1.200.000  | 120.000.000           |
| -        | Mái che phục vụ tiêm chủng                                 | m2     | 150,       | 800.000    | 120.000.000           |
| -        | Mở rộng khu tiêm chủng                                     | m2     | 40,        | 7.000.000  | 280.000.000           |
| -        | Sân bê tông, hạ tầng kỹ thuật                              | m2     | 200,       | 400.000    | 80.000.000            |
| <b>9</b> | <b>Nâng cấp, cải tạo TYT xã Quảng Hòa, huyện Đắk Glong</b> |        |            |            | <b>1.580.000.000</b>  |
| -        | Sửa chữa nhà trạm cũ                                       | m2     | 200,       | 1.000.000  | 200.000.000           |
| -        | Sửa chữa, làm mới công hàng rào                            | md     | 150,       | 1.200.000  | 180.000.000           |
| -        | Mái che phục vụ tiêm chủng                                 | m2     | 200,       | 800.000    | 160.000.000           |
| -        | Xây mới mở rộng khối nhà trạm                              | m2     | 120,       | 8.000.000  | 960.000.000           |
| -        | Sân bê tông, hạ tầng kỹ thuật                              | m2     | 200,       | 400.000    | 80.000.000            |
|          | <b>TỔNG CỘNG</b>   |        |            |            | <b>11.852.500.000</b> |
|          | <b>LÀM TRÒN</b>  |        |            |            | <b>11.852.500.000</b> |



### BẢNG KHAI TOÁN PHẦN THIẾT BỊ

(Kèm theo Báo cáo số ...../BC-SYT ngày ..../8/2022 của Sở Y tế)

| STT | Tên công tác   | Đơn vị   | Khối lượng | Đơn giá     | Thành tiền  | Dự kiến          |
|-----|--|----------|------------|-------------|-------------|------------------|
| I   | <b>Hạng mục: Lắp đặt Hệ thống xử lý nước thải</b>                                      | Hệ thống | 1,         | 180.000.000 | 180.000.000 | TYT xã Đắc Drô   |
| II  | <b>Hạng mục: Trang thiết bị văn phòng</b>  |          |            |             |             |                  |
| 1   | Máy tính để bàn  | Bộ       | 2,         | 15.000.000  | 30.000.000  | TYT xã Quảng Hòa |
| 2   | Bàn, ghế làm việc  | Bộ       | 2,         | 1.500.000   | 3.000.000   |                  |
| 3   | Máy in   | Bộ       | 1,         | 4.000.000   | 4.000.000   |                  |
| 4   | Máy tính để bàn  | Bộ       | 2,         | 15.000.000  | 30.000.000  | TYT xã Quảng Sơn |
| 5   | Bàn, ghế làm việc  | Bộ       | 2,         | 1.500.000   | 3.000.000   |                  |
| 6   | Máy in   | Bộ       | 1,         | 4.000.000   | 4.000.000   |                  |
| 7   | Máy tính để bàn  | Bộ       | 2,         | 15.000.000  | 30.000.000  | TYT xã Đắc Ngo   |
| 8   | Bàn, ghế làm việc  | Bộ       | 2,         | 1.500.000   | 3.000.000   |                  |
| 9   | Máy in   | Bộ       | 1,         | 4.000.000   | 4.000.000   |                  |
| 10  | Máy tính để bàn  | Bộ       | 2,         | 15.000.000  | 30.000.000  | TYT xã Quảng Tâm |
| 11  | Bàn, ghế làm việc  | Bộ       | 2,         | 1.500.000   | 3.000.000   |                  |
| 12  | Máy in   | Bộ       | 1,         | 4.000.000   | 4.000.000   |                  |
| 13  | Bàn ghế giao ban   | Bộ       | 5,         | 4.000.000   | 20.000.000  | TYT xã Đắc Drô   |
| 14  | Máy tính để bàn  | Bộ       | 2,         | 15.000.000  | 30.000.000  |                  |
| 15  | Bàn, ghế làm việc  | Bộ       | 2,         | 1.500.000   | 3.000.000   |                  |
| 16  | Máy in   | Bộ       | 1,         | 4.000.000   | 4.000.000   | TYT xã Ea Pô     |
| 17  | Máy tính để bàn  | Bộ       | 2,         | 15.000.000  | 30.000.000  |                  |
| 18  | Bàn, ghế làm việc  | Bộ       | 2,         | 1.500.000   | 3.000.000   |                  |
| 19  | Máy in   | Bộ       | 1,         | 4.000.000   | 4.000.000   | TYT xã Đắc Drông |
| 20  | Máy tính để bàn  | Bộ       | 2,         | 15.000.000  | 30.000.000  |                  |
| 21  | Bàn, ghế làm việc  | Bộ       | 2,         | 1.500.000   | 3.000.000   |                  |
| 22  | Máy in   | Bộ       | 1,         | 4.000.000   | 4.000.000   | TYT xã Đắc Gắn   |
| 23  | Máy tính để bàn  | Bộ       | 2,         | 15.000.000  | 30.000.000  |                  |
| 24  | Bàn, ghế làm việc  | Bộ       | 2,         | 1.500.000   | 3.000.000   |                  |
| 25  | Máy in   | Bộ       | 1,         | 4.000.000   | 4.000.000   | TYT xã Đức Mạnh  |
| 26  | Máy tính để bàn  | Bộ       | 2,         | 15.000.000  | 30.000.000  |                  |
| 27  | Bàn, ghế làm việc  | Bộ       | 2,         | 1.500.000   | 3.000.000   |                  |
| 28  | Máy in   | Bộ       | 1,         | 4.000.000   | 4.000.000   |                  |
| III | <b>Hạng mục: Trang thiết bị y tế</b>   |          |            |             |             |                  |
| 1   | Thiết bị y tế phục vụ nâng cao chất lượng khám chữa bệnh YHCT, mô hình bác sỹ gia đình | TT       | 1,         | 80.000.000  | 80.000.000  | TYT xã Quảng Hòa |
| 2   | Thiết bị y tế phục vụ nâng cao chất lượng  | TT       | 1,         | 80.000.000  | 80.000.000  | TYT xã Quảng     |

**BẢNG KHÁI TOÁN PHẦN THIẾT BỊ***(Kèm theo Báo cáo số ...../BC-SYT ngày ..../8/2022 của Sở Y tế)*

|   | khám chữa bệnh YHCT, mô hình bác sỹ gia đình   |    |    |            |            | Son              |
|---|--|----|----|------------|------------|------------------|
| 3 | Thiết bị y tế phục vụ nâng cao chất lượng khám chữa bệnh YHCT, mô hình bác sỹ gia đình | TT | 1, | 80.000.000 | 80.000.000 | TYT xã Đắc Drô   |
| 4 | Thiết bị y tế phục vụ nâng cao chất lượng khám chữa bệnh YHCT, mô hình bác sỹ gia đình | TT | 1, | 80.000.000 | 80.000.000 | TYT xã Ea Pô     |
| 5 | Thiết bị y tế phục vụ nâng cao chất lượng khám chữa bệnh YHCT, mô hình bác sỹ gia đình | TT | 1, | 80.000.000 | 80.000.000 | TYT xã Đắc Drông |
| 6 | Thiết bị y tế phục vụ nâng cao chất lượng khám chữa bệnh YHCT, mô hình bác sỹ gia đình | TT | 1, | 80.000.000 | 80.000.000 | TYT xã Đắc Gắn   |
| 7 | Thiết bị y tế phục vụ nâng cao chất lượng khám chữa bệnh YHCT, mô hình bác sỹ gia đình | TT | 1, | 80.000.000 | 80.000.000 | TYT xã Đức Mạnh  |
| 8 | Thiết bị y tế phục vụ nâng cao chất lượng khám chữa bệnh YHCT, mô hình bác sỹ gia đình | TT | 1, | 80.000.000 | 80.000.000 | TYT xã Quảng Tâm |
| 9 | Thiết bị y tế phục vụ nâng cao chất lượng khám chữa bệnh YHCT, mô hình bác sỹ gia đình | TT | 1, | 80.000.000 | 80.000.000 | TYT xã Đắc Ngo   |

Số: 287<sup>B</sup>/BC-SKH

Đắk Nông, ngày 15 tháng 8 năm 2022

### **BÁO CÁO THẨM ĐỊNH NỘI BỘ**

**Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh**

Kính gửi: Hội đồng thẩm định 476.

Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được Báo cáo số 752/BC-SYT ngày 09/8/2022 của Sở Y tế về đề xuất chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh; Trên cơ sở hồ sơ trình thẩm định và kết quả thực địa dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nội bộ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh với kết quả thẩm định như sau:

#### **Phần thứ nhất**

### **TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH VÀ TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH**

#### **I. HỒ SƠ TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH:**

- Tờ trình số 186/TTr-SYT ngày 09/8/2022 của Sở Y tế về việc đề nghị thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh;
- Báo cáo số 752/BC-SYT ngày 09/8/2022 của Sở Y tế về đề xuất chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh.

#### **II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ THẨM ĐỊNH:**

- Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;
- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 6/4/2020 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
- Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội;
- Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình;

- Công văn số 681/TTg-KTTH ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc thông báo danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và Phát triển kinh tế xã hội (đợt 2);

- Công văn số 1165/UBND-KTTH của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ đối với các dự án đầu tư khởi công mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh;

- Biên bản kiểm tra thực địa.

### **III. TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH:**

- **Hình thức thẩm định:** Tổ chức khảo sát thực địa theo Giấy mời số 1812/SKH-THQH ngày 01/8/2022, có biên bản khảo sát đính kèm.

- **Cơ quan chủ trì thẩm định nội bộ:** Sở Kế hoạch và Đầu tư (theo Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh).

## **Phần thứ hai**

### **NỘI DUNG THẨM ĐỊNH**

#### **I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN THEO CƠ QUAN ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ:**

1. Tên dự án: Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh.

2. Dự án nhóm: C

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: HĐND tỉnh.

4. Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh.

5. Cơ quan đề xuất chủ trương đầu tư: Sở Y tế.

6. Đơn vị dự kiến được giao nhiệm vụ chủ đầu tư: Sở Y tế.

7. Địa điểm thực hiện dự án: Thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

8. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 30.000 triệu đồng.

9. Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương (từ Chương trình phục hồi và Phát triển kinh tế xã hội).

10. Thời gian thực hiện: 2022-2023.

11. Hình thức đầu tư của dự án: Sửa chữa, cải tạo và mua sắm.

#### **II. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THẨM ĐỊNH**

##### **1. Sự cần thiết đầu tư dự án:**

\* Theo Báo cáo của Sở Y tế: Với quan điểm “Sức khỏe là vốn quý nhất của mỗi người dân và của toàn xã hội”, trong đó y tế dự phòng được Đảng, Nhà

nước ta xác định là then chốt do đó đã ưu tiên đầu tư ngân sách và có cơ chế, chính sách huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho lĩnh vực này. Sau khi sáp nhập, nguồn nhân lực dồi dào, cơ sở tương đối đầy đủ, có sự chỉ đạo nhất quán và xuyên suốt trong thực hiện các chức năng, nhiệm vụ giao. Đây là những yếu tố thuận lợi cơ bản để CDC thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao và tiếp tục phát triển trong tương lai.

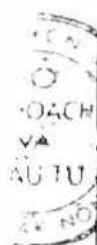
Bên cạnh những thuận lợi cơ bản và các cơ hội trên, hoạt động y tế dự phòng của CDC gặp nhiều khó khăn, thách thức như: Các điều kiện về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, con người chưa đáp ứng yêu cầu, phân tán, nhiều đầu mối; Nguồn kinh phí hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của dự án, hoạt động y tế còn hạn hẹp dẫn đến khả năng trích lập, sử dụng nguồn thu dịch vụ để hỗ trợ chuyên môn với tỷ lệ chưa cao; Các bệnh truyền nhiễm mới nổi, tái nổi, kháng thuốc hiện không chỉ xảy ra riêng lẻ mang tính chất địa phương mà có tính toàn cầu do có tốc độ lan truyền nhanh, độc lực cao, khó dự phòng và điều trị nên nguồn lực bị phân tán vì ưu tiên cho các hoạt động này; Các bệnh không lây nhiễm ngày càng gia tăng ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe cộng đồng và sự phát triển kinh tế xã hội do số người mắc bệnh nhiều, bệnh gây tàn tật và tử vong cao trong khi ý thức tự khám sức khỏe định kỳ của người dân chưa cao; v.v.

Ngoài ra, hiện nay cơ sở 1 và cơ sở 2 đã xuống cấp, các công trình cần được cải tạo, nâng cấp, sửa chữa để đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng và kéo dài tuổi thọ công trình và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ: Hệ thống xử lý nước thải, sân, công hàng rào.

Việc nâng cao năng lực hoạt động của CDC là xu thế tất yếu, cần thiết nhằm cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, chủ trương của Đảng, Nhà nước về bảo vệ, chăm sóc, sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của đơn vị; từng bước nâng cao năng lực hoạt động chuyên môn của Trung tâm ngang tầm với các tỉnh, thành phố trong cả nước; tiến tới giảm dần một phần vào sự bao cấp của ngân sách Nhà nước. Để thực hiện được đòi hỏi phải có sự đầu tư nguồn lực, trong đó có trang thiết bị chuyên môn cho CDC. Do đó, việc Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh là hết sức cần thiết và cấp bách.

*\* Ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư:* Việc đầu tư dự án là cần thiết nhằm hiện đại hóa hệ thống y tế cơ sở, nâng cao khả năng phòng, chống dịch, trong đó có dịch bệnh Covid-19. Tuy nhiên, đề nghị Sở Y tế làm rõ hiện trạng các cơ sở vật chất, thiết bị kỹ thuật và khả năng phòng chống dịch bệnh của Trung tâm hiện nay. Ngoài ra, đề nghị Sở Y tế báo cáo bổ sung tình hình thanh quyết toán các công trình và các lần duy tu bảo dưỡng, sửa chữa nâng cấp kể từ khi đưa vào sử dụng đến nay.

**2. Sự phù hợp với các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và quy hoạch:** đã được dự kiến đầu tư trong danh mục dự



án Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội (tại Công văn số 681/TTg-KTTH ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính).

**3. Sự phù hợp với tiêu chí phân loại dự án nhóm A, B, C:** Dự án nhóm C (phù hợp với tiêu chí phân loại dự án tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 của Luật Đầu tư công năm 2019).

**4. Mục tiêu đầu tư dự án:**

\* *Ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư:* Nhằm đáp ứng nhiệm vụ phòng chống dịch bệnh, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho người dân, nâng cao năng lực chuyên môn của Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh.

**5. Quy mô đầu tư, năng lực tăng thêm:**

\* *Theo Báo cáo của Sở Y tế đề xuất:*

- Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp:

+ Tại cơ sở 01: Sơn, chống thấm, ốp gạch một số phòng và sửa chữa, cải tạo hạ tầng ngoài nhà.

- Tại cơ sở 02: Sơn, chống thấm, cải tạo các phòng chức năng; xây mới công trình cấp III, diện tích sàn khoảng 600m<sup>2</sup>;

- Mua sắm trang thiết bị đáp ứng đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao và dự phòng sẵn để ứng phó khi có dịch bệnh xảy ra.

\* *Ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư:* cơ quan đề xuất cần rà soát kỹ lưỡng phạm vi đầu tư, đề xuất tập trung các hạng mục hư hỏng lớn, đã xuống cấp cần phải nâng cấp, sửa chữa ngay (tránh đề xuất manh mún, các hạng mục mang tính duy tu, bảo dưỡng), đảm bảo tinh thần tập trung nguồn lực, đầu tư tiết kiệm, hiệu quả nguồn vốn. Riêng về hạng mục mua sắm trang thiết bị y tế, việc đầu tư nhằm đảm bảo mục tiêu dự án, tuy nhiên đây là nội dung chuyên môn, nhưng do thời gian gấp, do đó, đề nghị Sở Y tế chủ động rà soát kỹ lưỡng và chịu trách nhiệm trước hội đồng về sự cần thiết, nhu cầu mua sắm của Trung tâm.

**6. Tổng mức đầu tư dự án:** 30.000 triệu đồng (theo đúng mức vốn đã được thông báo tại Công văn số 681/TTg-KTTH ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

**7. Nguồn vốn và khả năng cân đối vốn:**

- Về nguồn vốn: Ngân sách Trung ương (từ Chương trình phục hồi và Phát triển kinh tế xã hội).

- Khả năng cân đối vốn cho dự án: không quá 30.000 triệu đồng.

**8. Địa điểm và phạm vi đầu tư dự án:** Trong phạm vi khuôn viên thuộc Trung tâm kiểm soát Bệnh tật quản lý, tại thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

**9. Đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội:** việc thực hiện dự án sẽ có ảnh hưởng nhất định

nếu chủ đầu tư không quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, ảnh hưởng không lớn và không kéo dài.

- Dự án được đầu tư góp phần nâng cao khả năng phòng chống dịch bệnh, khả năng bảo vệ chăm sóc sức khỏe của nhân dân; đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự và an toàn xã hội.

**10. Xác định sơ bộ chi phí liên quan và chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành:** Không phát sinh thêm chi phí.

**11. Đơn vị dự kiến được giao nhiệm vụ chủ đầu tư:** Sở Y tế (Phù hợp với quy định tại Công văn số 1165/UBND-KTTH của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ đối với các dự án đầu tư khởi công mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh).

**12. Các nội dung khác:** Không

#### **IV. KẾT LUẬN:**

1. Đề nghị Cơ quan đề xuất làm rõ các nội dung thẩm định nội bộ nêu trên, hoàn thiện báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trình HĐTD 476 để xem xét, quyết định.

2. Dự án đủ điều kiện để trình HĐTD 476 tổ chức thẩm định đề xuất chủ trương đầu tư.

3. Cơ quan đề xuất chịu trách nhiệm về nội dung đề xuất dự án, sự cần thiết và tính hiệu quả của dự án đề xuất.

Trên đây là ý kiến thẩm định nội bộ báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh, kính đề nghị Hội đồng thẩm định 476 xem xét, thẩm định theo quy định. / *Trần Đình Ninh*

#### **Nơi Nhận:**

- Chủ tịch và các thành viên HĐTD 476;
- Sở Y tế;
- Các Đ/c lãnh đạo Sở;
- Các phòng: QLN, GSĐT&TT;
- Lưu VT, THQH.



**GIÁM ĐỐC**

**Trần Đình Ninh**

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
SỞ Y TẾ      Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
Số: 186/TTTr-SYT      Đăk Nông, ngày 09 tháng 8 năm 2022

## TỜ TRÌNH

**Thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh**

Kính gửi: Hội đồng thẩm định 476.

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, ngày 06/4/2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Công văn 681/TTg-KTTH ngày 01/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thông báo danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (đợt 2);

Căn cứ Công văn 894/VPUBND-KT ngày 04/08/2022 của Văn phòng UBND tỉnh Đăk Nông về việc khẩn trương hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục để triển khai các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Sở Y tế tỉnh Đăk Nông kính trình Hội đồng thẩm định 476 thẩm định chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh, với nội dung chính như sau:

### I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

**1. Tên dự án:** Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh.

**2. Dự án nhóm:** B;

**3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án:** HĐND tỉnh.

**4. Cấp quyết định đầu tư dự án:** UBND tỉnh.

**5. Tên chủ đầu tư dự án:** Sở Y tế tỉnh Đăk Nông



6. Địa điểm thực hiện dự án: thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 30.000 triệu đồng.

- Dự kiến phân kỳ đầu tư thực hiện dự án.

Đơn vị: Triệu đồng

| STT         | Năm đầu tư        | Ngân sách tỉnh | Ghi chú |
|-------------|-------------------|----------------|---------|
| 1           | Năm thứ nhất 2022 | 5.000          |         |
| 2           | Năm thứ nhất 2023 | 25.000         |         |
| <b>Tổng</b> |                   | <b>30.000</b>  |         |

8. Nguồn vốn đề nghị thẩm định: Ngân sách Trung ương (Thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội).

9. Ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn đề nghị thẩm định: Y tế.

10. Thời gian thực hiện: Thời gian đầu tư cụ thể sau khi dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư;

## II. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

1. Tờ trình đề nghị thẩm định chủ trương đầu tư dự án;

2. Báo cáo số 752/BC-SYT ngày 09 tháng 08 năm 2022 về đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh.

Kính trình Hội đồng thẩm định 476 xem xét, thẩm định theo quy định./.

Nơi nhận: *Quang Hào*

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/cáo);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- TT Kiểm soát Bệnh tật tỉnh (T/hiện);
- Lưu: VT, KHTC (Qu).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Trần Quang Hào**

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**SỞ Y TẾ**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 752/BC-SYT

Đắk Nông, ngày 09 tháng 8 năm 2022

## **BÁO CÁO**

**Đề xuất đầu tư dự án: Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh**

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, ngày 06/4/2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Công văn 681/TTg-KTTH ngày 01/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thông báo danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (đợt 2);

Căn cứ Công văn 894/VPUBND-KT ngày 04/08/2022 của Văn phòng UBND tỉnh Đắk Nông về việc khẩn trương hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục để triển khai các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Sở Y tế báo cáo Hội đồng thẩm định 476 chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh, với các nội dung chính như sau:

### **I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN**

**1. Tên dự án:** Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh.

**2. Dự án nhóm:** B.

**3. Cấp quyết định chủ trương dự án:** UBND tỉnh.

**4. Tên chủ đầu tư:** Sở Y tế tỉnh Đắk Nông.

**5. Địa điểm thực hiện dự án:** Thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

**6. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án:** 30.000 triệu đồng.

**7. Nguồn kinh phí đầu tư:** Ngân sách Trung ương (thuộc Chương trình

*phục hồi và phát triển kinh tế xã hội);*

**8. Thời gian thực hiện: 2022 - 2023.**

## **II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN**

**1. Thực trạng cơ sở hạ tầng và trang thiết bị, Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư:**

**1. Thực trạng cơ sở hạ tầng và thiết bị:**

**a) Cơ sở hạ tầng:**

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được thành lập ngày 01/11/2018 trên cơ sở sáp nhập 05 đơn vị gồm Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh, Trung tâm Phòng chống bệnh xã hội, Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS, Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Trung tâm Truyền thông giáo dục sức khỏe, với biên chế được giao là 144 biên chế và 9 hợp đồng theo Nghị định 161 (năm 2021). Thực trạng cơ sở vật chất đơn vị đang sử dụng gồm 02 trụ sở, trụ sở 01 được trưng dụng lại từ trụ sở Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh (cũ) để bố trí cho khoảng 104 viên chức làm việc, trụ sở 2 được trưng dụng lại từ trụ sở Trung tâm phòng chống bệnh xã hội (cũ) và Trung tâm phòng chống HIV/AIDS (cũ) để bố trí cho khoảng 40 viên chức làm việc. Tuy nhiên do điều kiện cơ sở vật chất của ngành chưa đảm bảo nên đã bố trí Trụ sở của Trung tâm Giám định Y khoa và Trung tâm Giám định Pháp y vào chung vị trí tại trụ sở 2 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật. Từ sự phân chia thành 02 trụ sở dẫn đến khó khăn trong việc quản lý, chỉ đạo.

Bên cạnh đó các hạng mục công trình đưa vào sử dụng đã lâu, đến nay có hiện tượng xuống cấp, thấm dột, bong tróc...

**b) Về trang thiết bị:**

Đến hiện tại, CDC có 119 chủng loại máy móc, thiết bị y tế phục vụ xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng như: Hệ thống phân tích phân tử định tính PCR; các thiết bị sinh hóa học tự động A25, huyết học 18 thông số, phân tích nước tiểu 10 thông số; hệ thống ELISA; X-quang cơ; máy siêu âm; v.v.; các thiết bị xét nghiệm vi sinh, hóa lý và các thiết bị cơ bản để quang trắc môi trường, phun hóa chất khử trùng, khám sàng lọc các bệnh về mắt, thần kinh, ung thư, tăng huyết áp, đái tháo đường; v.v. Các thiết bị, máy móc này đã đáp ứng các yêu cầu cơ bản cho các hoạt động chuyên môn của đơn vị.

Các máy móc, trang thiết bị trên đa số được hỗ trợ bởi các dự án do Trung ương, Sở Y tế mua sắm và phân bổ từ nhiều năm qua, hiện một số đã lỗi thời và có dấu hiệu xuống cấp, hư hỏng.

**2. Sự cần thiết đầu tư:**

Với quan điểm “Sức khỏe là vốn quý nhất của mỗi người dân và của toàn xã hội”, trong đó y tế dự phòng được Đảng, Nhà nước ta xác định là then chốt do đó đã ưu tiên đầu tư ngân sách và có cơ chế, chính sách huy động, sử dụng

hiệu quả các nguồn lực cho lĩnh vực này. Sau khi sáp nhập, nguồn nhân lực dồi dào, cơ sở tương đối đầy đủ, có sự chỉ đạo nhất quán và xuyên suốt trong thực hiện các chức năng, nhiệm vụ giao. Đây là những yếu tố thuận lợi cơ bản để CDC thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao và tiếp tục phát triển trong tương lai.

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản và các cơ hội trên, hoạt động y tế dự phòng của CDC gặp nhiều khó khăn, thách thức như: Các điều kiện về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, con người chưa đáp ứng yêu cầu, phân tán, nhiều đầu mối; Nguồn kinh phí hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của dự án, hoạt động y tế còn hạn hẹp dẫn đến khả năng trích lập, sử dụng nguồn thu dịch vụ để hỗ trợ chuyên môn với tỷ lệ chưa cao; Các bệnh truyền nhiễm mới nổi, tái nổi, kháng thuốc hiện không chỉ xảy ra lẻ tẻ mang tính chất địa phương mà có tính toàn cầu do có tốc độ lan truyền nhanh, độc lực cao, khó dự phòng và điều trị nên nguồn lực bị phân tán vì ưu tiên cho các hoạt động này; Các bệnh không lây nhiễm ngày càng gia tăng ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe cộng đồng và sự phát triển kinh tế xã hội do số người mắc bệnh nhiều, bệnh gây tàn tật và tử vong cao trong khi ý thức tự khám sức khỏe định kỳ của người dân chưa cao; v.v.

***Do đó, Sở Y tế đề xuất phương án như sau:***

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Trung tâm Giám định Pháp y, Trung tâm Giám định Y khoa, đã thống nhất bố trí Trụ sở Trung tâm phòng chống Bệnh xã hội (cũ) cho Trung tâm Giám định Y khoa và Trung tâm Giám định Pháp y sử dụng, tuy nhiên hiện trụ sở này đang được bố trí làm việc cho Phòng khám đa khoa, Khoa Sức khỏe sinh sản và một phần của khoa Xét nghiệm chẩn đoán hình ảnh thăm dò chức năng của trung tâm Kiểm soát bệnh tật, việc sắp xếp 03 khoa/phòng này vào Trung tâm phòng chống HIV/AIDS cũ là không đủ phòng làm việc và thực hiện chuyên môn.

Sau khi rà soát lại Trụ sở Trung tâm phòng chống HIV/AIDS cũ, hiện có 24 phòng làm việc. Tuy nhiên, nhu cầu số phòng làm việc cần phải có của Phòng khám đa khoa là 17 phòng, Khoa sức khỏe sinh sản là 10 phòng, Khoa Xét nghiệm chẩn đoán hình ảnh thăm dò chức năng là 20 phòng, do đó số phòng cần đầu tư xây mới là 23 phòng, với các phòng cơ bản như sau:

- i) Phòng khám đa khoa là 13 phòng gồm: 04 Phòng khám: mắt, tâm thần, da liễu, lao; 02 phòng làm việc Trưởng khoa, phó trưởng khoa; 01 phòng tiếp nhận bệnh; 02 phòng cấp thuốc: Bảo hiểm, dịch vụ; 01 Kho; 01 Phòng hành chính khám sức khỏe; 01 Phòng thu viện phí; 01 Phòng X.Quang; 01 Phòng điều trị HIV/AIDS;
- ii) Khoa sức khỏe sinh sản là 10 phòng gồm: 01 phòng tiếp bệnh, tư vấn SKSS, KHHGD; 01 phòng khám thai, khám nhi sơ sinh; 01 phòng khám nam khoa; 01 phòng khám phụ khoa, soi cổ tử cung; 01 phòng thủ thuật vô khuẩn; 01 Phòng Siêu âm; 01 Phòng vô khuẩn, lưu trữ dụng cụ; 02 Phòng làm việc cho nhân viên; 01 phòng trưởng khoa SKSS.

Ngoài ra, hiện nay cơ sở 1 và cơ sở 2 đã xuống cấp, các công trình cần

được cải tạo, nâng cấp, sửa chữa để đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng và kéo dài tuổi thọ công trình và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ: Hệ thống xử lý nước thải, sân, công hàng rào.

Việc nâng cao năng lực hoạt động của CDC là xu thế tất yếu, cần thiết nhằm cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, chủ trương của Đảng, Nhà nước về bảo vệ, chăm sóc, sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của đơn vị; từng bước nâng cao năng lực hoạt động chuyên môn của Trung tâm ngang tầm với các tỉnh, thành phố trong cả nước; tiến tới giảm dần một phần vào sự bao cấp của ngân sách Nhà nước. Để thực hiện được điều này đòi hỏi có sự đầu tư nguồn lực, trong đó có trang thiết bị chuyên môn cho CDC. Do đó, việc Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh là hết sức cần thiết và cấp bách.

## **1.2. Điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư:**

### **a. Các điều kiện để thực hiện đầu tư:**

Vị trí đầu tư xây dựng là khu đất sạch, nằm trong tổng thể khuôn viên các Trụ sở thuộc Trung tâm kiểm soát Bệnh tật quản lý.

### **b. Sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển:**

Việc đầu tư dự án: Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn hiện nay; phù hợp với quy hoạch phát triển ngành theo Quyết định số 153/2006/QĐ-CP, ngày 30/6/2006 của Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế Việt Nam giai đoạn 2010 và tầm nhìn đến năm 2020; Quyết định số 122/QĐ-TTg ngày 10/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đáp ứng và phù hợp với quy hoạch phát triển của ngành y tế tỉnh Đắk Nông.

## **2. Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư:**

### **2.1. Mục tiêu đầu tư:**

Đáp ứng hiệu quả cho công tác phòng chống dịch bệnh, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho người dân, nâng cao năng lực chuyên môn của Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh.

### **2.2. Quy mô đầu tư:**

#### **a) Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp:**

- Sửa chữa cơ sở 01: Sơn, chống thấm, ốp gạch một số phòng và sửa chữa, cải tạo hạ tầng ngoài nhà.
- Sửa chữa cơ sở 02: Sơn, chống thấm, cải tạo các phòng chức năng; xây mới công trình cấp III, diện tích sàn khoảng 600m<sup>2</sup>;
- Hạ tầng ngoài nhà: Hệ thống xử lý nước thải và hạ tầng đồng bộ.

### b) Mua sắm trang thiết bị

Để đáp ứng đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao và dự phòng sẵn để ứng phó khi có dịch bệnh xảy ra, cần có sự đầu tư thêm các máy móc, thiết bị y tế chuyên dùng trong thời gian tới (*Danh mục khái toán kèm theo*).

**3. Địa điểm xây dựng:** Thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

**4. Dự kiến tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án.**

- Tổng mức đầu tư dự kiến khoảng: 30.000 triệu đồng.

**5. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư và phân kỳ đầu tư:**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| STT              | Năm thực hiện     | Ngân sách     | Ghi chú |
|------------------|-------------------|---------------|---------|
| 1                | Năm thứ nhất 2022 | 5.000         |         |
| 2                | Năm thứ hai 2023  | 25.000        |         |
| <b>Tổng cộng</b> |                   | <b>30.000</b> |         |

**6. Phương án giải phóng mặt bằng:** Không.

**7. Tác động môi trường, xã hội và hiệu quả đầu tư:**

**7.1. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường**

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật được thiết kế, thi công theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn, đảm bảo yêu cầu về môi trường. Hạn chế các yếu tố tác động tiêu cực đến môi trường.

- Trong thời gian xây dựng công trình, sẽ có sự ảnh hưởng đến xung quanh do tiếng ồn của máy thi công. Tuy nhiên, đây chỉ là sự ảnh hưởng nhỏ, tạm thời và sẽ kết thúc khi hoàn thành công trình.

+ Rác thải trong quá trình thi công xây dựng sẽ được tập kết và vận chuyển đến đúng nơi quy định nên sẽ không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

+ Nước thải trong quá trình thi công xây dựng sẽ được thu gom, xử lý theo quy định trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Trong quá trình vận hành, sử dụng: Việc thiết kế xây dựng và quy định vận hành sau khi hoàn thành công trình được xử lý cụ thể như sau:

+ Toàn bộ nguồn nước thải được dẫn đến hệ thống xử lý nước thải của bệnh viện để xử lý theo quy định;

+ Rác thải y tế được thu gom, tập kết và xử lý theo đúng quy trình.

+ Rác thải sinh hoạt được thu gom, tập kết tại vị trí quy định và phối hợp với công ty vệ sinh môi trường vận chuyển tới khu xử lý rác thải tập trung để xử

lý theo quy định.

### 7.2. Hiệu quả đầu tư:

Nhằm nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng về một mối, nâng cao năng lực, mở rộng các chỉ tiêu xét nghiệm, kiểm nghiệm nước... đáp ứng hiệu quả cho việc quản lý nhà nước, đáp ứng hiệu quả cho công tác phòng chống dịch bệnh và bảo vệ chăm sóc sức khỏe cho người dân tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý, hoạt động của Trung tâm.

## 8. Các giải pháp tổ chức thực hiện

### 8.1. Giai đoạn chuẩn bị đầu tư:

- Chủ đầu tư thuê Tư vấn quản lý dự án.
- Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn, khảo sát lập dự án đầu tư, thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán công trình.
- Chủ đầu tư trình thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình.

### 8.2. Giai đoạn thực hiện đầu tư:

- Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn Giám sát, lựa chọn nhà thầu, bảo hiểm công trình...
- Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công công trình.
- Chủ đầu tư phối hợp các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện dự án cũng như giám sát chất lượng của dự án.
- Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu công trình theo quy định hiện hành.
- Chủ đầu tư lập hồ sơ thanh quyết toán công trình theo quy định.

### 8.3. Giai đoạn kết thúc đầu tư đưa vào sử dụng:

Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu công trình bàn giao đưa vào sử dụng.

Trên đây là Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh; Sở Y tế kính trình Hội đồng thẩm định 476 xem xét, thẩm định theo quy định./.

Nơi nhận:

- Hội đồng thẩm định 476;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- TT Kiểm soát Bệnh tật tỉnh (t/hiện);
- Lưu: VT, KHTC (Qu).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Trần Quang Hào**

**PHỤ LỤC 1: BẢNG KHAI TOÁN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**  
**Dự án: Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị**  
**cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh**

(Kèm Báo cáo số /BC-SYT ngày /08/2022 của Sở Y tế Đắk Nông)

| Stt | Khoản mục chi phí                                | Ký hiệu | Cách tính          | Thành tiền     |             |                |
|-----|--|---------|--------------------|----------------|-------------|----------------|
|     |  |         |                    | Trước thuế     | Thuế VAT    | Sau thuế       |
| 1   | Chi phí xây dựng                                 | Gxd     | Gxd1+...+Gxdn      | 9.055.000.000  | 905.500.000 | 9.960.500.000  |
| 1.1 | Cơ sở 2  |         |                    | 7.931.818.182  | 793.181.818 | 8.725.000.000  |
| 1.2 | Cơ sở 1  |         | Theo Phụ lục 2     | 1.123.181.818  | 112.318.182 | 1.235.500.000  |
| 2   | Chi phí thiết bị                                 | Gtb     | Theo Phụ lục 3     | 14.548.373.913 | 727.418.696 | 16.730.630.000 |
| 3   | Chi phí quản lý dự án                            | Gqlda   | (Gxd+Gtb) x 2,748% | 648.669.453    | 64.866.945  | 714.000.000    |
| 4   | Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng                   | Gtv     | Gtv1+...+Gtvn      | 1.034.461.897  | 103.446.190 | 1.138.000.000  |
| 4.2 | Chi phí lập Báo cáo nghiên cứu khả thi           | Gtv2    | (Gxd+Gtb) x 0,894% | 211.113.691    | 21.111.369  | 232.225.060    |
| 4.3 | Chi phí thiết kế xây dựng công trình             | Gtv3    | Gxd x 3,121%       | 282.649.259    | 28.264.926  | 310.914.185    |
| 4.4 | Chi phí giám sát thi công xây dựng               | Gtv4    | Gxd x 3,006%       | 194.501.400    | 19.450.140  | 213.951.540    |
| 4.5 | Chi phí giám sát cung cấp và lắp đặt thiết bị    | Gtv5    | Gtb x 0,844%       | 312.499.072    | 31.249.907  | 343.748.979    |
| 4.6 | Chi phí lựa chọn nhà thầu tư vấn xây dựng        | Gtv6    | (Gk+Ggs) x 0,841%  | 4.010.479      | 401.048     | 4.411.527      |
| 4.7 | Chi phí lựa chọn nhà thầu thi công xây lắp       | Gtv7    | Gxd x 0,328%       | 29.687.996     | 2.968.800   | 32.656.796     |
| 5   | <b>CHI PHÍ KHÁC</b>                              | Gk      | Gk1+...+Gkn        | 779.616.127    | 42.711.600  | 822.000.000    |
| 5.2 | Chi phí tham định Báo cáo nghiên cứu khả thi     | Gk2     | (Gxd+Gtb) x 0,164% | 38.803.150     |             | 38.803.150     |
| 5.3 | Chi phí bảo hiểm công trình                      | Gk3     | Gxd x 0,12%        | 10.866.000     | 1.086.600   | 11.952.600     |
| 5.4 | Chi phí kiểm toán                                | Gk4     | TMDTx 0,925%       | 416.250.000    | 41.625.000  | 457.875.000    |
| 5.5 | Chi phí tham tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư | Gk5     | TMDTx 0,575%       | 258.750.000    |             | 258.750.000    |
| 5.6 | Chi phí tham tra thiết kế bản vẽ thi công        | Gk6     | Gxd x 0,217%       | 19.637.965     |             | 19.637.965     |



**PHỤ LỤC 1: BẢNG KHAI TOÁN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**

**Dự án: Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị  
cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh**

*(Kèm Báo cáo số /BC-SYT ngày /08/2022 của Sở Y tế Đắk Nông)*

| Stt      | Khoản mục chi phí                                | Ký hiệu    | Cách tính         | Thành tiền         |                   |                       |
|----------|--|------------|-------------------|--------------------|-------------------|-----------------------|
|          |  |            |                   | Trước thuế         | Thuế VAT          | Sau thuế              |
| 5.7      | Chi phí thẩm tra dự toán XDCT                    | Gk7        | Gxd x 0,213%      | 19.254.012         |                   | 19.254.012            |
| 5.8      | Chi phí thẩm định HSMT tư vấn xây dựng           | Gk9        | Giá trị tối thiểu | 1.000.000          |                   | 1.000.000             |
| 5.9      | Chi phí thẩm định kết quả LCNT tư vấn xây dựng   | Gk10       | Giá trị tối thiểu | 1.000.000          |                   | 1.000.000             |
| 5.10     | Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu xây lắp         | Gk11       | Gxd x 0,05%       | 4.527.500          |                   | 4.527.500             |
| 5.11     | Chi phí thẩm định kết quả LCNT thi công xây dựng | Gk12       | Gxd x 0,05%       | 4.527.500          |                   | 4.527.500             |
| 5.12     | Phí thẩm định PCCC                               | Gk13       | TMDTx 0,01%       | 5.000.000          |                   | 5.000.000             |
| <b>6</b> | <b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>                          | <b>Gdp</b> | <b>Gdp1+Gdp2</b>  | <b>577.039.149</b> | <b>57.703.915</b> | <b>634.743.063</b>    |
|          | <b>TỔNG CỘNG</b>                                 |            |                   |                    |                   | <b>30.000.000.000</b> |

**PHỤ LỤC 02: KHAI TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG**

**Dự án: Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị  
cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh**

| Stt                    | Nội dung  | Đơn vị<br>tính | Khối<br>lượng | Đơn giá       | Thành tiền           |
|------------------------|---|----------------|---------------|---------------|----------------------|
| <b>A</b>               | <b>Cơ sở 2</b>  |                |               |               | <b>8.725.000.000</b> |
| <b>1</b>               | <b>Nâng cấp, sửa chữa Khu khám bệnh - xét nghiệm</b>            |                |               |               | <b>1.660.000.000</b> |
| 1                      | Chống thấm sê nô, sơn tường trong và ngoài nhà                  | m2             | 3.200         | 250.000       | 800.000.000          |
| 2                      | Óp gạch tường, thay cửa các phòng chức năng                     | m2             | 850           | 400.000       | 340.000.000          |
| 3                      | Làm mới hệ thống cấp, thoát nước cho các phòng khám, xét nghiệm | HT             | 1             | 50.000.000    | 50.000.000           |
| 4                      | Lắp đặt hệ thống chống sét                                      | TT             | 1             | 40.000.000    | 40.000.000           |
| 5                      | Kê đá   | md             | 115           | 2.000.000     | 230.000.000          |
| 6                      | Nâng cấp sân bê tông, mương thoát nước                          | m2             | 500           | 350.000       | 175.000.000          |
| 7                      | Sửa chữa cống, hàng rào   | m2             | 100           | 250.000       | 25.000.000           |
| <b>II</b>              | <b>Xây mới bổ sung Khối nhà xét nghiệm - Khám bệnh</b>          |                |               |               | <b>4.500.000.000</b> |
| 1                      | Xây mới nhà cấp III, 600 m2                                     | m2             | 600           | 7.500.000     | 4.500.000.000        |
| <b>III</b>             | <b>Xử lý nước thải</b>  |                |               |               | <b>2.565.000.000</b> |
| 1                      | Xây mới Hệ thống Xử lý nước thải                                | HT             | 1             | 2.500.000.000 | 2.500.000.000        |
| 2                      | Hệ thống thu gom nước thải từ các khoa phòng                    | HT             | 1             | 65.000.000    | 65.000.000           |
| <b>B</b>               | <b>Cơ sở 1</b>  |                |               |               | <b>1.235.500.000</b> |
| 1                      | Chống thấm sê nô, sơn tường ngoài nhà                           | m2             | 2.950         | 250.000       | 737.500.000          |
| 2                      | Cài tạo hàng rào  | m2             | 500           | 250.000       | 125.000.000          |
| 3                      | Óp gạch trong phòng   | m2             | 125           | 400.000       | 50.000.000           |
| 4                      | Nâng cấp sân bê tông, mương thoát nước                          | m2             | 850           | 380.000       | 323.000.000          |
| <b>TỔNG CỘNG (A+B)</b> |   |                |               |               | <b>9.960.500.000</b> |

**PHU LUC 3: KHAI TOÁN CHI PHÍ THIẾT BỊ**

Dự án: Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị  
cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh

DVT: Đồng

| TT         | Tên thiết bị   | Số lượng | ĐVT      | Đơn giá       | Thành tiền           |
|------------|--|----------|----------|---------------|----------------------|
| <b>I</b>   | <b>Hoạt động phòng, chống bệnh truyền nhiễm</b>  |          |          |               | <b>1.636.300.000</b> |
| 1          | Máy phun ULV Fontan  | 7        | Cái      | 33.500.000    | 234.500.000          |
| 2          | Máy phun khử khuẩn STILH   | 8        | Cái      | 21.500.000    | 172.000.000          |
| 3          | Máy phun mù nóng   | 4        | Cái      | 92.700.000    | 370.800.000          |
| 4          | Máy phun hóa chất đặt trên xe ô tô   | 1        | Cái      | 375.000.000   | 375.000.000          |
| 5          | Tủ lạnh âm sâu -80°C   | 1        | Cái      | 484.000.000   | 484.000.000          |
| <b>II</b>  | <b>Công tác Truyền thông phòng chống dịch bệnh</b>   |          |          |               | <b>129.480.000</b>   |
| 6          | Máy ảnh+Ống kính   | 1        | Bộ       | 129.480.000   | 129.480.000          |
| <b>III</b> | <b>Quan trắc môi trường lao động</b>   |          |          |               | <b>2.931.410.000</b> |
| 7          | Máy đo vi khí hậu  | 1        | Cái      | 121.770.000   | 121.770.000          |
| 8          | Máy đo ánh sáng  | 1        | Cái      | 29.810.000    | 29.810.000           |
| 9          | Máy đo điện từ trường  | 1        | Cái      | 113.630.000   | 113.630.000          |
| 10.        | Máy lấy mẫu bụi toàn phần  | 1        | Cái      | 100.650.000   | 100.650.000          |
| 11.        | Máy lấy mẫu bụi hô hấp   | 1        | Cái      | 105.050.000   | 105.050.000          |
| 12.        | Máy lấy mẫu khí  | 1        | Cái      | 88.550.000    | 88.550.000           |
| 13.        | Máy đo phóng xạ  | 1        | Cái      | 59.950.000    | 59.950.000           |
| 14.        | Máy đo rung có phân tích dải tần số  | 1        | Cái      | 453.970.000   | 453.970.000          |
| 15.        | Máy đo bức xạ tử ngoại   | 1        | Cái      | 259.510.000   | 259.510.000          |
| 16         | Máy đo nhanh khí độc hiện trường   | 1        | Cái      | 433.730.000   | 433.730.000          |
| 17.        | Máy đo lực bóp tay   | 1        | Cái      | 5.390.000     | 5.390.000            |
| 18.        | Máy đo lực kéo thân  | 1        | Cái      | 33.880.000    | 33.880.000           |
| 19.        | Máy lấy mẫu vi sinh trong không khí  | 1        | Cái      | 349.030.000   | 349.030.000          |
| 20.        | Bộ đo thính lực  | 1        | Bộ       | 776.490.000   | 776.490.000          |
| <b>IV</b>  | <b>Hoạt động phòng chống bệnh không lây nhiễm</b>  |          |          |               | <b>1.299.500.000</b> |
| 21         | Máy siêu âm xách tay bao gồm:<br>- 01 Máy chính.<br>- 01 Đầu dò Convex đa tần.<br>- 01 Đầu dò Linear đa tần. | 1        | Bộ       | 1.299.500.000 | 1.299.500.000        |
| <b>V</b>   | <b>Hoạt động xét nghiệm trong phòng chống dịch</b>   |          |          |               | <b>9.653.940.000</b> |
| 22         | Hệ thống máy lọc nước siêu sạch  | 1        | Bộ       | 259.850.000   | 259.850.000          |
| 23         | Máy chuẩn độ Karl Fischer xác định hàm lượng nước với burette 10ml   | 1        | Bộ       | 379.790.000   | 379.790.000          |
| 24         | Nồi Hấp Tiệt Trùng 110 lít   | 1        | cái      | 268.000.000   | 268.000.000          |
| 25.        | Hệ thống sắc ký khí ghép khối phổ ba tứ cực  | 1        | Hệ thống | 2.950.000.000 | 2.950.000.000        |
| 26         | Bộ micropipet  | 1        | Bộ       | 87.780.000    | 87.780.000           |
| 27         | Máy Votex  | 1        | cái      | 15.000.000    | 15.000.000           |
| 28         | Máy Spin Dow   | 1        | cái      | 47.520.000    | 47.520.000           |
| 29.        | Máy ly tâm lạnh  | 1        | cái      | 133.000.000   | 133.000.000          |

**PHỤ LỤC 3: KHAI TOÁN CHI PHÍ THIẾT BỊ**

Dự án: Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị  
cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh

DVT: Đồng

| TT               | Tên thiết bị   | Số lượng | ĐVT      | Đơn giá       | Thành tiền            |
|------------------|--|----------|----------|---------------|-----------------------|
| 30.              | Tủ an toàn sinh học cấp II                           | 1        | cái      | 282.000.000   | 282.000.000           |
| 31               | Máy xét nghiệm miễn dịch tự động                     | 1        | cái      | 4.100.000.000 | 4.100.000.000         |
| 32.              | Máy xét nghiệm sinh hóa tự động                      | 1        | cái      | 1.131.000.000 | 1.131.000.000         |
| VI               | <b>Hoạt động Chăm sóc sức khỏe sinh sản</b>          |          |          |               | <b>200.000.000</b>    |
| 33               | Đầu dò LINEAR (cho Máy Siêu âm 4D)                   | 1        | cái      | 200.000.000   | 200.000.000           |
| VII              | <b>Kiểm dịch Y tế Quốc tế</b>                        |          |          |               | <b>880.000.000</b>    |
| 34.              | Hệ thống phun hóa chất khử khuẩn tự động đặt cố định | 1        | Hệ thống | 880.000.000   | 880.000.000           |
| <b>Tổng cộng</b> |  |          |          |               | <b>16.730.630.000</b> |

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG  
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 214/TTTr-SYT

Đắk Nông, ngày 16 tháng 8 năm 2022

## TỜ TRÌNH

**Thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh**

Kính gửi: Hội đồng thẩm định 476.

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, ngày 06/4/2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Công văn 681/TTg-KTTH ngày 01/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thông báo danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (đợt 2);

Căn cứ Công văn 894/VPUBND-KT ngày 04/08/2022 của Văn phòng UBND tỉnh Đắk Nông về việc khẩn trương hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục để triển khai các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Sở Y tế tỉnh Đắk Nông kính trình Hội đồng thẩm định 476 thẩm định chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh, với nội dung chính như sau:

### I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

**1. Tên dự án:** Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh.

**2. Dự án nhóm:** B;

**3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án:** HĐND tỉnh.

**4. Cấp quyết định đầu tư dự án:** UBND tỉnh.

**5. Tên chủ đầu tư dự án:** Sở Y tế tỉnh Đắk Nông

**6. Địa điểm thực hiện dự án:** thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 30.000 triệu đồng.

- Dự kiến phân kỳ đầu tư thực hiện dự án.

Đơn vị: Triệu đồng

| STT         | Năm đầu tư        | Ngân sách tính | Ghi chú |
|-------------|-------------------|----------------|---------|
| 1           | Năm thứ nhất 2022 | 5.000          |         |
| 2           | Năm thứ nhất 2023 | 25.000         |         |
| <b>Tổng</b> |                   | <b>30.000</b>  |         |

8. Nguồn vốn đề nghị thẩm định: Ngân sách Trung ương (Thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội).

9. Ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn đề nghị thẩm định: Y tế.

10. Thời gian thực hiện: Thời gian đầu tư cụ thể sau khi dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư;

## II. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

1. Tờ trình đề nghị thẩm định chủ trương đầu tư dự án;

2. Báo cáo số 770/BC-SYT ngày 15 tháng 8 năm 2022 về đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh.

Tờ trình này thay thế Tờ trình số 186/TTr-SYT ngày 9/8/2022 của Sở Y tế. Sở Y tế kính trình Hội đồng thẩm định 476 xem xét, thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án, với các nội dung như trên./.

Nơi nhận: *Uongphat*

- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- TT Kiểm soát Bệnh tật tỉnh (T/hiện);
- Lưu: VT, KHTC (Qu).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Trần Quang Hào**

## BÁO CÁO

### **Đề xuất đầu tư dự án: Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh**

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, ngày 06/4/2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Công văn 3710/UBND-KT ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc rà soát danh mục các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội thuộc lĩnh vực Y tế tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Công văn 681/TTg-KTTH ngày 01/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thông báo danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (đợt 2);

Căn cứ Công văn 894/VPUBND-KT ngày 04/08/2022 của Văn phòng UBND tỉnh Đắk Nông về việc khẩn trương hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục để triển khai các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Sở Y tế báo cáo Hội đồng thẩm định 476 chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh, với các nội dung chính như sau:

### **I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN**

**1. Tên dự án:** Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh.

**2. Dự án nhóm:** B.

**3. Cấp quyết định chủ trương dự án:** UBND tỉnh.

**4. Tên chủ đầu tư:** Sở Y tế tỉnh Đắk Nông.

**5. Địa điểm thực hiện dự án:** Thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

**6. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án:** 30.000 triệu đồng.

**7. Nguồn kinh phí đầu tư:** Ngân sách Trung ương (Thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội);

**8. Thời gian thực hiện:** 2022 - 2023.

## **II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN**

**1. Thực trạng cơ sở hạ tầng và trang thiết bị, Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư:**

**1. Thực trạng cơ sở hạ tầng và thiết bị:**

**a) Cơ sở hạ tầng:**

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (CDC) được thành lập ngày 01/11/2018 trên cơ sở sáp nhập 05 đơn vị gồm Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh, Trung tâm Phòng chống bệnh xã hội, Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS, Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Trung tâm Truyền thông giáo dục sức khỏe, với biên chế được giao là 144 biên chế và 9 hợp đồng theo Nghị định 161 (năm 2021). Thực trạng cơ sở vật chất đơn vị đang sử dụng gồm 02 trụ sở, trụ sở 01 được trưng dụng lại từ trụ sở Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh (cũ) để bố trí cho khoảng 104 viên chức làm việc, trụ sở 2 được trưng dụng lại từ trụ sở Trung tâm phòng chống bệnh xã hội (cũ) và Trung tâm phòng chống HIV/AIDS (cũ) để bố trí cho khoảng 40 viên chức làm việc. Tuy nhiên do điều kiện cơ sở vật chất của ngành chưa đảm bảo nên đã bố trí Trụ sở của Trung tâm Giám định Y khoa và Trung tâm Giám định Pháp y vào chung vị trí tại trụ sở 2 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật. Từ sự phân chia thành 02 trụ sở dẫn đến khó khăn trong việc quản lý, chỉ đạo.

Bên cạnh đó các hạng mục công trình đưa vào sử dụng đã lâu, đến nay có hiện tượng xuống cấp, thấm dột, bong tróc,...

**b) Về trang thiết bị:**

Đến hiện tại, CDC có 119 chủng loại máy móc, thiết bị y tế phục vụ xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng như: Hệ thống phân tích phân tử định tính PCR; các thiết bị sinh hóa học tự động A25, huyết học 18 thông số, phân tích nước tiểu 10 thông số; hệ thống ELISA; X-quang cơ; máy siêu âm; v.v.; các thiết bị xét nghiệm vi sinh, hóa lý và các thiết bị cơ bản để quang trắc môi trường, phun hóa chất khử trùng, khám sàng lọc các bệnh về mắt, thần kinh, ung thư, tăng huyết áp, đái tháo đường, ..... Các thiết bị, máy móc này đã đáp



ứng các yêu cầu cơ bản cho các hoạt động chuyên môn của đơn vị. Tuy nhiên, các máy móc, trang thiết bị trên da số được hỗ trợ bởi các dự án do Trung ương, Sở Y tế cung ứng đã lâu, sử dụng nhiều năm qua, hiện một số đã lỗi thời, lạc hậu và có dấu hiệu xuống cấp, hư hỏng nghiêm trọng.

## 2. Sự cần thiết đầu tư:

Với quan điểm “Sức khỏe là vốn quý nhất của mỗi người dân và của toàn xã hội”, trong đó y tế dự phòng được Đảng, Nhà nước ta xác định là then chốt do đó đã ưu tiên đầu tư ngân sách và có cơ chế, chính sách huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho lĩnh vực này. Sau khi sáp nhập, nguồn nhân lực dồi dào, cơ sở tương đối đầy đủ, có sự chỉ đạo nhất quán và xuyên suốt trong thực hiện các chức năng, nhiệm vụ giao. Đây là những yếu tố thuận lợi cơ bản để CDC thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao và tiếp tục phát triển trong tương lai.

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản và các cơ hội trên, hoạt động y tế dự phòng của CDC gặp nhiều khó khăn, thách thức như: Các điều kiện về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, con người chưa đáp ứng yêu cầu, phân tán, nhiều đầu mối; Nguồn kinh phí hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của dự án, hoạt động y tế còn hạn hẹp dẫn đến khả năng trích lập, sử dụng nguồn thu dịch vụ để hỗ trợ chuyên môn với tỷ lệ chưa cao; Các bệnh truyền nhiễm mới nổi, tái nổi, kháng thuốc hiện không chỉ xảy ra lẻ tẻ mang tính chất địa phương mà có tính toàn cầu do có tốc độ lan truyền nhanh, độc lực cao, khó dự phòng và điều trị nên nguồn lực bị phân tán vì ưu tiên cho các hoạt động này; Các bệnh không lây nhiễm ngày càng gia tăng ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe cộng đồng và sự phát triển kinh tế xã hội do số người mắc bệnh nhiều, bệnh gây tàn tật và tử vong cao trong khi ý thức tự khám sức khỏe định kỳ của người dân chưa cao,....

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Trung tâm Giám định Pháp y, Trung tâm Giám định Y khoa, đã thống nhất bố trí Trụ sở Trung tâm phòng chống Bệnh xã hội (cũ) cho Trung tâm Giám định Y khoa và Trung tâm Giám định Pháp y sử dụng, tuy nhiên hiện trụ sở này đang được bố trí làm việc cho Phòng khám đa khoa, Khoa Sức khỏe sinh sản và một phần của khoa Xét nghiệm chẩn đoán hình ảnh thăm dò chức năng của trung tâm Kiểm soát bệnh tật, việc sắp xếp 03 khoa/phòng này vào Trung tâm phòng chống HIV/AIDS cũ là không đủ phòng làm việc và thực hiện chuyên môn. Sau khi rà soát lại Trụ sở Trung tâm phòng chống HIV/AIDS cũ, hiện có 24 phòng làm việc. Tuy nhiên, nhu cầu số phòng làm việc cần phải có của Phòng khám đa khoa là 17 phòng, Khoa sức khỏe sinh sản là 10 phòng, Khoa Xét nghiệm chẩn đoán hình ảnh thăm dò chức năng là 20 phòng, do đó số phòng cần đầu tư xây mới là 23 phòng.

Việc nâng cao năng lực hoạt động của CDC là xu thế tất yếu, cần thiết nhằm cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, chủ trương của Đảng, Nhà nước về bảo vệ, chăm sóc, sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của đơn vị; từng bước nâng cao năng lực hoạt động chuyên môn của Trung tâm ngang tầm với các tỉnh, thành phố trong cả nước; tiến tới giảm dần một phần vào sự bao cấp của ngân sách Nhà nước. Để

thực hiện được điều này đòi hỏi có sự đầu tư nguồn lực, trong đó có trang thiết bị chuyên môn cho CDC. Do đó, việc Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh là hết sức cần thiết và cấp bách.

## **1.2. Điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư:**

### **a. Các điều kiện để thực hiện đầu tư:**

Vị trí đầu tư xây dựng là khu đất sạch, nằm trong tổng thể khuôn viên các Trụ sở thuộc Trung tâm kiểm soát Bệnh tật quản lý.

### **b. Sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển:**

Việc đầu tư dự án: Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn hiện nay; phù hợp với quy hoạch phát triển ngành theo Quyết định số 153/2006/QĐ-CP, ngày 30/6/2006 của Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế Việt Nam giai đoạn 2010 và tầm nhìn đến năm 2020; Quyết định số 122/QĐ-TTg ngày 10/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đáp ứng và phù hợp với quy hoạch phát triển của ngành y tế tỉnh Đắk Nông.

## **2. Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư:**

### **2.1. Mục tiêu đầu tư:**

Đáp ứng hiệu quả cho công tác phòng chống dịch bệnh, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho người dân, nâng cao năng lực chuyên môn của Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh.

### **2.2. Quy mô đầu tư:**

#### **a) Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp:**

- Sửa chữa, cải tạo cơ sở 01: Sơn, chống thấm, ốp gạch một số phòng và sửa chữa, cải tạo hạ tầng ngoài nhà.

- Sửa chữa, cải tạo và xây mới các hạng mục tại cơ sở 02: Sơn, chống thấm, cải tạo các phòng hiện hữu thành các phòng chức năng phục vụ việc khám và xét nghiệm; xây mới công trình cấp III, diện tích sàn khoảng 600m<sup>2</sup> để đảm bảo số lượng các phòng chuyên môn theo nhu cầu thực tế tương ứng khoảng 23 phòng, với các phòng cơ bản như sau:

+ Phòng khám đa khoa là 13 phòng gồm: 04 Phòng khám: mắt, tâm thần, da liễu, lao; 02 phòng làm việc Trưởng khoa, phó trưởng khoa; 01 phòng tiếp nhận bệnh; 02 phòng cấp thuốc: Bảo hiểm, dịch vụ; 01 Kho; 01 Phòng hành

chính khám sức khỏe; 01 Phòng thu viện phí; 01 Phòng X.Quang; 01 Phòng điều trị HIV/AIDS;

+ Khoa sức khỏe sinh sản là 10 phòng gồm: 01 phòng tiếp bệnh, tư vấn SKSS, KIIHGD; 01 phòng khám thai, khám nhi sơ sinh; 01 phòng khám nam khoa; 01 phòng khám phụ khoa, soi cổ tử cung; 01 phòng thủ thuật vô khuẩn; 01 Phòng Siêu âm; 01 Phòng vô khuẩn, lưu trữ dụng cụ; 02 Phòng làm việc cho nhân viên; 01 phòng trưởng khoa SKSS.

Ngoài ra, cần đầu tư nâng cấp, sửa chữa hạ tầng ngoài nhà: Hệ thống xử lý nước thải và hạ tầng ngoài nhà đồng bộ.

#### **b) Mua sắm trang thiết bị**

Để đáp ứng đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao và dự phòng sẵn để ứng phó khi có dịch bệnh xảy ra, cần có sự đầu tư thêm các máy móc, thiết bị y tế chuyên dùng trong thời gian tới (*Danh mục khái toán kèm theo*).

**3. Địa điểm xây dựng:** Thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

**4. Dự kiến tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án.**

- Tổng mức đầu tư dự kiến khoảng: **30.000 triệu đồng**.

**5. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư và phân kỳ đầu tư:**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| STT              | Năm thực hiện     | Ngân sách     | Ghi chú |
|------------------|-------------------|---------------|---------|
| 01               | Năm thứ nhất 2022 | 5.000         |         |
| 02               | Năm thứ hai 2023  | 25.000        |         |
| <b>Tổng cộng</b> |                   | <b>30.000</b> |         |

**6. Phương án giải phóng mặt bằng:** Không.

**7. Tác động môi trường, xã hội và hiệu quả đầu tư:**

#### **7.1. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường**

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật được thiết kế, thi công theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn, đảm bảo yêu cầu về môi trường. Hạn chế các yếu tố tác động tiêu cực đến môi trường.

- Trong thời gian xây dựng công trình, sẽ có sự ảnh hưởng đến xung quanh do tiếng ồn của máy thi công. Tuy nhiên, đây chỉ là sự ảnh hưởng nhỏ, tạm thời và sẽ kết thúc khi hoàn thành công trình.

+ Rác thải trong quá trình thi công xây dựng sẽ được tập kết và vận chuyển đến đúng nơi quy định nên sẽ không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

+ Nước thải trong quá trình thi công xây dựng sẽ được thu gom, xử lý theo quy định trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Trong quá trình vận hành, sử dụng: Việc thiết kế xây dựng và quy định vận hành sau khi hoàn thành công trình được xử lý cụ thể như sau:

+ Toàn bộ nguồn nước thải được dẫn đến hệ thống xử lý nước thải của bệnh viện để xử lý theo quy định;

+ Rác thải y tế được thu gom, tập kết và xử lý theo đúng quy trình.

+ Rác thải sinh hoạt được thu gom, tập kết tại vị trí quy định và phối hợp với công ty vệ sinh môi trường vận chuyển tới khu xử lý rác thải tập trung để xử lý theo quy định.

## **7.2. Hiệu quả đầu tư:**

Nhằm nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng về một môi, nâng cao năng lực, mở rộng các chỉ tiêu xét nghiệm, kiểm nghiệm nước... đáp ứng hiệu quả cho việc quản lý nhà nước, đáp ứng hiệu quả cho công tác phòng chống dịch bệnh và bảo vệ chăm sóc sức khỏe cho người dân tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý, hoạt động của Trung tâm.

Đầu tư hoàn chỉnh cơ sở vật chất và trang thiết bị của trung tâm kiểm soát bệnh tật tuyến tỉnh nhằm đáp ứng các tình huống khẩn cấp về y tế (dịch bệnh, thiên tai, thảm họa,..) tại khu vực tỉnh và kiểm soát tốt dịch bệnh tại địa phương, tuyệt đối giữ vững thể phòng thủ của hệ thống y tế dự phòng, nâng cao chất lượng hoạt động của CDC.

Triển khai tốt công tác xét nghiệm, môi trường, nước sạch, an toàn lao động tại địa phương.

## **8. Các giải pháp tổ chức thực hiện**

### **8.1. Giai đoạn chuẩn bị đầu tư:**

- Chủ đầu tư thuê Tư vấn quản lý dự án.

- Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn, khảo sát lập dự án đầu tư, thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán công trình.

- Chủ đầu tư trình thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình.

### **8.2. Giai đoạn thực hiện đầu tư:**

- Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn Giám sát, lựa chọn nhà thầu, bảo hiểm công trình...

- Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công công trình.

- Chủ đầu tư phối hợp các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện dự án cũng như giám sát chất lượng của dự án.

- Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu công trình theo quy định hiện hành.
- Chủ đầu tư lập hồ sơ thanh quyết toán công trình theo quy định.

### 8.3. Giai đoạn kết thúc đầu tư đưa vào sử dụng:

Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu công trình bàn giao đưa vào sử dụng.

Trên đây là Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh. Báo cáo này thay thế Báo cáo số 752/BC-SYT ngày 09/8/2022 của Sở Y tế. Sở Y tế kính trình Hội đồng thẩm định 476 xem xét, thẩm định theo quy định./.

**Nơi nhận:** *theo qđ*

- Hội đồng thẩm định 476;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- TT Kiểm soát Bệnh tật tỉnh (T/hiện);
- Lưu: VT, KHTC (Qu).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Trần Quang Hào**

**PHU LUC 1: BẢNG KHAI TOÁN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**

Dự án: Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị  
cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh

(Kèm Báo cáo số /BC-SYT ngày /08/2022 của Sở Y tế Đắk Nông)

| Stt | Khoản mục chi phí                                | Ký hiệu | Cách tính                  | Thành tiền     |                |
|-----|--|---------|----------------------------|----------------|----------------|
|     |  |         |                            | Trước thuế     | Thuế VAT       |
| 1   | Chi phí xây dựng                                 | Gxd     | $Gxd1+...+Gxdn$            | 9.191.363.636  | 10.110.500.000 |
| 1.1 | Cơ sở 2  |         |                            | 7.931.818.182  | 8.725.000.000  |
| 1.2 | Cơ sở 1  |         | Theo Phụ lục 2             | 1.259.545.455  | 1.385.500.000  |
| 2   | Chi phí thiết bị                                 | Gtb     | Theo Phụ lục 3             | 14.548.373.913 | 16.730.630.000 |
| 3   | Chi phí quản lý dự án                            | Gqlda   | $(Gxd+Gtb) \times 2,748\%$ | 652.095.442    | 717.000.000    |
| 4   | Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng                   | Gtv     | $Gtv1+...+Gtvn$            | 1.042.933.758  | 1.147.000.000  |
| 4.2 | Chi phí lập Báo cáo nghiên cứu khả thi           | Gtv2    | $(Gxd+Gtb) \times 0,894\%$ | 212.157.467    | 233.373.213    |
| 4.3 | Chi phí thiết kế xây dựng công trình             | Gtv3    | $Gxd \times 3,121\%$       | 286.709.451    | 315.380.396    |
| 4.4 | Chi phí giám sát thi công xây dựng               | Gtv4    | $Gxd \times 3,006\%$       | 197.430.491    | 217.173.540    |
| 4.5 | Chi phí giám sát cung cấp và lắp đặt thiết bị    | Gtv5    | $Gtb \times 0,844\%$       | 312.499.072    | 343.748.979    |
| 4.6 | Chi phí lựa chọn nhà thầu tư vấn xây dựng        | Gtv6    | $(Gtb+Ggs) \times 0,841\%$ | 4.065.282      | 4.471.810      |
| 4.7 | Chi phí lựa chọn nhà thầu thi công xây lắp       | Gtv7    | $Gxd \times 0,328\%$       | 30.071.996     | 33.079.196     |
| 5   | <b>CHI PHÍ KHÁC</b>                              | Gk      | $Gk1+...+Gkn$              | 780.650.175    | 823.000.000    |
| 5.2 | Chi phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi     | Gk2     | $(Gxd+Gtb) \times 0,164\%$ | 38.994.955     | 38.994.955     |
| 5.3 | Chi phí bảo hiểm công trình                      | Gk3     | $Gxd \times 0,12\%$        | 11.029.636     | 12.132.600     |
| 5.4 | Chi phí kiểm toán                                | Gk4     | TMDTx 0,925%               | 416.250.000    | 457.875.000    |
| 5.5 | Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư | Gk5     | TMDTx 0,575%               | 258.750.000    | 258.750.000    |
| 5.6 | Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công        | Gk6     | $Gxd \times 0,217\%$       | 19.912.395     | 19.912.395     |

**PHU LUC 1: BẢNG KHAI TOÁN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**  
**Dự án: Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị**  
**cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh**  
*(Kèm Báo cáo số /BC-SYT ngày /08/2022 của Sở Y tế Đắk Nông)*

| Stt      | Khoản mục chi phí                                | Ký hiệu    | Cách tính         | Thành tiền         |                       |
|----------|--|------------|-------------------|--------------------|-----------------------|
|          |  |            |                   | Trước thuế         | Thuế VAT              |
| 5.7      | Chi phí thẩm tra dự toán XDCT                    | Gk7        | Gxd x 0,213%      | 19.521.825         | 19.521.825            |
| 5.8      | Chi phí thẩm định HSMT tư vấn xây dựng           | Gk9        | Giá trị tối thiểu | 1.000.000          | 1.000.000             |
| 5.9      | Chi phí thẩm định kết quả LCNT tư vấn xây dựng   | Gk10       | Giá trị tối thiểu | 1.000.000          | 1.000.000             |
| 5.10     | Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu xây lắp         | Gk11       | Gxd x 0,05%       | 4.595.682          | 4.595.682             |
| 5.11     | Chi phí thẩm định kết quả LCNT thi công xây dựng | Gk12       | Gxd x 0,05%       | 4.595.682          | 4.595.682             |
| 5.12     | Phí thẩm định PCCC                               | Gk13       | TMDTx 0,01%       | 5.000.000          | 5.000.000             |
| <b>6</b> | <b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>                          | <b>Gdp</b> | <b>Gdp1+Gdp2</b>  | <b>429.347.183</b> | <b>42.934.718</b>     |
|          | <b>TỔNG CỘNG</b>                                 |            |                   |                    | <b>30.000.000.000</b> |

**PHỤ LỤC 02: KHAI TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG**

**Dự án: Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị  
cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh**

| Stt                    | Nội dung   | Đơn vị<br>tính | Khối<br>lượng | Đơn giá       | Thành tiền            |
|------------------------|--|----------------|---------------|---------------|-----------------------|
| <b>A</b>               | <b>Cơ sở 2</b>   |                |               |               | <b>8.725.000.000</b>  |
| <b>I</b>               | <b>Nâng cấp, sửa chữa Khu khám bệnh -<br/>xét nghiệm</b>           |                |               |               | <b>2.239.800.000</b>  |
| 1                      | Chống thấm sê nô, sơn tường trong và<br>ngoài nhà                  | m2             | 3.200         | 250.000       | 800.000.000           |
| 2                      | Óp gạch tường, thay cửa các phòng<br>chức năng                     | m2             | 850           | 400.000       | 340.000.000           |
| 3                      | Làm mới hệ thống cấp, thoát nước cho<br>các phòng khám, xét nghiệm | HT             | 1             | 50.000.000    | 50.000.000            |
| 4                      | Lắp đặt hệ thống chống sét   | TT             | 1             | 40.000.000    | 40.000.000            |
| 5                      | Kè đá  | md             | 115           | 2.000.000     | 230.000.000           |
| 6                      | Nâng cấp sân bê tông, mương thoát<br>nước                          | m2             | 500           | 350.000       | 175.000.000           |
| 7                      | Sửa chữa cổng, hàng rào  | m2             | 100           | 250.000       | 25.000.000            |
| 8                      | Xây mới đoạn hàng rào sau nhà                                      | md             | 110           | 2.000.000     | 220.000.000           |
| 9                      | Sửa chữa một số vị trí móng nhà hư<br>hỏng                         | md             | 72            | 900.000       | 64.800.000            |
| <b>II</b>              | <b>Xây mới bổ sung Khối nhà xét<br/>nghiệm - Khám bệnh</b>         |                |               |               | <b>4.500.000.000</b>  |
| 1                      | Xây mới nhà cấp III, 600 m2  | m2             | 600           | 7.500.000     | 4.500.000.000         |
| <b>III</b>             | <b>Xử lý nước thải</b>   |                |               |               | <b>1.985.000.000</b>  |
| 1                      | Xây mới Hệ thống Xử lý nước thải                                   | HT             | 1             | 1.900.000.000 | 1.900.000.000         |
| 2                      | Hệ thống thu gom nước thải từ các khoa<br>phòng                    | HT             | 1             | 85.000.000    | 85.000.000            |
| <b>B</b>               | <b>Cơ sở 1</b>   |                |               |               | <b>1.385.500.000</b>  |
| 1                      | Chống thấm sê nô, sơn tường ngoài nhà                              | m2             | 2.950         | 250.000       | 737.500.000           |
| 2                      | Cải tạo hàng rào   | m2             | 500           | 250.000       | 125.000.000           |
| 3                      | Óp gạch trong phòng  | m2             | 125           | 400.000       | 50.000.000            |
| 4                      | Nâng cấp sân bê tông, mương thoát<br>nước                          | m2             | 850           | 380.000       | 323.000.000           |
| <b>TỔNG CỘNG (A+B)</b> |  |                |               |               | <b>10.110.500.000</b> |



**PHỤ LỤC 3: KHAI TOÁN CHI PHÍ THIẾT BỊ**

**Dự án: Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị  
cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh**

*DVT: Đồng*

| TT         | Tên thiết bị   | Số lượng | ĐVT      | Đơn giá       | Thành tiền           |
|------------|--|----------|----------|---------------|----------------------|
| <b>I</b>   | <b>Hoạt động phòng, chống bệnh truyền nhiễm</b>                    |          |          |               | <b>1.636.300.000</b> |
| 1          | Máy phun ULV Fontan  | 7        | Cái      | 33.500.000    | 234.500.000          |
| 2          | Máy phun khử khuẩn STILLI  | 8        | Cái      | 21.500.000    | 172.000.000          |
| 3          | Máy phun mù nóng   | 4        | Cái      | 92.700.000    | 370.800.000          |
| 4          | Máy phun hóa chất đặt trên xe ô tô                                 | 1        | Cái      | 375.000.000   | 375.000.000          |
| 5          | Tủ lạnh âm sâu -80°C   | 1        | Cái      | 484.000.000   | 484.000.000          |
| <b>II</b>  | <b>Công tác Truyền thông phòng chống dịch bệnh</b>                 |          |          |               | <b>129.480.000</b>   |
| 6          | Máy ảnh+ Ống kính  | 1        | Bộ       | 129.480.000   | 129.480.000          |
| <b>III</b> | <b>Quan trắc môi trường lao động</b>                               |          |          |               | <b>2.931.410.000</b> |
| 7          | Máy đo vi khí hậu  | 1        | Cái      | 121.770.000   | 121.770.000          |
| 8          | Máy đo ánh sáng  | 1        | Cái      | 29.810.000    | 29.810.000           |
| 9          | Máy đo điện từ trường  | 1        | Cái      | 113.630.000   | 113.630.000          |
| 10.        | Máy lấy mẫu bụi toàn phần  | 1        | Cái      | 100.650.000   | 100.650.000          |
| 11.        | Máy lấy mẫu bụi hô hấp   | 1        | Cái      | 105.050.000   | 105.050.000          |
| 12.        | Máy lấy mẫu khí  | 1        | Cái      | 88.550.000    | 88.550.000           |
| 13.        | Máy đo phóng xạ  | 1        | Cái      | 59.950.000    | 59.950.000           |
| 14.        | Máy đo rung có phân tích dải tần số                                | 1        | Cái      | 453.970.000   | 453.970.000          |
| 15.        | Máy đo bức xạ từ ngoại   | 1        | Cái      | 259.510.000   | 259.510.000          |
| 16         | Máy đo nhanh khí độc hiện trường                                   | 1        | Cái      | 433.730.000   | 433.730.000          |
| 17.        | Máy đo lực bóp tay   | 1        | Cái      | 5.390.000     | 5.390.000            |
| 18.        | Máy đo lực kéo thân  | 1        | Cái      | 33.880.000    | 33.880.000           |
| 19.        | Máy lấy mẫu vi sinh trong không khí                                | 1        | Cái      | 349.030.000   | 349.030.000          |
| 20.        | Bộ đo thính lực  | 1        | Bộ       | 776.490.000   | 776.490.000          |
| <b>IV</b>  | <b>Hoạt động phòng chống bệnh không lây nhiễm</b>                  |          |          |               | <b>1.299.500.000</b> |
| 21         | Máy siêu âm xách tay bao gồm:                                      | 1        | Bộ       | 1.299.500.000 | 1.299.500.000        |
|            | - 01 Máy chính.  |          |          |               |                      |
|            | - 01 Đầu dò Convex đa tần.   |          |          |               |                      |
|            | - 01 Đầu dò Linear đa tần.   |          |          |               |                      |
| <b>V</b>   | <b>Hoạt động xét nghiệm trong phòng chống dịch</b>                 |          |          |               | <b>9.653.940.000</b> |
| 22         | Hệ thống máy lọc nước siêu sạch                                    | 1        | Bộ       | 259.850.000   | 259.850.000          |
| 23         | Máy chuẩn độ Karl Fischer xác định hàm lượng nước với burette 10ml | 1        | Bộ       | 379.790.000   | 379.790.000          |
| 24         | Nồi Hấp Tiệt Trùng 110 lít   | 1        | cái      | 268.000.000   | 268.000.000          |
| 25.        | Hệ thống sắc ký khí ghép khối phổ ba tứ cực                        | 1        | Hệ thống | 2.950.000.000 | 2.950.000.000        |

**PHỤ LỤC 3: KHÁI TOÁN CHI PHÍ THIẾT BỊ**

**Dự án: Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị  
cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh**

*DVT: Đồng*

| <b>TT</b>        | <b>Tên thiết bị</b>                                  | <b>Số lượng</b> | <b>DVT</b> | <b>Đơn giá</b> | <b>Thành tiền</b>     |
|------------------|--|-----------------|------------|----------------|-----------------------|
| 26               | Bộ micropipet  | 1               | Bộ         | 87.780.000     | 87.780.000            |
| 27               | Máy Votex  | 1               | cái        | 15.000.000     | 15.000.000            |
| 28               | Máy Spin Dow   | 1               | cái        | 47.520.000     | 47.520.000            |
| 29.              | Máy ly tâm lạnh                                      | 1               | cái        | 133.000.000    | 133.000.000           |
| 30.              | Tủ an toàn sinh học cấp II                           | 1               | cái        | 282.000.000    | 282.000.000           |
| 31               | Máy xét nghiệm miễn dịch tự động                     | 1               | cái        | 4.100.000.000  | 4.100.000.000         |
| 32.              | Máy xét nghiệm sinh hóa tự động                      | 1               | cái        | 1.131.000.000  | 1.131.000.000         |
| <b>VI</b>        | <b>Hoạt động Chăm sóc sức khỏe sinh sản</b>          |                 |            |                | <b>200.000.000</b>    |
| 33               | Đầu dò LINEAR (cho Máy Siêu âm 4D)                   | 1               | cái        | 200.000.000    | 200.000.000           |
| <b>VII</b>       | <b>Kiểm dịch Y tế Quốc tế</b>                        |                 |            |                | <b>880.000.000</b>    |
| 34.              | Hệ thống phun hóa chất khử khuẩn tự động đặt cố định | 1               | Hệ thống   | 880.000.000    | 880.000.000           |
| <b>Tổng cộng</b> |  |                 |            |                | <b>16.730.630.000</b> |

Số: 285A/BC-SKH

Đắk Nông, ngày 12 tháng 8 năm 2022

### **BÁO CÁO THẨM ĐỊNH NỘI BỘ**

**Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông**

Kính gửi: Hội đồng thẩm định 476.

Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được Báo cáo số 756/BC-SYT ngày 11/8/2022 của Sở Y tế về đề xuất chủ trương đầu tư Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông; Trên cơ sở hồ sơ trình thẩm định và kết quả thực địa dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nội bộ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho các Trung tâm y tế tuyến huyện với kết quả thẩm định như sau:

#### **Phần thứ nhất**

### **TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH VÀ TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH**

#### **I. HỒ SƠ TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH:**

- Tờ trình số 206/TTr-SYT ngày 11/8/2022 của Sở Y tế về việc đề nghị thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông;
- Báo cáo số 756/BC-SYT ngày 11/8/2022 của Sở Y tế về đề xuất chủ trương đầu tư Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông.

#### **II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ THẨM ĐỊNH:**

- Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;
- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 6/4/2020 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
- Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội;
- Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình;

- Công văn số 681/TTg-KTTH ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc thông báo danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và Phát triển kinh tế xã hội (đợt 2);

- Công văn số 1165/UBND-KTTH của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ đối với các dự án đầu tư khởi công mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh;

- Biên bản kiểm tra thực địa.

### **III. TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH:**

- **Hình thức thẩm định:** Tổ chức khảo sát thực địa theo Giấy mời số 1812/SKH-THQH ngày 01/8/2022, có biên bản khảo sát đính kèm.

- **Cơ quan chủ trì thẩm định nội bộ:** Sở Kế hoạch và Đầu tư (theo Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh).

## **Phần thứ hai**

### **NỘI DUNG THẨM ĐỊNH**

#### **I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN THEO CƠ QUAN ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ:**

1. Tên dự án: Đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông.

2. Dự án nhóm: B

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: HĐND tỉnh.

4. Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh.

5. Cơ quan đề xuất chủ trương đầu tư: Sở Y tế.

6. Đơn vị dự kiến được giao nhiệm vụ chủ đầu tư: Sở Y tế.

7. Địa điểm thực hiện dự án: Toàn tỉnh.

8. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 86.550 triệu đồng.

9. Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương (từ Chương trình phục hồi và Phát triển kinh tế xã hội).

10. Thời gian thực hiện: 2022-2023.

11. Hình thức đầu tư của dự án: Nâng cấp, cải tạo và mua sắm.

#### **II. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THẨM ĐỊNH**

##### **1. Sự cần thiết đầu tư dự án:**

\* Theo Báo cáo của Sở Y tế: Hoạt động củng cố hệ thống y tế cơ sở và tăng cường chăm sóc sức khỏe ban đầu luôn là những ưu tiên trong chính sách phát

triển y tế Việt Nam, góp phần quan trọng trong cải thiện tình trạng sức khỏe nhân dân. Trước bối cảnh già hóa dân số, mô hình bệnh tật thay đổi với sự gia tăng của các bệnh không lây nhiễm, trong khi y tế cơ sở vẫn còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân, việc xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở càng trở nên cấp bách hơn bao giờ hết.

Với quan điểm chỉ đạo “sức khỏe là vốn quý nhất của mỗi người dân và của cả xã hội. Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe là nghĩa vụ, trách nhiệm của mỗi người dân, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, đòi hỏi sự tham gia tích cực của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các ngành, trong đó ngành Y tế là nòng cốt”, Nghị quyết 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới khẳng định: Đầu tư cho bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân là đầu tư cho phát triển. Nghị quyết nêu rõ, đổi mới mạnh mẽ cơ chế và phương thức hoạt động của y tế cấp xã để thực hiện vai trò là tuyến đầu trong phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe. Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 05/12/2016 (Quyết định số 2348/QĐ-CP) đã xác định đổi mới tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính, phát triển nguồn nhân lực để nâng cao năng lực cung ứng và chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở; bảo đảm cung ứng đầy đủ các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh cho từng người dân trên địa bàn...

Các Trung tâm Y tế huyện đã được đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng đã lâu (2010-2015) đến nay đã xuống cấp trầm trọng, một số hạng mục đã không thể sử dụng được; Các hạng mục công trình đa phần bị thấm, mốc tường, trần; gạch sàn nhà bong dộp; bong tróc trần trong và ngoài nhà, vữa trát một số hạng mục công trình bong dộp; hư hỏng thiết bị vệ sinh, thiết bị điện; hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà xuống cấp, xập xệ... làm ảnh hưởng tới sức khỏe của người dân khi đến cấp cứu, khám chữa bệnh, điều trị nội trú tại các Đơn vị; không đảm bảo môi trường an toàn và sức khỏe cho Nhân viên y tế khi làm việc.

Hiện nay, phòng mổ của các Trung tâm Y tế chưa thật sự hoàn chỉnh, nội thất phòng mổ chưa đáp ứng yêu cầu, một số phòng mổ ẩm mốc, một số chưa có hệ thống khí sạch, khí nén để phục vụ cho việc phẫu thuật vô trùng; ngoài ra, các Trung tâm Y tế còn thiếu thốn các thiết bị phụ trợ đi kèm để hỗ trợ cho việc phẫu thuật Bệnh nhân, làm ảnh hưởng rất lớn đến việc thực hiện các ca phẫu thuật quan trọng của các Y bác sỹ.

Trước tình hình phát triển của nền kinh tế xã hội, bên cạnh đó nhu cầu khám chữa bệnh của người dân ngày càng nâng cao, đòi hỏi cơ sở vật chất phải được đảm bảo. Nhằm thu hút và tạo niềm tin cho người bệnh khi đến với cơ sở Khám chữa bệnh, giảm tải cho các Bệnh viện tuyến trên, cũng như thực hiện lộ trình tiến tới Đơn vị tự chủ toàn bộ chi thường xuyên trong thời gian tới; việc nâng cấp và mua sắm trang thiết bị và cải tạo cơ sở hạ tầng các Trung tâm y tế huyện: Cư Jút, Đăk Mil, Krông Nô, Tuy Đức, Đăk Glông, Đăk Song, Đăk R'lấp và thành phố Gia Nghĩa là thực sự rất cần thiết để phục vụ công tác nâng cao

chất lượng khám chữa bệnh tại đơn vị.

\* *Ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư:* Việc nâng cấp, sửa chữa các Trung tâm y tế là cần thiết nhằm từng bước hiện đại hóa hệ thống y tế cơ sở, đáp ứng yêu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe người dân, đồng thời nâng cao khả năng đáp ứng nhiệm vụ phòng, chống dịch, trong đó có dịch bệnh Covid-19. Tuy nhiên, đề nghị Sở Y tế làm rõ tình trạng đáp ứng khám chữa bệnh hiện nay (bao gồm hiện trạng các phòng mổ, các trạm xử lý nước thải...) và khả năng phòng chống dịch bệnh Covid-19 vừa qua của các Trung tâm Y tế. Ngoài ra, đề nghị Sở Y tế báo cáo bổ sung tình hình thanh quyết toán các công trình và các lần duy tu bảo dưỡng, sửa chữa nâng cấp kể từ khi hoàn thành công trình đến nay.

**2. Sự phù hợp với các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và quy hoạch:** đã được dự kiến đầu tư trong danh mục dự án Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội (tại Công văn số 681/TTg-KTTH ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính).

**3. Sự phù hợp với tiêu chí phân loại dự án nhóm A, B, C:** Dự án nhóm B (phù hợp với tiêu chí phân loại dự án tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 của Luật Đầu tư công năm 2019).

**4. Mục tiêu đầu tư dự án:**

\* *Ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư:* cơ quan đề xuất cần thể hiện mục tiêu nâng cao khả năng phòng chống dịch bệnh của các cơ sở y tế, đáp ứng yêu cầu tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, đảm bảo phù hợp với mục tiêu Chương trình Phục hồi và phát triển kinh tế xã hội đặt ra (theo hướng dẫn của Bộ Y tế tại Công văn số 3388/BYT-KHTC ngày 28/6/2022).

**5. Quy mô đầu tư, năng lực tăng thêm:**

\* *Theo Báo cáo của Sở Y tế đề xuất:*

(1) Đầu tư nâng cấp, mua sắm trang thiết bị 6 trung tâm y tế huyện thuộc tỉnh Đắk Nông (Đắk Mil, Đắk G'long, Đắk Song, Cư Jút, Krông Nô, Tuy Đức): Đầu tư, nâng cấp các phòng mổ với các nội dung đầu tư như: nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mổ và các thiết bị phòng mổ, gồm: 02 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Đắk Mil; 01 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong; 01 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Đắk Song; 01 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Đắk Cư Jút và sửa chữa nhỏ 01 phòng mổ và bổ sung trang thiết bị y tế ; 01 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Krông Nô; 01 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Tuy Đức.

(2) Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng cho 8 trung tâm y tế các huyện (Đắk R'lấp, Tuy Đức, Đắk Mil, Cư Jút, Krông Nô, Đắk G'long, Đắk Song và Gia Nghĩa):

- Tại Trung tâm Y tế huyện Krông Nô: nâng cấp, sửa chữa Nhà khám bệnh và điều trị, Nhà cầu nổi, Nhà điều trị nội trú và Hạ tầng ngoài nhà.

- Tại Trung tâm Y tế huyện Cư Jú: Nâng cấp, sửa chữa Nhà khám bệnh - hành chính, Nhà điều trị nội trú và Hạ tầng ngoài nhà.

- Tại Trung tâm Y tế huyện Đăk Mít: Nâng cấp, sửa chữa Nhà điều trị nội trú, Nhà chống nhiễm khuẩn, dinh dưỡng và Hạ tầng ngoài nhà

- Tại Trung tâm Y tế huyện Đăk Song: Xây mới hệ thống xử lý nước thải và sửa chữa một số hạng mục đã xuống cấp (Ngoài các hạng mục đã đầu tư theo kế hoạch Trung hạn giai đoạn 2021-2025)

- Tại Trung tâm Y tế huyện Đăk Glong: Nâng cấp, sửa chữa nhà cầu nổi, nhà hành chính, Hạ tầng kỹ thuật, công hàng rào, sân bê tông và hệ thống thoát nước.

- Tại Trung tâm Y tế huyện Tuy Đức: Nâng cấp, sửa chữa Nhà hành chính-Khám bệnh, Khối nhà cấp cứu, cận lâm sàng, Khu điều trị nội trú và Hạ tầng ngoài nhà.

- Tại Trung tâm Y tế huyện Đăk R'láp: Nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng: Khối nhà 03 tầng, Hạ tầng ngoài nhà, nhà cầu nổi, lối lên phía sau Trung tâm Y tế, Xây dựng khu kiểm soát nhiễm khuẩn đảm bảo theo quy định chống nhiễm khuẩn.

- Tại Trung tâm Y tế thành phố Gia Nghĩa: Xây mới hệ thống xử lý nước thải, với công suất khoảng 10m<sup>3</sup>/ngày đêm, bao gồm các nội dung: Bể thu gom, hệ thống đường ống thu gom, nhà thiết bị, hệ thống xử lý nước thải; đường ống thoát nước.

\* *Ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư:* cơ quan đề xuất cần rà soát kỹ lưỡng phạm vi đầu tư, tránh trùng lặp với các hạng mục thuộc các dự án đang được đầu tư trong giai đoạn 2021-2025 (đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, gồm: Trung tâm y tế huyện Đăk Song, Trung tâm Y tế huyện Đăk R'láp, Trung tâm Y tế huyện Đăk Glong); đề xuất tập trung các hạng mục hư hỏng lớn, đã xuống cấp cần phải nâng cấp, sửa chữa ngay (tránh đề xuất manh mún, các hạng mục mang tính duy tu, bảo dưỡng), đảm bảo tinh thần tập trung nguồn lực, đầu tư tiết kiệm, hiệu quả nguồn vốn. Riêng về hạng mục mua sắm trang thiết bị y tế, việc đầu tư là đảm bảo mục tiêu nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, tuy nhiên đây là nội dung chuyên môn, nhưng do thời gian gấp, do đó, đề nghị Sở Y tế chủ động rà soát kỹ lưỡng và chịu trách nhiệm trước hội đồng về sự cần thiết, nhu cầu mua sắm của các Trung tâm Y tế.

Đề nghị Sở Y tế trình bày nội dung quy mô theo các Trung tâm Y tế để thuận tiện theo dõi, thẩm định.

**6. Tổng mức đầu tư dự án:** 86.550 triệu đồng (theo đúng mức vốn đã được thông báo tại Công văn số 681/TTg-KTTH ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

#### **7. Nguồn vốn và khả năng cân đối vốn:**

- Về nguồn vốn: Ngân sách Trung ương (từ Chương trình phục hồi và Phát triển kinh tế xã hội).

- Khả năng cân đối vốn cho dự án: không quá 86.550 triệu đồng.

**8. Địa điểm và phạm vi đầu tư dự án:** Trong phạm vi khuôn viên thuộc các Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Đắk Nông.

**9. Đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội:** việc thực hiện dự án sẽ có ảnh hưởng nhất định nếu chủ đầu tư không quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, ảnh hưởng không lớn và không kéo dài.

- Dự án được đầu tư góp phần nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân, đảm bảo an sinh xã hội và đời sống của người dân, nhất là người lao động, người nghèo, đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự và an toàn xã hội.

**10. Xác định sơ bộ chi phí liên quan và chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành:** Không phát sinh thêm chi phí.

**11. Đơn vị dự kiến được giao nhiệm vụ chủ đầu tư:** Sở Y tế (Phù hợp với quy định tại Công văn số 1165/UBND-KTTH của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ đối với các dự án đầu tư khởi công mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh).

**12. Các nội dung khác:** Không

#### IV. KẾT LUẬN:

1. Đề nghị Cơ quan đề xuất làm rõ các nội dung thẩm định nội bộ nêu trên, hoàn thiện báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trình HĐTĐ 476 để xem xét, quyết định.

2. Dự án đủ điều kiện để trình HĐTĐ 476 tổ chức thẩm định đề xuất chủ trương đầu tư.

3. Cơ quan đề xuất chịu trách nhiệm về nội dung đề xuất dự án, sự cần thiết và tính hiệu quả của dự án đề xuất.

Trên đây là ý kiến thẩm định nội bộ báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho các Trung tâm y tế tuyến huyện, kính đề nghị Hội đồng thẩm định 476 xem xét, thẩm định theo quy định. /a

#### Nơi Nhận:

- Chủ tịch và các thành viên HĐTĐ 476;
- Sở Y tế;
- Các Đ/c lãnh đạo Sở;
- Các phòng: QLN, GSĐT&TTTr;
- Lưu VT, THQH.

GIÁM ĐỐC



Trần Đình Ninh



UBND TỈNH ĐẮK NÔNG  
**SỞ Y TẾ**

Số: 206/TTTr-SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Đắk Nông, ngày 11 tháng 8 năm 2022*

## **TỜ TRÌNH**

**Thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông**

Kính gửi: Hội đồng thẩm định 476.

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, ngày 06/4/2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Công văn 681/TTg-KTTH ngày 01/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thông báo danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (đợt 2);

Căn cứ Công văn 894/VPUBND-KT ngày 04/08/2022 của Văn phòng UBND tỉnh Đắk Nông về việc khẩn trương hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục để triển khai các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Sở Y tế tỉnh Đắk Nông kính trình Hội đồng thẩm định 476 thẩm định chủ trương đầu tư dự án: Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông, với nội dung chính như sau:

### **I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN**

**1. Tên dự án: Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông.**

**2. Dự án nhóm: B;**

**3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: HDND tỉnh.**

**4. Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh.**

5. Tên chủ đầu tư dự án: Sở Y tế tỉnh Đắk Nông
6. Địa điểm thực hiện dự án: các huyện/thành phố thuộc tỉnh Đắk Nông.
7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 86.550 triệu đồng.
- Dự kiến phân kỳ đầu tư thực hiện dự án.

Đơn vị: Triệu đồng

| STT       | Năm đầu tư        | Ngân sách tỉnh | Ghi chú |
|-----------|-------------------|----------------|---------|
| 01        | Năm thứ nhất 2022 | 13.000         |         |
| 02        | Năm thứ hai 2023  | 73.550         |         |
| Tổng cộng |                   | 86.550         |         |

8. Nguồn vốn đề nghị thẩm định: Ngân sách Trung ương (Thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội).

9. Ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn đề nghị thẩm định: Y tế.

10. Thời gian thực hiện: Thời gian đầu tư cụ thể sau khi dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư;

## II. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

- Tờ trình đề nghị thẩm định chủ trương đầu tư dự án;
- Báo cáo số 756/BC-SYT ngày 11 tháng 8 năm 2022 về đề xuất chủ trương đầu tư Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông.

Kính trình Hội đồng thẩm định 476 xem xét, thẩm định theo quy định./.

### Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/cáo);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Trung tâm Y tế các huyện/TP (t/hiện);
- Đảng ủy Sở Y tế (b/cáo);
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, KHTC (Qu).

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Quang Hào

## BÁO CÁO

### **Đề xuất đầu tư dự án: Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông**

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, ngày 06/4/2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Công văn 681/TTg-KTTH ngày 01/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thông báo danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (đợt 2);

Căn cứ Công văn 894/VPUBND-KT ngày 04/08/2022 của Văn phòng UBND tỉnh Đắk Nông về việc khẩn trương hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục để triển khai các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Sở Y tế báo cáo Hội đồng thẩm định 476 chủ trương đầu tư dự án: Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị và cải tạo cơ sở hạ tầng cho các Trung tâm y tế cấp huyện, với các nội dung chính như sau:

#### **I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN**

**1. Tên dự án:** Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông.

**2. Dự án nhóm:** B.

**3. Cấp quyết định chủ trương dự án:** UBND tỉnh.

**4. Tên chủ đầu tư:** Sở Y tế tỉnh Đắk Nông.

**5. Địa điểm thực hiện dự án:** các huyện/thành phố thuộc tỉnh Đắk Nông.

**6. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án:** 86.550 triệu đồng.

**7. Nguồn kinh phí đầu tư:** Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội;

## 8. Thời gian thực hiện: 2022 - 2023.

(Chi tiết theo các Phụ lục đính kèm).

## II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN

### 1. Sự cần thiết đầu tư, điều kiện thực hiện đầu tư, sự phù hợp với quy hoạch và kế hoạch đầu tư:

#### 1.1. Sự cần thiết đầu tư xây dựng dự án:

Hoạt động củng cố hệ thống y tế cơ sở và tăng cường chăm sóc sức khỏe ban đầu luôn là những ưu tiên trong chính sách phát triển y tế Việt Nam, góp phần quan trọng trong cải thiện tình trạng sức khỏe nhân dân. Trước bối cảnh già hóa dân số, mô hình bệnh tật thay đổi với sự gia tăng của các bệnh không lây nhiễm, trong khi y tế cơ sở vẫn còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân, việc xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở càng trở nên cấp bách hơn bao giờ hết.

Với quan điểm chỉ đạo “sức khỏe là vốn quý nhất của mỗi người dân và của cả xã hội. Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe là nghĩa vụ, trách nhiệm của mỗi người dân, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, đòi hỏi sự tham gia tích cực của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các ngành, trong đó ngành Y tế là nòng cốt”, Nghị quyết 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới khẳng định: Đầu tư cho bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân là đầu tư cho phát triển. Nghị quyết nêu rõ, đổi mới mạnh mẽ cơ chế và phương thức hoạt động của y tế cấp xã để thực hiện vai trò là tuyến đầu trong phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe. Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 05/12/2016 (Quyết định số 2348/QĐ-CP) đã xác định đổi mới tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính, phát triển nguồn nhân lực để nâng cao năng lực cung ứng và chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở; bảo đảm cung ứng đầy đủ các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh cho từng người dân trên địa bàn...

Các Trung tâm Y tế huyện đã được đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng đã lâu (2010-2015) đến nay đã xuống cấp trầm trọng, một số hạng mục đã không thể sử dụng được; Các hạng mục công trình đa phần bị thấm, mốc tường, trần; gạch sàn nhà bong dộp; bong tróc trần trong và ngoài nhà, vữa trát một số hạng mục công trình bong dộp; hư hỏng thiết bị vệ sinh, thiết bị điện; hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà xuống cấp, xập xệ... làm ảnh hưởng tới sức khỏe của người dân khi đến cấp cứu, khám chữa bệnh, điều trị nội trú tại các Đơn vị; không đảm bảo môi trường an toàn và sức khỏe cho Nhân viên y tế khi làm việc.

Hiện nay, phòng mổ của các Trung tâm Y tế chưa thật sự hoàn chỉnh, nội thất phòng mổ chưa đáp ứng yêu cầu, một số phòng mổ ẩm mốc, một số chưa có hệ thống khí sạch, khí nén để phục vụ cho việc phẫu thuật vô trùng; ngoài ra, các Trung tâm Y tế còn thiếu thốn các thiết bị phụ trợ đi kèm để hỗ trợ cho việc phẫu thuật Bệnh nhân, làm ảnh hưởng rất lớn đến việc thực hiện các ca phẫu

thuật quan trọng của các Y bác sỹ.

Trước tình hình phát triển của nền kinh tế xã hội, bên cạnh đó nhu cầu khám chữa bệnh của người dân ngày càng nâng cao, đòi hỏi cơ sở vật chất phải được đảm bảo. Nhằm thu hút và tạo niềm tin cho người bệnh khi đến với cơ sở Khám chữa bệnh, giảm tải cho các Bệnh viện tuyến trên, cũng như thực hiện lộ trình tiến tới Đơn vị tự chủ toàn bộ chi thường xuyên trong thời gian tới; việc nâng cấp và mua sắm trang thiết bị và cải tạo cơ sở hạ tầng các Trung tâm y tế huyện: Cư Jút, Đắk Mil, Krông Nô, Tuy Đức, Đắk Glong, Đắk Song, Đắk R'lấp và thành phố Gia Nghĩa là thực sự rất cần thiết để phục vụ công tác nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại đơn vị.

## **1.2. Điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư:**

Công trình thuộc khuôn viên Trung tâm y tế đáp ứng các điều kiện để thực hiện đầu tư, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư.

Dự án phù hợp với các mục tiêu, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 Chính phủ.

Phù hợp với định hướng phát triển hệ thống y tế cơ sở theo Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới; Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 20/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

## **2. Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư:**

### **2.1. Mục tiêu đầu tư:**

Phát triển mạng lưới y tế cơ sở theo hướng từng bước hiện đại, hiệu quả và bền vững để đảm bảo cơ sở hạ tầng đầy đủ, nâng cao năng lực cung ứng và chất lượng dịch vụ nhằm chăm sóc sức khỏe toàn diện, liên tục cho cá nhân, gia đình và cộng đồng, góp phần tăng cường chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và giảm quá tải bệnh viện. Đồng thời, đảm bảo cho quá trình thực hiện lộ trình tự chủ của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong thời gian tới.

### **2.2. Quy mô đầu tư:**

**2.2.1 Tiểu dự án Đầu tư nâng cấp, mua sắm trang thiết bị 6 trung tâm y tế huyện thuộc tỉnh Đắk Nông (Đắk Mil, Đắk Glong, Đắk Song, Cư Jút, Krông Nô, Tuy Đức)**

a) Đầu tư, nâng cấp 02 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Đắk Mil (Bao gồm: Nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mổ và các thiết bị phòng mổ);

b) Đầu tư, nâng cấp 01 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong (Bao gồm: Nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mổ và các thiết bị phòng mổ);

c) Đầu tư, nâng cấp 01 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Đắk Song

(Bao gồm: Nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mổ và các thiết bị phòng mổ);

d) Đầu tư, nâng cấp 01 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Đắk Cư Jút (Bao gồm: Nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mổ và các thiết bị phòng mổ), và sửa chữa nhỏ 01 phòng mổ và bổ sung trang thiết bị y tế ;

e) Đầu tư, nâng cấp 01 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Krông Nô (Bao gồm: Nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mổ và các thiết bị phòng mổ);

f) Đầu tư, nâng cấp 01 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Tuy Đức (Bao gồm: Nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mổ và các thiết bị phòng mổ);

**2.2.2. Tiểu dự án Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng cho 8 trung tâm y tế các huyện (Đắk R'lấp, Tuy Đức, Đắk Mil, Cư Jút, Krông Nô, Đắk G'long, Đắk Song và Gia Nghĩa)**

**a. Nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng Trung tâm Y tế huyện Krông Nô**

**+ Nhà khám bệnh và điều trị**

Sửa chữa các khu vệ sinh bao gồm các nội dung: Chống thấm, thay gạch nền, thay thiết bị vệ sinh, sơn lại tường trong phòng vệ sinh, thay mới các đường ống cấp thoát nước, thay điện, thay trần và các hư hỏng khác;

Thay gạch nền bong dột các tầng;

Thay cửa kính bán lẻ sàn;

Sửa chữa hệ thống điện, nước toàn nhà;

Chống thấm sê nô mái;

Sơn, bả lại tường ngoài nhà do thấm mốc;

Sửa chữa Hộp gen thoát nước;

**+ Nhà cầu nổi**

Chống thấm sê nô;

Mái che sê nô;

Sửa chữa Hộp gen thoát nước;

Trát trần, bả trần bị bong dột;;

Sơn lại trần, lan can;

Thay gạch nền bong dột các tầng;

**+ Nhà điều trị nội trú**

Sửa chữa các khu vệ sinh bao gồm các nội dung: Chống thấm, thay gạch nền, thay thiết bị vệ sinh, sơn lại tường trong phòng vệ sinh, thay mới các đường ống cấp thoát nước, thay điện, thay trần và các hư hỏng khác;

Thay gạch nền bong dột các tầng;

Thay cửa hông;

Sửa chữa hệ thống điện, nước;  
 Chống thấm sê nô mái;  
 Sơn lại toàn bộ tường ngoài nhà;  
 Trát trần, bả trần bị bong dộp;

**+ Hạ tầng ngoài nhà**

Nâng cấp đường bê tông lối vào cổng chính  
 Mái che từ nhà xe vào nhà khám, điều trị;  
 Bể tự hoại xây mới;  
 Bổ sung hệ thống thu gom nước thải;  
 Cài tạo phòng xét nghiệm;  
 Sửa chữa hệ thống PCCC, chống sét;

**2.2.2 Nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng Trung tâm Y tế huyện Cư Jút**

**+ Nhà khám bệnh - hành chính**

Sửa chữa các khu vệ sinh bao gồm các nội dung: Chống thấm, thay gạch nền, thay thiết bị vệ sinh, sơn lại tường trong phòng vệ sinh, thay mới các đường ống cấp thoát nước, thay điện, thay trần và các hư hỏng khác;

Thay gạch nền bong dộp các tầng;

Sửa chữa hệ thống điện, nước;

Chống thấm sê nô mái;

Sơn lại tường ngoài nhà;

**+ Nhà điều trị nội trú**

Sửa chữa các khu vệ sinh bao gồm các nội dung: Chống thấm, thay gạch nền, thay thiết bị vệ sinh, sơn lại tường trong phòng vệ sinh, thay mới các đường ống cấp thoát nước, thay điện, thay trần và các hư hỏng khác;

Thay gạch nền bong dộp các tầng;

Sửa chữa hệ thống điện, nước;

Chống thấm sê nô mái;

Sơn lại tường ngoài nhà;

**+ Hạ tầng ngoài nhà**

Bể tự hoại xây mới;

Bổ sung hệ thống thu gom nước thải;

Cài tạo công hàng rào;

Nâng cấp sân bê tông;

**2.2.3 Nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng Trung tâm Y tế huyện Đắk Mil**

**+ Nhà điều trị nội trú**

Sửa chữa các khu vệ sinh bao gồm các nội dung: Chống thấm, thay gạch nền, thay thiết bị vệ sinh, sơn lại tường trong phòng vệ sinh, thay mới các đường ống

*cấp thoát nước, thay điện, thay trần và các hư hỏng khác;*

*Chống thấm sê nô mái;*

*Sơn, bả lại tường ngoài nhà do thấm mốc;*

*Sửa chữa Hộp gen thoát nước;*

*+ Nhà chống nhiễm khuẩn, dinh dưỡng*

*Chống thấm sê nô mái;*

*Sơn, bả lại tường ngoài nhà do thấm mốc;*

*+ Hạ tầng ngoài nhà*

*Cống hàng rào;*

*Hệ thống thoát nước ngoài nhà: Mương, hố ga...*

*Sửa chữa hệ thống xử lý nước thải ngoài nhà;*

*Sửa chữa nhà cầu nổi;*

*Sân bê tông;*

#### **2.2.4 Xây mới hệ thống xử lý nước thải và sửa chữa một số hạng mục đã xuống cấp cho Trung tâm Y tế huyện Đắk Song (Ngoài dự án Trung hạn)**

*Xây mới hệ thống xử lý nước thải công suất 100m<sup>3</sup>/ngày đêm;*

*Sửa chữa nhà nội trú, cầu nổi;*

*Làm mới đường ống thu gom nước thải;*

*Làm hệ thống thoát nước mưa;*

*Cài tạo, nâng cấp cống hàng rào;*

#### **2.2.5 Nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong**

*Sửa chữa, cài tạo nhà cầu nổi, nhà hành chính;*

*Hạ tầng kỹ thuật: Sửa chữa hệ thống điện, nước ngoài nhà;*

*Sửa chữa, nâng cấp cống hàng rào;*

*Nâng cấp sân bê tông;*

*Sửa chữa hệ thống thoát nước ngoài nhà;*

#### **2.2.6 Nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng Trung tâm Y tế huyện Tuy Đức**

##### **Nhà hành chính-Khám bệnh**

*Sửa chữa các khu vệ sinh bao gồm các nội dung: Chống thấm, thay gạch nền, thay thiết bị vệ sinh, sơn lại tường trong phòng vệ sinh, thay mới các đường ống cấp thoát nước, thay điện, thay trần và các hư hỏng khác;*

*Cài tạo, mở rộng sân;*

*Thay gạch nền bong dộp các tầng;*

*Thay vách kính cầu thang;*

*Chống thấm sê nô mái;*

*Sơn, bả lại tường ngoài nhà do thấm mốc;*



Sửa chữa Hộp gen thoát nước;

**+ Khối nhà cấp cứu, cận lâm sàng**

Sửa chữa các khu vệ sinh bao gồm các nội dung: Chống thấm, thay gạch nền, thay thiết bị vệ sinh, sơn lại tường trong phòng vệ sinh, thay mới các đường ống cấp thoát nước, thay điện, thay trần.

Thay gạch nền bong dột các tầng;

Chống thấm sê nô mái;

Sơn, bả lại tường ngoài nhà do thấm mốc;

Sửa chữa Hộp gen thoát nước;

Sửa chữa phòng XQ;

**+ Khu điều trị nội trú**

Sửa chữa các khu vệ sinh bao gồm các nội dung: Chống thấm, thay gạch nền, thay thiết bị vệ sinh, sơn lại tường trong phòng vệ sinh, thay mới các đường ống cấp thoát nước, thay điện, thay trần và các hư hỏng khác;

Chống thấm sê nô mái;

Sơn, bả lại tường ngoài nhà do thấm mốc;

Sửa chữa Hộp gen thoát nước;

**+ Hạ tầng ngoài nhà**

Sân bê tông;

Đường ống cấp nước sinh hoạt;

Hệ thống thoát nước ngoài nhà: Mương, hố ga...

**2.2.7 Nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng Trung tâm Y tế huyện Đắk R'lấp**

Sửa chữa, cải tạo Khối nhà 03 tầng: Sơn, chống thấm, Sửa chữa các khu vệ sinh: chống thấm, thay gạch nền, thay thiết bị vệ sinh, sơn lại tường trong phòng vệ sinh, thay mới các đường ống cấp thoát nước, thay điện, thay trần và các hư hỏng khác;

Hạ tầng ngoài nhà: Dấu nối đường ống thu gom nước thải, sửa chữa hệ thống thoát nước mưa, sân đường;

Sửa chữa hệ thống thoát nước mưa;

Xây dựng khu kiểm soát nhiễm khuẩn đảm bảo theo quy định chống nhiễm khuẩn;

Sửa chữa nhà cầu nổi;

Cải tạo lối lên phía sau Trung tâm Y tế.

**2.2.8 Xây mới hệ thống xử lý nước thải cho Trung tâm Y tế thành phố Gia Nghĩa**

Đầu tư xây dựng mới hệ thống xử lý nước thải 10m<sup>3</sup>/ngày đêm, bao gồm các nội dung: Bể thu gom, hệ thống đường ống thu gom, nhà thiết bị, hệ thống xử lý nước thải; đường ống thoát nước.

**3. Địa điểm xây dựng:** các huyện/thành phố thuộc tỉnh Đắk Nông.

4. Dự kiến tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án.

- Tổng mức đầu tư dự kiến khoảng: 86.550 triệu đồng.

5. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư và phân kỳ đầu tư:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| STT              | Năm thực hiện     | Ngân sách     | Ghi chú |
|------------------|-------------------|---------------|---------|
| 1                | Năm thứ nhất 2022 | 13.000        |         |
| 2                | Năm thứ hai 2023  | 73.550        |         |
| <b>Tổng cộng</b> |                   | <b>86.550</b> |         |

6. Phương án giải phóng mặt bằng: Không.

7. Tác động môi trường, xã hội và hiệu quả đầu tư:

7.1. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật được thiết kế, thi công theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn, đảm bảo yêu cầu về môi trường. Hạn chế các yếu tố tác động tiêu cực đến môi trường, mặt khác công trình được bố trí trồng nhiều cây xanh tạo bóng mát và cải thiện môi trường sinh thái cho khu vực, sẽ góp phần cải tạo môi trường.

- Trong thời gian xây dựng công trình, sẽ có sự ảnh hưởng đến xung quanh do tiếng ồn của máy thi công. Tuy nhiên, đây chỉ là sự ảnh hưởng nhỏ, tạm thời và sẽ kết thúc khi hoàn thành công trình.

+ Rác thải trong quá trình thi công xây dựng sẽ được tập kết và vận chuyển đến đúng nơi quy định nên sẽ không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

+ Nước thải trong quá trình thi công xây dựng sẽ được thu gom, xử lý theo quy định trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Trong quá trình vận hành, sử dụng: Việc thiết kế xây dựng và quy định vận hành sau khi hoàn thành công trình được xử lý cụ thể như sau:

+ Toàn bộ nguồn nước thải được dẫn đến hệ thống xử lý nước thải của bệnh viện để xử lý theo quy định;

+ Rác thải y tế được thu gom, tập kết và xử lý theo đúng quy trình.

+ Rác thải sinh hoạt được thu gom, tập kết tại vị trí quy định và phối hợp với công ty vệ sinh môi trường vận chuyển tới khu xử lý rác thải tập trung để xử lý theo quy định.

7.2. Hiệu quả đầu tư:

Dự án thực hiện thành công sẽ tạo cơ sở vật chất sạch sẽ và khang trang,

góp phần nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, đảm bảo an toàn cho bệnh nhân, tạo thương hiệu cho các Trung tâm Y tế huyện, để thành nơi khám chữa bệnh chất lượng cao đáng tin cậy.

## 8. Các giải pháp tổ chức thực hiện

### 8.1. Giai đoạn chuẩn bị đầu tư:

- Chủ đầu tư thuê Tư vấn quản lý dự án.
- Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn, khảo sát lập dự án đầu tư, thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán công trình.
- Chủ đầu tư trình thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình.

### 8.2. Giai đoạn thực hiện đầu tư:

- Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn Giám sát, lựa chọn nhà thầu, bảo hiểm công trình...
- Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công công trình.
- Chủ đầu tư phối hợp các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện dự án cũng như giám sát chất lượng của dự án.
- Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu công trình theo quy định hiện hành.
- Chủ đầu tư lập hồ sơ thanh quyết toán công trình theo quy định.

### 8.3. Giai đoạn kết thúc đầu tư đưa vào sử dụng:

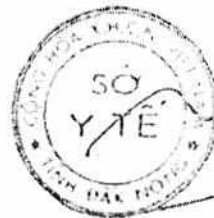
Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu công trình bàn giao đưa vào sử dụng.

Trên đây là Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông. Sở Y tế kính trình Hội đồng thẩm định 476 xem xét, thẩm định theo quy định./.

#### Nơi nhận:

- Hội đồng thẩm định 476;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Trung tâm Y tế các huyện/TP (t/hiện);
- Đảng ủy Sở Y tế (b/cáo);
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, KHTC (Qu).

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Quang Hòa

**PHỤ LỤC 1**  
**BẢNG KHAI TOÁN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**

Dự án: Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông  
(Kèm Báo cáo số /BC-SYT ngày /08/2022 của Sở Y tế Đắk Nông)

| Stt | Khoản mục chi phí  | Ký hiệu | Cách tính                       | Thành tiền        |                 |                 |
|-----|--|---------|---------------------------------|-------------------|-----------------|-----------------|
|     |  |         |                                 | Trước thuế (đồng) | Thuế VAT (đồng) | Sau thuế (đồng) |
| 1   | Chi phí xây dựng   | Gxd     | Gxd1+...+Gxd <sub>n</sub>       | 41.390.527.273    | 4.139.052.727   | 45.529.580.000  |
| 1.1 | Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng cho Trung tâm Y tế huyện Krông Nô  |         |                                 | 5.563.181.818     | 556.318.182     | 6.119.500.000   |
| 1.2 | Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng cho Trung tâm Y tế huyện Cư Jút  |         |                                 | 5.831.818.182     | 583.181.818     | 6.415.000.000   |
| 1.3 | Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng cho Trung tâm Y tế huyện Đắk Mil   |         |                                 | 3.919.545.455     | 391.954.545     | 4.311.500.000   |
| 1.4 | Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải lỏng và nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng cho Trung tâm Y tế huyện Đắk Song |         | Theo Bảng khai toán (Phụ lục 2) | 7.622.727.273     | 762.272.727     | 8.385.000.000   |
| 1.5 | Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng cho Trung tâm Y tế huyện Đắk G'long  |         |                                 | 4.781.818.182     | 478.181.818     | 5.260.000.000   |
| 1.6 | Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng cho Trung tâm Y tế huyện Tuy Đức   |         |                                 | 5.293.709.091     | 529.370.909     | 5.823.080.000   |
| 1.7 | Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng cho Trung tâm Y tế huyện Đắk R'lấp   |         |                                 | 7.377.727.273     | 737.772.727     | 8.115.500.000   |
| 1.8 | Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải lỏng cho Trung tâm Y tế thành phố Gia Nghĩa                               |         |                                 | 1.000.000.000     | 100.000.000     | 1.100.000.000   |
| 2   | Chi phí thiết bị   | Gtb     | Gtb1+...+Gtbn                   | 28.972.076.182    | 2.897.207.618   | 31.869.283.800  |
| 2.1 | Đầu tư, nâng cấp 02 phòng mổ cho Trung tâm Y   | Gtb1    | Danh mục dự                     | 6.420.000.000     | 642.000.000     | 7.062.000.000   |

**PHỤ LỤC 1**  
**BẢNG KHAI TOÁN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**  
**Dự án: Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông**  
*(Kèm Báo cáo số /BC-SYT ngày /08/2022 của Sở Y tế Đắk Nông)*

| Stt | Khoản mục chi phí   | Ký hiệu | Cách tính                    | Thành tiền        |                 |                 |
|-----|---|---------|------------------------------|-------------------|-----------------|-----------------|
|     |   |         |                              | Trước thuế (đồng) | Thuế VAT (đồng) | Sau thuế (đồng) |
|     | tế huyện Đắk Mil (Bao gồm: Nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mổ và thiết bị cho phòng mổ)  |         | kiến<br>(Phụ lục 2, 3, 4, 5) |                   |                 |                 |
| 2.2 | Đầu tư, nâng cấp 01 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong (Bao gồm: Nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mổ và thiết bị cho phòng mổ) | Gtb2    |                              | 4.022.403.455     | 402.240.345     | 4.424.643.800   |
| 2.3 | Đầu tư, nâng cấp 01 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Đắk Song (Bao gồm: Nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mổ và thiết bị cho phòng mổ)  | Gtb3    |                              | 4.081.818.182     | 408.181.818     | 4.490.000.000   |
| 2.4 | Đầu tư, nâng cấp 01 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Cư Jút (Bao gồm: Nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mổ và thiết bị cho phòng mổ)    | Gtb4    |                              | 4.933.309.091     | 493.330.909     | 5.426.640.000   |
| 2.5 | Đầu tư, nâng cấp 01 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Krông Nô (Bao gồm: Nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mổ và các thiết bị đi kèm)    | Gtb5    |                              | 4.281.818.182     | 428.181.818     | 4.710.000.000   |
| 2.6 | Đầu tư, nâng cấp 01 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Tuy Đức (Bao gồm: Nội thất phòng mổ,  | Gtb6    |                              | 5.232.727.273     | 523.272.727     | 5.756.000.000   |

## PHỤ LỤC 1

## BẢNG KHAI TOÁN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án: Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông

(Kèm Báo cáo số /BC-SYT ngày /08/2022 của Sở Y tế Đắk Nông)

| Stt | Khoản mục chi phí  | Ký hiệu | Cách tính                  | Thành tiền        |                 |
|-----|--|---------|----------------------------|-------------------|-----------------|
|     |  |         |                            | Trước thuế (đồng) | Sau thuế (đồng) |
|     | hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mô và các thiết bị đi kèm) |         |                            |                   |                 |
| 3   | Chi phí quản lý dự án  | Gqlda   | $(Gxd+Gtb) \times 2,284\%$ | 1.606.892.920     | 1.768.000.000   |
| 4   | Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng   | Gtv     | $Gtv1+...+Gtvn$            | 3.094.994.201     | 3.404.000.000   |
| 4.2 | Chi phí lập Báo cáo nghiên cứu khả thi   | Gtv2    | $(Gxd+Gtb) \times 0,64\%$  | 450.576.211       | 495.633.832     |
| 4.3 | Chi phí thiết kế xây dựng công trình   | Gtv3    | $Gxd \times 2,615\%$       | 1.082.313.339     | 1.190.544.673   |
| 4.4 | Chi phí giám sát thi công xây dựng   | Gtv4    | $Gxd \times 2,555\%$       | 889.068.526       | 977.975.378     |
| 4.5 | Chi phí giám sát cung cấp và lắp đặt thiết bị  | Gtv5    | $Gtb \times 0,844\%$       | 622.320.196       | 684.552.216     |
| 4.6 | Chi phí lựa chọn nhà thầu tư vấn xây dựng  | Gtv6    | $(Gk+Ggs) \times 0,63\%$   | 12.426.284        | 13.668.913      |
| 4.7 | Chi phí lựa chọn nhà thầu thi công xây lắp   | Gtv7    | $Gxd \times 0,093\%$       | 38.289.644        | 42.118.608      |
| 5   | <b>CHI PHÍ KHÁC</b>  | Gk      | $Gk1+...+Gkn$              | 966.514.155       | 1.013.000.000   |
| 5.2 | Chi phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi   | Gk2     | $(Gxd+Gtb) \times 0,118\%$ | 82.772.735        | 82.772.735      |
| 5.3 | Chi phí bảo hiểm công trình  | Gk3     | $Gxd \times 0,12\%$        | 49.668.633        | 54.635.496      |
| 5.4 | Chi phí kiểm toán  | Gk4     | TMDTx 0,925%               | 416.250.000       | 457.875.000     |
| 5.5 | Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư   | Gk5     | TMDTx 0,575%               | 258.750.000       | 258.750.000     |
| 5.6 | Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công  | Gk6     | $Gxd \times 0,137\%$       | 56.863.786        | 56.863.786      |
| 5.7 | Chi phí thẩm tra dự toán XDCT  | Gk7     | $Gxd \times 0,13\%$        | 53.818.475        | 53.818.475      |

**PHỤ LỤC 1**  
**BẢNG KHAI TOÁN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**  
**Dự án: Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông**  
*(Kèm Báo cáo số /BC-SYT ngày /08/2022 của Sở Y tế Đắk Nông)*

| Stt      | Khoản mục chi phí                               | Ký hiệu    | Cách tính                            | Thành tiền           |                    |                       |
|----------|---|------------|--------------------------------------|----------------------|--------------------|-----------------------|
|          |   |            |                                      | Trước thuế (đồng)    | Thuế VAT (đồng)    | Sau thuế (đồng)       |
| 5.8      | Chi phí thẩm định HSMT tư vấn xây dựng          | Gk9        | Giá trị tối thiểu                    | 1.000.000            |                    | 1.000.000             |
| 5.9      | Chi phí thẩm định kết quả LCNT tư vấn xây dựng  | Gk10       | Giá trị tối thiểu                    | 1.000.000            |                    | 1.000.000             |
| 5.10     | Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu xây lắp        | Gk11       | Gxd x 0,05%                          | 20.695.264           |                    | 20.695.264            |
| 5.11     | Chi phí thẩm định kết quả LCNT thi công XD      | Gk12       | Gxd x 0,05%                          | 20.695.264           |                    | 20.695.264            |
| 5.12     | Phí thẩm định PCCC                              | Gk13       | TMDTx 0,01%                          | 5.000.000            |                    | 5.000.000             |
| <b>6</b> | <b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>                         | <b>Gdp</b> | <b>Gdp1+Gdp2</b>                     | <b>2.696.476.606</b> | <b>269.647.661</b> | <b>2.966.000.000</b>  |
| 6.1      | Chi phí dự phòng do yếu tố khối lượng phát sinh | Gdp1       | (Gxd+Gtb+Gqld<br>a+Gtv+Gk)*5,7<br>3% | 2.696.476.606        | 269.647.661        | 2.966.124.266         |
|          | <b>TỔNG CỘNG:</b>                               |            | <b>1 + ... + 6</b>                   |                      |                    | <b>86.550.000.000</b> |

**PHỤ LỤC 2**  
**KHAI TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG**

**Dự án: Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông**

(Kèm Báo cáo số /BC-SYT ngày /08/2022 của Sở Y tế Đắk Nông)

| STT        | Nội dung đầu tư   | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá     | Thành tiền           |
|------------|---|-------------|----------|-------------|----------------------|
| <b>A</b>   | <b>Trung tâm Y tế huyện Krông Nô</b>  |             |          |             | <b>6.119.500.000</b> |
| <b>I</b>   | <b>Nhà khám bệnh và điều trị</b>  |             |          |             | <b>3.213.000.000</b> |
| 1          | Sửa chữa các khu vệ sinh bao gồm các nội dung: Chống thấm, thay gạch nền, thay thiết bị vệ sinh, sơn lại tường trong phòng vệ sinh, thay mới các đường ống cấp thoát nước, thay điện, thay trần và các hư hỏng khác | m2          | 360      | 2.500.000   | 900.000.000          |
| 2          | Thay gạch nền bong dộp các tầng   | m2          | 150      | 350.000     | 52.500.000           |
| 3          | Thay cửa kính bàn lễ sân  | m2          | 50       | 2.500.000   | 125.000.000          |
| 4          | Sửa chữa hệ thống điện, nước toàn nhà   | TT          | 1        | 100.000.000 | 100.000.000          |
| 5          | Chống thấm sê nô mái  | m2          | 550      | 450.000     | 247.500.000          |
| 6          | Sơn, bả lại tường ngoài nhà do thấm mốc   | m2          | 8.600    | 180.000     | 1.548.000.000        |
| 7          | Sửa chữa Hộp gen thoát nước   | HG          | 30       | 8.000.000   | 240.000.000          |
| <b>II</b>  | <b>Nhà cầu nổi</b>  |             |          |             | <b>687.500.000</b>   |
| 1          | Chống thấm sê nô  | m2          | 180      | 450.000     | 81.000.000           |
| 2          | Mái che sê nô   | m2          | 300      | 550.000     | 165.000.000          |
| 3          | Sửa chữa Hộp gen thoát nước   | HG          | 18       | 8.000.000   | 144.000.000          |
| 4          | Trát trần, bả trần bị bong dộp  | m2          | 150      | 450.000     | 67.500.000           |
| 5          | Sơn lại trần, lan can   | m2          | 1.200    | 180.000     | 216.000.000          |
| 6          | Thay gạch nền bong dộp các tầng   | m2          | 40       | 350.000     | 14.000.000           |
| <b>III</b> | <b>Nhà điều trị nội trú</b>   |             |          |             | <b>914.000.000</b>   |
| 1          | Sửa chữa các khu vệ sinh bao gồm các nội dung: Chống thấm, thay gạch nền, thay thiết bị vệ sinh, sơn lại tường trong phòng vệ sinh, thay mới các đường ống cấp thoát nước, thay điện, thay trần và các hư hỏng khác | m2          | 120      | 2.500.000   | 300.000.000          |
| 2          | Thay gạch nền bong dộp các tầng   | m2          | 50       | 350.000     | 17.500.000           |
| 3          | Thay cửa hông   | m2          | 88       | 2.500.000   | 220.000.000          |
| 4          | Sửa chữa hệ thống điện, nước  | TT          | 1        | 40.000.000  | 40.000.000           |
| 5          | Chống thấm sê nô mái  | m2          | 250      | 450.000     | 112.500.000          |
| 6          | Sơn lại toàn bộ tường ngoài nhà   | m2          | 1.000    | 180.000     | 180.000.000          |
| 7          | Trát trần, bả trần bị bong dộp  | m2          | 220      | 200.000     | 44.000.000           |
| <b>IV</b>  | <b>Hạ tầng ngoài nhà</b>  |             |          |             | <b>1.305.000.000</b> |
| 1          | Nâng cấp đường bê tông lõi vào công chính   | m2          | 600      | 400.000     | 240.000.000          |
| 2          | Mái che từ nhà xe vào nhà khám, điều trị  | m2          | 500      | 650.000     | 325.000.000          |
| 3          | Bể tự hoại xây mới  | BỂ          | 6        | 40.000.000  | 240.000.000          |
| 4          | Bổ sung hệ thống thu gom nước thải  | md          | 350      | 600.000     | 210.000.000          |
| 5          | Cải tạo phòng xét nghiệm  | m2          | 80       | 3.000.000   | 240.000.000          |
| 6          | Sửa chữa hệ thống PCCC, chống sét   | HT          | 1        | 50.000.000  | 50.000.000           |
| <b>B</b>   | <b>Trung tâm Y tế huyện Cư Jú</b>   |             |          |             | <b>6.415.000.000</b> |
| <b>I</b>   | <b>Nhà khám bệnh - hành chính</b>   |             |          |             | <b>2.154.500.000</b> |
| 1          | Sửa chữa các khu vệ sinh bao gồm các nội  | m2          | 350      | 2.500.000   | 875.000.000          |



**PHỤ LỤC 2**  
**KHAI TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG**

**Dự án: Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông**

*(Kèm Báo cáo số /BC-SYT ngày /08/2022 của Sở Y tế Đắk Nông)*

| STT        | Nội dung đầu tư   | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá       | Thành tiền           |
|------------|---|-------------|----------|---------------|----------------------|
|            | dung: Chống thấm, thay gạch nền, thay thiết bị vệ sinh, sơn lại tường trong phòng vệ sinh, thay mới các đường ống cấp thoát nước, thay điện, thay trần và các hư hỏng khác  |             |          |               |                      |
| 2          | Thay gạch nền bong dộp các tầng   | m2          | 120      | 350.000       | 42.000.000           |
| 3          | Sửa chữa hệ thống điện, nước  | TT          | 1        | 90.000.000    | 90.000.000           |
| 4          | Chống thấm sê nô mái  | m2          | 350      | 450.000       | 157.500.000          |
| 5          | Sơn lại tường ngoài nhà   | m2          | 5.500    | 180.000       | 990.000.000          |
| <b>II</b>  | <b>Nhà điều trị nội trú</b>   |             |          |               | <b>1.220.500.000</b> |
| 1          | Sửa chữa các khu vệ sinh bao gồm các nội dung: Chống thấm, thay gạch nền, thay thiết bị vệ sinh, sơn lại tường trong phòng vệ sinh, thay mới các đường ống cấp thoát nước, thay điện, thay trần và các hư hỏng khác | m2          | 220      | 2.500.000     | 550.000.000          |
| 2          | Thay gạch nền bong dộp các tầng   | m2          | 80       | 350.000       | 28.000.000           |
| 3          | Sửa chữa hệ thống điện, nước  | TT          | 1        | 80.000.000    | 80.000.000           |
| 4          | Chống thấm sê nô mái  | m2          | 250      | 450.000       | 112.500.000          |
| 5          | Sơn lại tường ngoài nhà   | m2          | 2.500    | 180.000       | 450.000.000          |
| <b>III</b> | <b>Hạ tầng ngoài nhà</b>  |             |          |               | <b>3.040.000.000</b> |
| 1          | Bê tơ hoại xây mới  | Bê          | 8        | 40.000.000    | 320.000.000          |
| 2          | Hoàn chỉnh Hệ thống thu gom nước thải   | md          | 1        | 1.155.000.000 | 1.155.000.000        |
| 3          | Cải tạo công hàng rào   | md          | 1.100    | 1.200.000     | 1.320.000.000        |
| 4          | Nâng cấp sân bê tông  | m2          | 700      | 350.000       | 245.000.000          |
| <b>C</b>   | <b>Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong</b>   |             |          |               | <b>5.260.000.000</b> |
| 1          | Sửa chữa, cải tạo nhà cầu nổi, nhà hành chính   | m2          | 3.800    | 800.000       | 3.040.000.000        |
| 2          | Hạ tầng kỹ thuật: Sửa chữa hệ thống điện, nước ngoài nhà  | HT          | 1        | 300.000.000   | 300.000.000          |
| 3          | Sửa chữa, nâng cấp công hàng rào  | md          | 500      | 1.800.000     | 900.000.000          |
| 4          | Nâng cấp sân bê tông  | m2          | 1.200    | 350.000       | 420.000.000          |
| 5          | Sửa chữa hệ thống thoát nước ngoài nhà  | HT          | 1        | 600.000.000   | 600.000.000          |
| <b>D</b>   | <b>Trung tâm Y tế huyện Tuy Đức</b>   |             |          |               | <b>5.823.080.000</b> |
| <b>I</b>   | <b>Nhà hành chính-Khám bệnh</b>   |             |          |               | <b>3.282.000.000</b> |
| 1          | Sửa chữa các khu vệ sinh bao gồm các nội dung: Chống thấm, thay gạch nền, thay thiết bị vệ sinh, sơn lại tường trong phòng vệ sinh, thay mới các đường ống cấp thoát nước, thay điện, thay trần và các hư hỏng khác | m2          | 384      | 2.500.000     | 960.000.000          |
| 2          | Cải tạo, mở rộng sảnh tiếp đón bệnh nhân  | m2          | 150      | 6.000.000     | 900.000.000          |
| 3          | Thay gạch nền bong dộp các tầng   | m2          | 100      | 350.000       | 35.000.000           |
| 4          | Thay vách kính cầu thang  | m2          | 180      | 1.800.000     | 324.000.000          |
| 5          | Chống thấm sê nô mái  | m2          | 300      | 450.000       | 135.000.000          |
| 6          | Sơn, bả lại tường ngoài nhà do thấm mốc   | m2          | 3.600    | 180.000       | 648.000.000          |

**PHỤ LỤC 2**  
**KHAI TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG**

**Dự án: Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông**

(Kèm Báo cáo số /BC-SYT ngày /08/2022 của Sở Y tế Đắk Nông)

| STT        | Nội dung đầu tư   | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá   | Thành tiền           |
|------------|---|-------------|----------|-----------|----------------------|
| 7          | Sửa chữa Hộp gen thoát nước   | HG          | 35       | 8.000.000 | 280.000.000          |
| <b>II</b>  | <b>Khối nhà cấp cứu, cận lâm sàng</b>   |             |          |           | <b>680.100.000</b>   |
| 1          | Sửa chữa các khu vệ sinh bao gồm các nội dung: Chống thấm, thay gạch nền, thay thiết bị vệ sinh, sơn lại tường trong phòng vệ sinh, thay mới các đường ống cấp thoát nước, thay điện, thay trần.                    | m2          | 120      | 2.500.000 | 300.000.000          |
| 2          | Thay gạch nền bong dộp các tầng   | m2          | 50       | 350.000   | 17.500.000           |
| 5          | Chống thấm sê nô mái  | m2          | 180      | 450.000   | 81.000.000           |
| 6          | Sơn, bả lại tường ngoài nhà do thấm mốc   | m2          | 720      | 180.000   | 129.600.000          |
| 7          | Sửa chữa Hộp gen thoát nước   | HG          | 10       | 8.000.000 | 80.000.000           |
| 8          | Sửa chữa phòng XQ   | m2          | 24       | 3.000.000 | 72.000.000           |
| <b>III</b> | <b>Khu điều trị nội trú</b>   |             |          |           | <b>695.980.000</b>   |
| 1          | Sửa chữa các khu vệ sinh bao gồm các nội dung: Chống thấm, thay gạch nền, thay thiết bị vệ sinh, sơn lại tường trong phòng vệ sinh, thay mới các đường ống cấp thoát nước, thay điện, thay trần và các hư hỏng khác | m2          | 120      | 2.500.000 | 300.000.000          |
| 2          | Chống thấm sê nô mái  | m2          | 150      | 450.000   | 67.500.000           |
| 3          | Sơn, bả lại tường ngoài nhà do thấm mốc   | m2          | 936      | 180.000   | 168.480.000          |
| 4          | Sửa chữa Hộp gen thoát nước   | HG          | 20       | 8.000.000 | 160.000.000          |
| <b>IV</b>  | <b>Hạ tầng ngoài nhà</b>  |             |          |           | <b>1.165.000.000</b> |
| 1          | Sân bê tông   | m2          | 300      | 400.000   | 120.000.000          |
| 2          | Đường ống cấp nước sinh hoạt  | md          | 2.200    | 250.000   | 550.000.000          |
| 3          | Hệ thống thoát nước ngoài nhà: Mương, hố ga...  | md          | 550      | 900.000   | 495.000.000          |
| <b>E</b>   | <b>Trung tâm Y tế huyện Đắk Mil</b>   |             |          |           | <b>4.311.500.000</b> |
| <b>I</b>   | <b>Nhà điều trị nội trú</b>   |             |          |           | <b>1.522.500.000</b> |
| 1          | Sửa chữa các khu vệ sinh bao gồm các nội dung: Chống thấm, thay gạch nền, thay thiết bị vệ sinh, sơn lại tường trong phòng vệ sinh, thay mới các đường ống cấp thoát nước, thay điện, thay trần và các hư hỏng khác | m2          | 220      | 2.500.000 | 550.000.000          |
| 2          | Chống thấm sê nô mái  | m2          | 250      | 450.000   | 112.500.000          |
| 3          | Sơn, bả lại tường ngoài nhà do thấm mốc   | m2          | 3.800    | 180.000   | 684.000.000          |
| 4          | Sửa chữa Hộp gen thoát nước   | HG          | 22       | 8.000.000 | 176.000.000          |
| <b>II</b>  | <b>Nhà chống nhiễm khuẩn, dinh dưỡng</b>  |             |          |           | <b>229.000.000</b>   |
| 1          | Chống thấm sê nô mái  | m2          | 80       | 500.000   | 40.000.000           |
| 2          | Sơn, bả lại tường ngoài nhà do thấm mốc   | m2          | 1.050    | 180.000   | 189.000.000          |
| <b>III</b> | <b>Hạ tầng ngoài nhà</b>  |             |          |           | <b>2.560.000.000</b> |
| 1          | Công hàng rào   | md          | 800      | 950.000   | 760.000.000          |
| 2          | Hệ thống thoát nước ngoài nhà: Mương, hố ga...  | md          | 650      | 900.000   | 585.000.000          |

**PHỤ LỤC 2**  
**KHÁI TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG**

**Dự án: Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông**

*(Kèm Báo cáo số /BC-SYT ngày /08/2022 của Sở Y tế Đắk Nông)*

| STT        | Nội dung đầu tư   | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá       | Thành tiền           |
|------------|---|-------------|----------|---------------|----------------------|
| 3          | Sửa chữa hệ thống xử lý nước thải ngoài nhà   | HT          | 1        | 800.000.000   | 800.000.000          |
| 4          | Sửa chữa nhà cầu nổi  | m2          | 450      | 300.000       | 135.000.000          |
| 5          | Sân bê tông   | m2          | 800      | 350.000       | 280.000.000          |
| <b>G</b>   | <b>Trung tâm Y tế huyện Đắk R'lấp</b>   |             |          |               | <b>8.115.500.000</b> |
| 1          | Sửa chữa, cải tạo Khối nhà 03 tầng: Sơn, chống thấm, Sửa chữa các khu vệ sinh: chống thấm, thay gạch nền, thay thiết bị vệ sinh, sơn lại tường trong phòng vệ sinh, thay mới các đường ống cấp thoát nước, thay điện, thay trần và các hư hỏng khác | m2          | 3.000    | 1.200.000     | 3.600.000.000        |
| 2          | Hạ tầng ngoài nhà: Dấu nổi đường ống thu gom nước thải, sửa chữa hệ thống thoát nước mưa, sân đường   | HT          | 1        | 200.000.000   | 200.000.000          |
| 3          | Sửa chữa hệ thống thoát nước mưa  | HT          | 1        | 200.000.000   | 200.000.000          |
| 4          | Xây dựng khu kiểm soát nhiễm khuẩn đảm bảo theo quy định chống nhiễm khuẩn  | m2          | 400      | 8.000.000     | 3.200.000.000        |
| 5          | Sửa chữa nhà cầu nổi  | m2          | 660      | 550.000       | 363.000.000          |
| 6          | Cải tạo lối lên phía sau Trung tâm  | m2          | 850      | 650.000       | 552.500.000          |
| <b>VII</b> | <b>Trung tâm Y tế huyện Đắk Song</b>  |             |          |               | <b>8.385.000.000</b> |
| 1          | Xây mới hệ thống xử lý nước thải công suất 100m3/ngày đêm   | HT          | 1        | 5.500.000.000 | 5.500.000.000        |
| 2          | Sửa chữa nhà nội trú, cầu nổi   | m2          | 2.200    | 500.000       | 1.100.000.000        |
| 3          | Làm mới đường ống thu gom nước thải   | md          | 900      | 500.000       | 450.000.000          |
| 4          | Làm hệ thống thoát nước mưa   | md          | 700      | 450.000       | 315.000.000          |
| 5          | Cải tạo, nâng cấp công hàng rào   | md          | 850      | 1.200.000     | 1.020.000.000        |
| <b>VII</b> | <b>Trung tâm Y tế thành phố Gia Nghĩa</b>   |             |          |               | <b>1.100.000.000</b> |
|            | Xây mới hệ thống xử lý nước thải cho Trung tâm Y tế thành phố Gia Nghĩa (10m <sup>2</sup> ngày/đêm)   | HT          | 1        | 1.100.000.000 | 1.100.000.000        |

## PHỤ LỤC 3: CHI PHÍ THIẾT BỊ

Dự án: Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông

(Kèm Báo cáo số /BC-SYT ngày /08/2022 của Sở Y tế Đắk Nông)

| Stt | Tên thiết bị   | Đơn vị | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng)    |
|-----|--|--------|----------|----------------|----------------------|
| I   | <b>Đầu tư, nâng cấp 02 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Đắk Mil (Bao gồm: Nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mổ và thiết bị cho phòng mổ)</b>   |        |          |                | <b>7.062.000.000</b> |
| 1   | Nội thất phòng mổ, Hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén  | HT     | 2        | 1.740.000.000  | 3.480.000.000        |
| 2   | Đèn mổ   | Bộ     | 1        | 640.000.000    | 640.000.000          |
| 3   | Bàn mổ đa năng   | Bộ     | 1        | 590.000.000    | 590.000.000          |
| 4   | Máy gây mê kèm thở có chức năng theo dõi khí mê  | Bộ     | 1        | 1.560.000.000  | 1.560.000.000        |
| 5   | Máy theo dõi bệnh nhân (hậu phẫu)  | Bộ     | 5        | 96.000.000     | 480.000.000          |
| 6   | Bộ đặt nội khí quản có camera  | Bộ     | 1        | 120.000.000    | 120.000.000          |
| II  | <b>Đầu tư, nâng cấp 01 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong (Bao gồm: Nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mổ và thiết bị cho phòng mổ)</b> |        |          |                | <b>4.424.643.800</b> |
| 1   | Nội thất phòng mổ, Hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén  | HT     | 1        | 1.560.000.000  | 1.560.000.000        |
| 2   | Bộ khoan xương đa năng   | Bộ     | 1        | 1.592.643.800  | 1.592.643.800        |
| 3   | Máy theo dõi bệnh nhân   | Bộ     | 2        | 96.000.000     | 192.000.000          |
| 4   | Bộ dụng cụ kết hợp xương (chi trên, dưới)  | Bộ     | 1        | 380.000.000    | 380.000.000          |
| 5   | Bộ đặt nội khí quản có camera  | Bộ     | 1        | 120.000.000    | 120.000.000          |
| 6   | Máy garo hơi tự động   | Bộ     | 2        | 290.000.000    | 580.000.000          |
| III | <b>Đầu tư, nâng cấp 01 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Đắk Song (Bao gồm: Nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mổ và thiết bị cho phòng mổ)</b>  |        |          |                | <b>4.490.000.000</b> |
| 1   | Nội thất phòng mổ, Hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén  | HT     | 1        | 1.700.000.000  | 1.700.000.000        |

|    |  |     |   |               |               |
|----|--|-----|---|---------------|---------------|
| 2  | Đèn mổ treo trần 2 nhánh   | Bộ  | 1 | 640.000.000   | 640.000.000   |
| 3  | Bàn mổ   | Bộ  | 1 | 590.000.000   | 590.000.000   |
| 4  | Máy gây mê kèm thở có chức năng theo dõi khí mê  | Bộ  | 1 | 1.560.000.000 | 1.560.000.000 |
| IV | <b>Đầu tư, nâng cấp 01 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Cư Jút (Bao gồm: Nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mổ và thiết bị cho phòng mổ), và sửa chữa nhỏ 01 phòng mổ, bổ sung TTB Y tế</b> |     |   |               | 5.426.640.000 |
| 1  | Nội thất phòng mổ, Hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén  | HT  | 1 | 1.550.000.000 | 1.550.000.000 |
| 2  | Đèn mổ treo trần 2 nhánh   | Bộ  | 1 | 640.000.000   | 640.000.000   |
| 3  | Máy garo hơi tự động   | Bộ  | 2 | 290.000.000   | 580.000.000   |
| 4  | Bộ khoan cơ xương đa năng  | Bộ  | 1 | 1.050.000.000 | 1.050.000.000 |
| 5  | Dao mổ điện 400W   | Cái | 1 | 604.000.000   | 604.000.000   |
| 6  | Máy theo dõi bệnh nhân   | Cái | 5 | 96.000.000    | 480.000.000   |
| 7  | Bộ dụng cụ phẫu thuật mổ mở  | Bộ  | 1 | 522.640.000   | 522.640.000   |
| V  | <b>Đầu tư, nâng cấp 01 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Krông Nô (Bao gồm: Nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mổ và các thiết bị đi kèm)</b>  |     |   |               | 4.710.000.000 |
| 1  | Nội thất phòng mổ, Hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén  | HT  | 1 | 1.650.000.000 | 1.650.000.000 |
| 2  | Máy gây mê kèm thở có chức năng theo dõi khí mê  | Bộ  | 1 | 1.560.000.000 | 1.560.000.000 |
| 3  | Bộ khoan cơ xương đa năng  | Bộ  | 1 | 1.050.000.000 | 1.050.000.000 |
| 4  | Nồi hấp tiệt trùng   | Cái | 1 | 160.000.000   | 160.000.000   |
| 5  | Máy garo hơi tự động   | Bộ  | 1 | 290.000.000   | 290.000.000   |
| VI | <b>Đầu tư, nâng cấp 01 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Tuy Đức (Bao gồm: Nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mổ và các thiết bị đi kèm)</b>   |     |   |               | 5.756.000.000 |
| 1  | Nội thất phòng mổ, Hệ thống khí sạch   | HT  | 1 |               |               |

|   |  |     |   |               |               |
|---|--|-----|---|---------------|---------------|
|   | áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén (cải tạo 02 phòng thành 01 phòng vì không đủ diện tích) |     |   | 2.200.000.000 | 2.200.000.000 |
| 2 | Hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng kèm máy cắt đốt   | HT  | 1 | 2.590.000.000 | 2.590.000.000 |
| 3 | Máy theo dõi bệnh nhân   | Cái | 3 | 96.000.000    | 288.000.000   |
| 4 | Bộ đặt nội khí quản có camera  | Bộ  | 1 | 115.000.000   | 115.000.000   |
| 5 | Bộ dụng cụ chấn thương chỉnh hình  | Bộ  | 1 | 563.000.000   | 563.000.000   |

## TỜ TRÌNH

**Thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông**

Kính gửi: Hội đồng thẩm định 476.

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, ngày 06/4/2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Công văn 3710/UBND-KT ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc rà soát danh mục các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội thuộc lĩnh vực Y tế tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Công văn 681/TTg-KTTH ngày 01/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thông báo danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (đợt 2);

Căn cứ Công văn 894/VPUBND-KT ngày 04/08/2022 của Văn phòng UBND tỉnh Đắk Nông về việc khẩn trương hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục để triển khai các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Sở Y tế tỉnh Đắk Nông kính trình Hội đồng thẩm định 476 thẩm định chủ trương đầu tư dự án: Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông, với nội dung chính như sau:

### I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

**I. Tên dự án: Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông.**

2. Dự án nhóm: B;
  3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: HĐND tỉnh.
  4. Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh.
  5. Tên chủ đầu tư dự án: Sở Y tế tỉnh Đắk Nông
  6. Địa điểm thực hiện dự án: các huyện/thành phố thuộc tỉnh Đắk Nông.
  7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 86.550 triệu đồng.
- Dự kiến phân kỳ đầu tư thực hiện dự án.

Đơn vị: Triệu đồng

| STT              | Năm đầu tư        | Ngân sách tỉnh | Ghi chú |
|------------------|-------------------|----------------|---------|
| 01               | Năm thứ nhất 2022 | 13.000         |         |
| 02               | Năm thứ hai 2023  | 73.550         |         |
| <b>Tổng cộng</b> |                   | <b>86.550</b>  |         |

8. Nguồn vốn đề nghị thẩm định: Ngân sách Trung ương (Thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội).

9. Ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn đề nghị thẩm định: Y tế.

10. Thời gian thực hiện: Thời gian đầu tư cụ thể sau khi dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư;

## II. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

1. Tờ trình đề nghị thẩm định chủ trương đầu tư dự án;

2. Báo cáo số 769/BC-SYT ngày 15 tháng 8 năm 2022 về đề xuất chủ trương đầu tư Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông.

Tờ trình này thay thế Tờ trình số 206/TTr-SYT ngày 11/8/2022 của Sở Y tế. Sở Y tế kính trình Hội đồng thẩm định 476 xem xét, thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án, với các nội dung như trên./.

Nơi nhận: *thư ký*

- UBND tỉnh (b/cáo);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Trung tâm Y tế các huyện/TP;
- Lưu: VT, KHTC (Qu).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Trần Quang Hào**



## BÁO CÁO

### **Đề xuất đầu tư dự án: Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông**

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/ND-CP, ngày 06/4/2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Công văn 3710/UBND-KT ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc rà soát danh mục các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội thuộc lĩnh vực Y tế tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Công văn 681/TTg-KTTH ngày 01/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thông báo danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (đợt 2);

Căn cứ Công văn 894/VPUBND-KT ngày 04/08/2022 của Văn phòng UBND tỉnh Đắk Nông về việc khẩn trương hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục để triển khai các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Sở Y tế báo cáo Hội đồng thẩm định 476 chủ trương đầu tư dự án: Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị và cải tạo cơ sở hạ tầng cho các Trung tâm y tế cấp huyện, với các nội dung chính như sau:

#### **I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN**

**1. Tên dự án:** Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông.

**2. Dự án nhóm:** B.

**3. Cấp quyết định chủ trương dự án:** UBND tỉnh.

**4. Tên chủ đầu tư:** Sở Y tế tỉnh Đắk Nông.

**5. Địa điểm thực hiện dự án:** các huyện/thành phố thuộc tỉnh Đắk Nông.

**6. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 86.550 triệu đồng** (*Chi tiết theo các Phụ lục đính kèm*).

**7. Nguồn kinh phí đầu tư:** Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội;

**8. Thời gian thực hiện:** 2022 - 2023.

## **II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN**

**1. Sự cần thiết đầu tư, điều kiện thực hiện đầu tư, sự phù hợp với quy hoạch và kế hoạch đầu tư:**

### **1.1. Sự cần thiết đầu tư xây dựng dự án:**

Hoạt động củng cố hệ thống y tế cơ sở và tăng cường chăm sóc sức khỏe ban đầu luôn là những ưu tiên trong chính sách phát triển y tế Việt Nam, góp phần quan trọng trong cải thiện tình trạng sức khỏe nhân dân. Trước bối cảnh già hóa dân số, mô hình bệnh tật thay đổi với sự gia tăng của các bệnh không lây nhiễm, trong khi y tế cơ sở vẫn còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân, việc xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở càng trở nên cấp bách hơn bao giờ hết.

Với quan điểm chỉ đạo “sức khỏe là vốn quý nhất của mỗi người dân và của cả xã hội. Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe là nghĩa vụ, trách nhiệm của mỗi người dân, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, đòi hỏi sự tham gia tích cực của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các ngành, trong đó ngành Y tế là nòng cốt”, Nghị quyết 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới khẳng định: Đầu tư cho bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân là đầu tư cho phát triển. Nghị quyết nêu rõ, đổi mới mạnh mẽ cơ chế và phương thức hoạt động của y tế cấp xã để thực hiện vai trò là tuyến đầu trong phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe. Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 05/12/2016 (Quyết định số 2348/QĐ-CP) đã xác định đổi mới tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính, phát triển nguồn nhân lực để nâng cao năng lực cung ứng và chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở; bảo đảm cung ứng đầy đủ các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh cho từng người dân trên địa bàn...

Các Trung tâm Y tế huyện đã được đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng đã lâu, giai đoạn 2010-2015 đến nay đã xuống cấp trầm trọng, một số hạng mục đã không thể sử dụng được; Các hạng mục công trình đa phần bị thấm, mốc tường, trần; gạch sàn nhà bong dộp; bong tróc trần trong và ngoài nhà, vữa trát một số hạng mục công trình bong dộp; hư hỏng thiết bị vệ sinh, thiết bị điện; hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà xuống cấp, xập xệ... làm ảnh hưởng tới sức khỏe của người dân khi đến cấp cứu, khám chữa bệnh, điều trị nội trú tại các Đơn vị; không đảm bảo môi trường an toàn và sức khỏe cho Nhân viên y tế khi làm việc; cụ thể như sau:

#### **1.1.1 Trung tâm Y tế huyện Krông Nô:**

- Cơ sở hạ tầng: Các hạng mục hiện nay hầu hết bị thấm dột, bong tróc sơn; các khu vệ sinh các khối nhà bị thấm, nghẽn, hệ thống cấp thoát nước rò rỉ, trần hư hỏng; một số cửa hỏng; gạch bong dột; phòng xét nghiệm chưa đảm bảo theo quy định; lối vào phía trước cổng xuống cấp; hiện tại chưa có mái che nối từ nhà xe đến khu hành chính gây ảnh hưởng đến việc di chuyển của bệnh nhân; hệ thống thoát nước hư hỏng; hệ thống PCCC, chống sét thường xuyên hư hỏng.

- Trang thiết bị phòng mổ: Hiện nay phòng mổ tại TTYT chưa đảm bảo về tiêu chuẩn vô trùng, còn thiếu các thiết bị quan trọng liên quan đến quá trình hỗ trợ phẫu thuật;

#### 1.1.2 Trung tâm Y tế huyện Cư Jút

- Cơ sở hạ tầng: Các hạng mục hiện nay hầu hết bị thấm dột, bong tróc sơn; các khu vệ sinh các khối nhà bị thấm, nghẽn, hệ thống cấp thoát nước rò rỉ, trần hư hỏng; hệ thống điện, nước trong nhà hư hỏng; sân bê tông phía trước xuống cấp; hệ thống thoát nước thải hư hỏng;

- Trang thiết bị phòng mổ: Hiện nay phòng mổ tại TTYT còn thiếu các thiết bị quan trọng liên quan đến quá trình hỗ trợ phẫu thuật; hệ thống khí y tế, khí sạch cần được bảo trì bảo dưỡng.

#### 1.1.3 Trung tâm Y tế huyện Đắk Mil

- Cơ sở hạ tầng: Hiện nay, khối nhà Hành chính + khám bệnh đang được sơn sửa ngoài nhà; các hạng mục còn lại như: Nhà điều trị nội trú, cầu nối, nhà chống nhiễm khuẩn, khoa dinh dưỡng hiện nay hầu hết bị thấm dột, bong tróc sơn; các khu vệ sinh của các khối nhà bị thấm, nghẽn, hệ thống cấp thoát nước rò rỉ, trần hư hỏng; một số cửa hỏng; gạch bong dột; hệ thống thoát nước hư hỏng; cổng hàng rào xuống cấp.

- Trang thiết bị phòng mổ: Hiện nay phòng mổ tại TTYT chưa đảm bảo về tiêu chuẩn vô trùng, còn thiếu các thiết bị quan trọng liên quan đến quá trình hỗ trợ phẫu thuật;

#### 1.1.4 Trung tâm Y tế huyện Đắk Song

- Cơ sở hạ tầng: Công trình Bệnh viện đa khoa huyện Đắk Song (nay là Trung tâm Y tế huyện Đắk Song) được đầu tư xây dựng năm 2002 và đưa vào sử dụng năm 2004 với quy mô 50 giường bệnh. Các hạng mục của Trung tâm Y tế đến nay đã xuống cấp trầm trọng: Nhà nội trú, nhà cầu nối, sân, cổng hàng rào; hệ thống thoát nước thải, nước mưa ngoài nhà đã hư hỏng (*Giai đoạn 2022-2025 dự kiến đầu tư các hạng mục: Nhà điều trị nội trú, sửa chữa khối nhà khám bệnh*).

Hiện nay hệ thống xử lý nước thải của Trung tâm Y tế đã xuống cấp trầm trọng, hệ thống cũ với công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày/đêm dẫn đến việc không đáp ứng về yêu cầu và công suất xử lý khi việc đầu tư nhà điều trị nội trú với quy mô 100 giường bệnh sẽ tăng công suất của Trung tâm Y tế lên 150 giường

- Trang thiết bị phòng mổ: Hiện nay phòng mổ tại TTYT chưa đảm bảo về tiêu chuẩn vô trùng, còn thiếu các thiết bị quan trọng liên quan đến quá trình hỗ

trợ phẫu thuật;

#### 1.1.5 Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong

- Cơ sở hạ tầng: Công trình Bệnh viện đa khoa huyện Đắk Glong (nay là Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong) được đưa vào sử dụng năm 2009. Dự án được đầu tư với quy mô 50 giường bệnh, đến thời điểm sát nhập Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế, Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (tháng 9 năm 2018) là 70 giường bệnh.

Các hạng mục của Trung tâm Y tế đến nay đã xuống cấp trầm trọng: Nhà cầu nổi, sân, cống hàng rào; hệ thống thoát nước thải (*Giai đoạn 2022-2025 được đầu tư sửa chữa các hạng mục: Nhà hành chính, nhà khám - cấp cứu, nhà điều trị nội trú, khoa phẫu thuật, y học cổ truyền*).

- Trang thiết bị phòng mổ: Hiện nay phòng mổ tại TTYT chưa đảm bảo về tiêu chuẩn vô trùng, còn thiếu các thiết bị quan trọng liên quan đến quá trình hỗ trợ phẫu thuật;

#### 1.1.6 Trung tâm Y tế huyện Tuy Đức

- Cơ sở hạ tầng: Công trình Trung tâm Y tế huyện Tuy Đức được đưa vào sử dụng năm 2014; đến nay các hạng mục còn lại của Trung tâm Y tế đã xuống cấp trầm trọng: Thảm dột, bong tróc sơn; các khu vệ sinh của các khối nhà bị thấm, nghẽn, hệ thống cấp thoát nước rò rỉ, trần hư hỏng; một số cửa hỏng; gạch bong dột; sảnh chính của trung tâm Y tế chật hẹp, giao thông chằng chéo; hệ thống cấp thoát nước thoát nước hư hỏng;

- Trang thiết bị phòng mổ: Hiện nay phòng mổ tại TTYT chưa đảm bảo về tiêu chuẩn vô trùng, còn thiếu các thiết bị quan trọng liên quan đến quá trình hỗ trợ phẫu thuật;

#### 1.1.7 Trung tâm Y tế huyện Đắk R'lấp

- Cơ sở hạ tầng Trung tâm Y tế huyện Đắk R'lấp hiện nay được đầu tư với nhiều giai đoạn, nhiều nguồn vốn khác nhau; Một số hạng mục đưa vào sử dụng đã lâu dẫn đến xuống cấp trầm trọng:

- Nhà điều trị nội trú: Được đưa vào sử dụng năm 2012, đến nay hư hỏng nặng: Thảm dột, bong tróc sơn; các khu vệ sinh của các khối nhà bị thấm, nghẽn, hệ thống cấp thoát nước rò rỉ, trần hư hỏng; một số cửa hỏng;

- Khu kiểm soát nhiễm khuẩn: Hiện nay đang tận dụng nhà kho để sử dụng, chưa có khu kiểm soát nhiễm khuẩn riêng, không đảm bảo quy tắc chống nhiễm khuẩn (Quy tắc 01 chiều).

- Ngoài ra các hệ thống hạ tầng: Thoát nước mưa, thoát nước thải có hiện tượng xuống cấp, một số khu vực xuống cấp, hư hỏng, tắc nghẽn.

#### 1.1.8 Trung tâm Y tế thành phố Gia Nghĩa

Hiện nay Trung tâm Y tế thành phố chưa có hệ thống xử lý nước thải đảm bảo theo quy định của môi trường; dự kiến thời gian tới Trung tâm Y tế sẽ bổ sung một số phòng khám, xét nghiệm phục vụ chức năng nhiệm vụ. Do đó, cần

thiết đầu tư hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo theo quy định.

## **1.2. Điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư:**

Công trình thuộc khuôn viên Trung tâm y tế đáp ứng các điều kiện để thực hiện đầu tư, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư.

Dự án phù hợp với các mục tiêu, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 Chính phủ và Công văn 681/TTg-KTTH ngày 01/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thông báo danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (dợt 2).

Phù hợp với định hướng phát triển hệ thống y tế cơ sở theo Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới; Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 20/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

## **2. Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư:**

### **2.1. Mục tiêu đầu tư:**

Phát triển mạng lưới y tế cơ sở theo hướng từng bước hiện đại, hiệu quả và bền vững để đảm bảo cơ sở hạ tầng đầy đủ, nâng cao năng lực cung ứng và chất lượng dịch vụ nhằm chăm sóc sức khỏe toàn diện, liên tục cho cá nhân, gia đình và cộng đồng, góp phần tăng cường chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và giảm quá tải bệnh viện. Đồng thời, đảm bảo cho quá trình thực hiện lộ trình tự chủ của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong thời gian tới.

### **2.2. Quy mô đầu tư:**

**2.2.1 Tiêu dự án Đầu tư nâng cấp, mua sắm trang thiết bị 6 trung tâm y tế huyện thuộc tỉnh Đắk Nông (Đắk Mil, Đắk Glong, Đắk Song, Cư Jút, Krông Nô, Tuy Đức)**

a) Đầu tư, nâng cấp 02 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Đắk Mil (Bao gồm: Nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mổ và các thiết bị phòng mổ);

b) Đầu tư, nâng cấp 01 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong (Bao gồm: Nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mổ và các thiết bị phòng mổ);

c) Đầu tư, nâng cấp 01 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Đắk Song (Bao gồm: Nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mổ và các thiết bị phòng mổ);

d) Đầu tư, nâng cấp 01 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Đắk Cư Jút (Bao gồm: Nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y

tế, khí nén, đèn mổ và các thiết bị phòng mổ);

e) Đầu tư, nâng cấp 02 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Krông Nô (Bao gồm: Nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mổ và các thiết bị phòng mổ);

f) Đầu tư, nâng cấp 01 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Tuy Đức (Bao gồm: Nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mổ và các thiết bị phòng mổ).

**2.2.2. Tiểu dự án Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng cho 8 trung tâm y tế các huyện (Đắk R'lấp, Tuy Đức, Đắk Mil, Cư Jút, Krông Nô, Đắk G'long, Đắk Song và Gia Nghĩa).**

**a) Nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng Trung tâm Y tế huyện Krông Nô**

+ **Các hạng mục chính:** Tổng diện tích sàn khoảng 10.500 m<sup>2</sup> bao gồm các khu: Khối nhà Hành chính, điều trị 03 tầng, Khối nhà điều trị nội trú, nhà cầu nổi, khoa dinh dưỡng. Phương án nâng cấp, sửa chữa: Xử lý chống thấm sê nô sàn mái. Thay thế ống thoát nước hộp gen đã hỏng. Cạo bỏ lớp sơn cũ, bả matit, sơn lại tường ngoài nhà. Thay thế các thiết bị điện bị, cửa hư hỏng. Cạo bỏ lớp sơn cũ, bả mastic, sơn lại trần hành lang và một số phòng trong nhà. Xử lý chống thấm sàn vệ sinh, thay thế gạch lát nền; Thay thế hệ thống cấp thoát nước vệ sinh; Thay thế một số thiết bị vệ sinh hư hỏng.

**+ Các hạng mục phụ trợ:**

- Sơn sửa lại cổng, hàng rào.
- Sửa chữa hệ thống cấp thoát nước, hệ thống chống sét,...
- Làm mái che từ nhà xe vào khu hành chính.
- Nâng cấp lối vào cổng chính.

**b) Nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng Trung tâm Y tế huyện Cư Jút**

+ **Các hạng mục chính:** Tổng diện tích sàn khoảng 11.000 m<sup>2</sup> bao gồm các hạng mục chính: Khối khám và điều trị; Khối bệnh truyền nhiễm và giải phẫu bệnh lý; Khối chống nhiễm khuẩn - dinh dưỡng; Nhà cầu nổi. Phương án nâng cấp, sửa chữa: Xử lý chống thấm sê nô sàn mái. Thay thế ống thoát nước hộp gen đã hỏng. Cạo bỏ lớp sơn cũ, bả matit, sơn lại tường ngoài nhà. Thay thế các thiết bị điện bị, cửa hư hỏng. Cạo bỏ lớp sơn cũ, bả mastic, sơn lại trần hành lang và một số phòng trong nhà. Xử lý chống thấm sàn vệ sinh, thay thế gạch lát nền; Thay thế hệ thống cấp thoát nước vệ sinh; Thay thế một số thiết bị vệ sinh hư hỏng.

**+ Các hạng mục phụ trợ:**

- Sơn sửa công, hàng rào mặt trước;
- Sửa chữa hệ thống xử lý nước thải ngoài nhà; sửa chữa hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà,...
- Xây phòng chụp X-Quang răng để bác sỹ khám và điều trị răng phát huy các định vụ kỹ thuật mới.
- Nâng cấp, sửa chữa phòng xét nghiệm bảo đảm theo quy định an toàn sinh học.

#### **c) Nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng Trung tâm Y tế huyện Đắk Mil**

+ **Các hạng mục chính:** Tổng diện tích sàn khoảng 7.650 m<sup>2</sup> bao gồm các hạng mục chính: Khối khám và điều trị; Khối bệnh truyền nhiễm và giải phẫu bệnh lý; Khối chống nhiễm khuẩn-đinh dưỡng; Nhà cầu nổi, nhà bảo vệ. Phương án nâng cấp, sửa chữa: Xử lý chống thấm sê nô sàn mái. Thay thế ống thoát nước hộp gen đã hỏng. Cạo bỏ lớp sơn cũ, bả matit, sơn lại tường ngoài nhà. Thay thế các thiết bị điện bị, cửa hư hỏng. Cạo bỏ lớp sơn cũ, bả mastic, sơn lại trần hành lang và một số phòng trong nhà. Xử lý chống thấm sàn vệ sinh, thay thế gạch lát nền; Thay thế hệ thống cấp thoát nước vệ sinh; Thay thế một số thiết bị vệ sinh hư hỏng.

#### **+ Các hạng mục phụ trợ:**

- Sửa chữa hệ thống thoát nước ngoài nhà.
- Cải tạo công, hàng rào đã xuống cấp.
- Sửa chữa hệ thống cấp điện ngoài nhà.
- Sửa chữa hệ thống xử lý nước thải ngoài nhà.

#### **d) Xây mới hệ thống xử lý nước thải và sửa chữa một số hạng mục đã xuống cấp cho Trung tâm Y tế huyện Đắk Song (Ngoài dự án Trung hạn)**

Xây mới hệ thống xử lý nước thải và sửa chữa một số hạng mục đã xuống cấp cho Trung tâm Y tế huyện Đắk Song

+ Xây mới hệ thống xử lý nước thải công suất 100m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ Sửa chữa một số hạng mục đã xuống cấp: Nhà điều trị nội trú: Sơn, chống thấm, thay cửa, sửa chữa khu vệ sinh; Hệ thống thu gom nước thải: Làm mới đường ống thu gom nước thải từ các hạng mục công trình đến bể thu gom.

#### **e) Nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong**

+ **Các hạng mục chính:** Nhà hành chính: Sửa chữa một số hạng mục bị thấm dột, bong tróc; Khoa dược và điều trị: Chống thấm, sơn bả ngoài nhà; Chống thấm, xử lý nền hồng các nhà cầu nổi.

+ **Các hạng mục phụ trợ:** Nâng cấp, sửa chữa hạ tầng kỹ thuật: Sân, công, hàng rào, hệ thống mương thoát nước ngoài nhà.

**f) Nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng Trung tâm Y tế huyện Tuy Đức**

+ **Các hạng mục chính:** Tổng diện tích sàn khoảng 7.050 m<sup>2</sup> bao gồm các hạng mục chính: Khối khám chữa bệnh ngoại trú; Khối kỹ thuật nghiệp vụ khoa dược; Khối điều trị nội trú; Khối hành chính hậu cần; Khối dịch vụ tổng hợp; Nhà cầu nổi. Phương án nâng cấp, sửa chữa: Xử lý chống thấm sê nô sàn mái. Thay thế ống thoát nước hộp gen đã hỏng. Cạo bỏ lớp sơn cũ, bả matit, sơn lại tường ngoài nhà. Thay thế các thiết bị điện bị, cửa hư hỏng. Cạo bỏ lớp sơn cũ, bả mastic, sơn lại trần hành lang và một số phòng trong nhà. Xử lý chống thấm sàn vệ sinh, thay thế gạch lát nền; Thay thế hệ thống cấp thoát nước vệ sinh; Thay thế một số thiết bị vệ sinh hư hỏng.

+ **Các hạng mục phụ trợ:** Làm lại hệ thống cấp nước sinh hoạt đã hỏng; Đồ bê tông khu khuôn viên ở giữa khu khám và các khu điều trị; Sửa chữa hệ thống xử lý nước thải ngoài nhà; Xây dựng nhà đốt rác.

**g) Nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng Trung tâm Y tế huyện Đắk R'lấp**

+ **Các hạng mục chính:**

- Nhà điều trị nội trú 03 tầng (Khoa sản – Khoa Nhi – Khoa Nội) với tổng diện tích sàn khoảng 3.000 m<sup>2</sup>, 03 tầng. Phương án nâng cấp, sửa chữa: Cạo bỏ lớp sơn cũ, bả matit, sơn lại tường ngoài nhà. Thay thế các thiết bị điện bị, cửa hư hỏng. Cạo bỏ lớp sơn cũ, bả mastic, sơn lại trần hành lang và một số phòng trong nhà. Xử lý chống thấm sàn vệ sinh, thay thế gạch lát nền; Thay thế hệ thống cấp thoát nước vệ sinh; Thay thế một số thiết bị vệ sinh hư hỏng; Làm lại hệ thống đường ống cấp thoát nước cho toàn bộ nhà; đấu nối hệ thống thoát nước từ công trình vào hệ thống thu gom nước thải đồng bộ;

- Các hạng mục khác: Sơn sửa, chống thấm một số vị trí của các hạng mục khác bị rêu mốc, bong dộp (khoa ngoại, cầu nổi, khoa xét nghiệm, nhà hành chính).

+ **Các hạng mục phụ trợ:** Đấu nối các đường ống thu gom nước thải từ nhà 03 tầng; khơi thông, thay thế một số đường ống thoát nước thải hư hỏng; nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục ngoài nhà đã xuống cấp.

**h) Xây mới hệ thống xử lý nước thải cho Trung tâm Y tế thành phố Gia Nghĩa**

Đầu tư xây dựng mới hệ thống xử lý nước thải 10m<sup>3</sup>/ngày đêm, bao gồm các nội dung: Bể thu gom, hệ thống đường ống thu gom, nhà thiết bị, hệ thống xử lý nước thải; đường ống thoát nước.

**3. Địa điểm xây dựng:** các huyện/thành phố thuộc tỉnh Đắk Nông.

**4. Dự kiến tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối**



nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án.

- Tổng mức đầu tư dự kiến khoảng: 86.550 triệu đồng.

#### 5. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư và phân kỳ đầu tư:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| STT              | Năm thực hiện     | Ngân sách     | Ghi chú |
|------------------|-------------------|---------------|---------|
| 1                | Năm thứ nhất 2022 | 13.000        |         |
| 2                | Năm thứ hai 2023  | 73.550        |         |
| <b>Tổng cộng</b> |                   | <b>86.550</b> |         |

**6. Phương án giải phóng mặt bằng:** Không.

#### 7. Tác động môi trường, xã hội và hiệu quả đầu tư:

##### 7.1. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật được thiết kế, thi công theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn, đảm bảo yêu cầu về môi trường. Hạn chế các yếu tố tác động tiêu cực đến môi trường, mặt khác công trình được bố trí trồng nhiều cây xanh tạo bóng mát và cải thiện môi trường sinh thái cho khu vực, sẽ góp phần cải tạo môi trường.

- Trong thời gian xây dựng công trình, sẽ có sự ảnh hưởng đến xung quanh do tiếng ồn của máy thi công. Tuy nhiên, đây chỉ là sự ảnh hưởng nhỏ, tạm thời và sẽ kết thúc khi hoàn thành công trình.

+ Rác thải trong quá trình thi công xây dựng sẽ được tập kết và vận chuyển đến đúng nơi quy định nên sẽ không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

+ Nước thải trong quá trình thi công xây dựng sẽ được thu gom, xử lý theo quy định trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Trong quá trình vận hành, sử dụng: Việc thiết kế xây dựng và quy định vận hành sau khi hoàn thành công trình được xử lý cụ thể như sau:

+ Toàn bộ nguồn nước thải được dẫn đến hệ thống xử lý nước thải của bệnh viện để xử lý theo quy định;

+ Rác thải y tế được thu gom, tập kết và xử lý theo đúng quy trình.

+ Rác thải sinh hoạt được thu gom, tập kết tại vị trí quy định và phối hợp với công ty vệ sinh môi trường vận chuyển tới khu xử lý rác thải tập trung để xử lý theo quy định.

##### 7.2. Hiệu quả đầu tư:

Dự án thực hiện thành công sẽ tạo cơ sở vật chất sạch sẽ và khang trang, góp phần nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, đảm bảo an toàn cho bệnh nhân,

tạo thương hiệu cho các Trung tâm Y tế huyện, để thành nơi khám chữa bệnh có chất lượng cao, đáng tin cậy.

Dự án đầu tư sẽ đề nâng cao năng lực cung ứng dịch vụ y tế, cấp cứu, điều trị, phòng chống dịch bệnh tại tuyến huyện, có sức lan toả, hấp thụ ngay khi đầu tư. Đặc biệt nâng cao tay nghề cho đội ngũ y bác sỹ, giảm tình trạng bỏ việc như hiện nay, tăng nguồn thu nhập và có đủ điều kiện cho y bác sỹ thể hiện năng lực qua đào tạo, ổn định cho y tế tỉnh và hệ thống y tế ngày được nâng lên so với khu vực lân cận.

## **8. Các giải pháp tổ chức thực hiện**

### **8.1. Giai đoạn chuẩn bị đầu tư:**

- Chủ đầu tư thuê Tư vấn quản lý dự án.
- Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn, khảo sát lập dự án đầu tư, thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán công trình.
- Chủ đầu tư trình thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư và thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình.

### **8.2. Giai đoạn thực hiện đầu tư:**

- Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn Giám sát, lựa chọn nhà thầu, bảo hiểm công trình...
- Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công công trình.
- Chủ đầu tư phối hợp các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện dự án cũng như giám sát chất lượng của dự án.
- Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu công trình theo quy định hiện hành.
- Chủ đầu tư lập hồ sơ thanh quyết toán công trình theo quy định.

### **8.3. Giai đoạn kết thúc đầu tư đưa vào sử dụng:**

Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu công trình bàn giao đưa vào sử dụng.

Trên đây là Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông. Báo cáo này thay thế Báo cáo số 756/BC-SYT ngày 11/8/2022 của Sở Y tế. Sở Y tế kính trình Hội đồng thẩm định 476 xem xét, thẩm định theo quy định./.

**Nơi nhận:** *Đã nhận*

- Hội đồng thẩm định 476;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Trung tâm Y tế các huyện/TP;
- Lưu: VT, KHTC (Qu).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Trần Quang Hòa**

PHỤ LỤC 1

BẢNG KHAI TOÁN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án: Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông

(Kèm Báo cáo số /BC-SYT ngày /08/2022 của Sở Y tế Đắk Nông)

| Stt | Khoản mục chi phí  | Ký hiệu | Cách tính                       | Thành tiền        |                 |
|-----|--|---------|---------------------------------|-------------------|-----------------|
|     |  |         |                                 | Trước thuế (đồng) | Sau thuế (đồng) |
| 1   | Chi phí xây dựng   | Gxd     | Gxd1+...+Gxd <sub>n</sub>       | 41.390.527.273    | 45.529.580.000  |
| 1.1 | Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng cho Trung tâm Y tế huyện Krông Nô  |         |                                 | 5.563.181.818     | 6.119.500.000   |
| 1.2 | Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng cho Trung tâm Y tế huyện Cư Jút  |         |                                 | 5.831.818.182     | 6.415.000.000   |
| 1.3 | Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng cho Trung tâm Y tế huyện Đắk Mil   |         |                                 | 3.919.545.455     | 4.311.500.000   |
| 1.4 | Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải lỏng và nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng cho Trung tâm Y tế huyện Đắk Song |         | Theo Bảng khái toán (Phụ lục 2) | 7.622.727.273     | 8.385.000.000   |
| 1.5 | Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng cho Trung tâm Y tế huyện Đắk G'long  |         |                                 | 4.781.818.182     | 5.260.000.000   |
| 1.6 | Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng cho Trung tâm Y tế huyện Tuy Đức   |         |                                 | 5.293.709.091     | 5.823.080.000   |
| 1.7 | Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng cho Trung tâm Y tế huyện Đắk R'lấp   |         |                                 | 7.377.727.273     | 8.115.500.000   |
| 1.8 | Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải lỏng cho Trung tâm Y tế thành phố Gia Nghĩa                               |         |                                 | 1.000.000.000     | 1.100.000.000   |
| 2   | Chi phí thiết bị   | Gtb     | Gtb1+...+Gtbn                   | 28.972.076.182    | 31.869.283.800  |
| 2.1 | Đầu tư, nâng cấp 02 phòng mổ cho Trung tâm Y   | Gtb1    | Danh mục dự                     | 6.420.000.000     | 7.062.000.000   |

**PHỤ LỤC 1**  
**BẢNG KHAI TOÁN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**

Dự án: Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông

(Kèm Báo cáo số /BC-SYT ngày /08/2022 của Sở Y tế Đắk Nông)

| Stt | Khoản mục chi phí   | Ký hiệu | Cách tính                            | Thành tiền        |                 |                 |
|-----|---|---------|--------------------------------------|-------------------|-----------------|-----------------|
|     |   |         |                                      | Trước thuế (đồng) | Thuế VAT (đồng) | Sau thuế (đồng) |
|     | tế huyện Đắk Mil (Bao gồm: Nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mổ và thiết bị cho phòng mổ)  |         | <i>kiến<br/>(Phụ lục 2, 3, 4, 5)</i> |                   |                 |                 |
| 2.2 | Đầu tư, nâng cấp 01 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong (Bao gồm: Nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mổ và thiết bị cho phòng mổ) | Gtb2    |                                      | 4.022.403.455     | 402.240.345     | 4.424.643.800   |
| 2.3 | Đầu tư, nâng cấp 01 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Đắk Song (Bao gồm: Nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mổ và thiết bị cho phòng mổ)  | Gtb3    |                                      | 4.081.818.182     | 408.181.818     | 4.490.000.000   |
| 2.4 | Đầu tư, nâng cấp 01 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Cư Jút (Bao gồm: Nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mổ và thiết bị cho phòng mổ)    | Gtb4    |                                      | 4.933.309.091     | 493.330.909     | 5.426.640.000   |
| 2.5 | Đầu tư, nâng cấp 01 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Krông Nô (Bao gồm: Nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mổ và các thiết bị đi kèm)    | Gtb5    |                                      | 4.281.818.182     | 428.181.818     | 4.710.000.000   |
| 2.6 | Đầu tư, nâng cấp 01 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Tuy Đức (Bao gồm: Nội thất phòng mổ,  | Gtb6    |                                      | 5.232.727.273     | 523.272.727     | 5.756.000.000   |

**PHỤ LỤC 1**  
**BẢNG KHÁI TOÁN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**

**Dự án: Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông**

(Kèm Báo cáo số /BC-SYT ngày /08/2022 của Sở Y tế Đắk Nông)

| Stt | Khoản mục chi phí  | Ký hiệu | Cách tính                  | Thành tiền        |                 |                 |
|-----|--|---------|----------------------------|-------------------|-----------------|-----------------|
|     |  |         |                            | Trước thuế (đồng) | Thuế VAT (đồng) | Sau thuế (đồng) |
|     | hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mô và các thiết bị đi kèm) |         |                            |                   |                 |                 |
| 3   | <b>Chi phí quản lý dự án</b>   | Gqlda   | $(Gxd+Gtb) \times 2,284\%$ | 1.606.892.920     | 160.689.292     | 1.768.000.000   |
| 4   | <b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>  | Gtv     | $Gtv1+...+Gtvn$            | 3.094.994.201     | 309.499.420     | 3.404.000.000   |
| 4.2 | Chi phí lập Báo cáo nghiên cứu khả thi   | Gtv2    | $(Gxd+Gtb) \times 0,64\%$  | 450.576.211       | 45.057.621      | 495.633.832     |
| 4.3 | Chi phí thiết kế xây dựng công trình   | Gtv3    | $Gxd \times 2,615\%$       | 1.082.313.339     | 108.231.334     | 1.190.544.673   |
| 4.4 | Chi phí giám sát thi công xây dựng   | Gtv4    | $Gxd \times 2,555\%$       | 889.068.526       | 88.906.853      | 977.975.378     |
| 4.5 | Chi phí giám sát cung cấp và lắp đặt thiết bị  | Gtv5    | $Gtb \times 0,844\%$       | 622.320.196       | 62.232.020      | 684.552.216     |
| 4.6 | Chi phí lựa chọn nhà thầu tư vấn xây dựng  | Gtv6    | $(Gtk+Ggs) \times 0,63\%$  | 12.426.284        | 1.242.628       | 13.668.913      |
| 4.7 | Chi phí lựa chọn nhà thầu thi công xây lắp   | Gtv7    | $Gxd \times 0,093\%$       | 38.289.644        | 3.828.964       | 42.118.608      |
| 5   | <b>CHI PHÍ KHÁC</b>  | Gk      | $Gk1+...+Gkn$              | 966.514.155       | 46.591.863      | 1.013.000.000   |
| 5.2 | Chi phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi   | Gk2     | $(Gxd+Gtb) \times 0,118\%$ | 82.772.735        |                 | 82.772.735      |
| 5.3 | Chi phí bảo hiểm công trình  | Gk3     | $Gxd \times 0,12\%$        | 49.668.633        | 4.966.863       | 54.635.496      |
| 5.4 | Chi phí kiểm toán  | Gk4     | TMDTx 0,925%               | 416.250.000       | 41.625.000      | 457.875.000     |
| 5.5 | Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư   | Gk5     | TMDTx 0,575%               | 258.750.000       |                 | 258.750.000     |
| 5.6 | Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công  | Gk6     | $Gxd \times 0,137\%$       | 56.863.786        |                 | 56.863.786      |
| 5.7 | Chi phí thẩm tra dự toán XDCT  | Gk7     | $Gxd \times 0,13\%$        | 53.818.475        |                 | 53.818.475      |

**PHỤ LỤC 1**  
**BẢNG KHAI TOÁN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**

Dự án: Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông

(Kèm Báo cáo số /BC-SYT ngày /08/2022 của Sở Y tế Đắk Nông)

| Stt      | Khoản mục chi phí                               | Ký hiệu    | Cách tính                                | Thành tiền           |                    |                       |
|----------|---|------------|--|----------------------|--------------------|-----------------------|
|          |   |            |  | Trước thuế<br>(đồng) | Thuế VAT<br>(đồng) | Sau thuế<br>(đồng)    |
| 5.8      | Chi phí thẩm định HSMT tư vấn xây dựng          | Gk9        | Giá trị tối thiểu                        | 1.000.000            |                    | 1.000.000             |
| 5.9      | Chi phí thẩm định kết quả LCNT tư vấn xây dựng  | Gk10       | Giá trị tối thiểu                        | 1.000.000            |                    | 1.000.000             |
| 5.10     | Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu xây lắp        | Gk11       | $Gxd \times 0,05\%$                      | 20.695.264           |                    | 20.695.264            |
| 5.11     | Chi phí thẩm định kết quả LCNT thi công XD      | Gk12       | $Gxd \times 0,05\%$                      | 20.695.264           |                    | 20.695.264            |
| 5.12     | Phí thẩm định PCCC                              | Gk13       | $TMĐT \times 0,01\%$                     | 5.000.000            |                    | 5.000.000             |
| <b>6</b> | <b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>                         | <b>Gdp</b> | <b>Gdp1+Gdp2</b>                         | <b>2.696.476.606</b> | <b>269.647.661</b> | <b>2.966.000.000</b>  |
| 6.1      | Chi phí dự phòng do yếu tố khối lượng phát sinh | Gdp1       | $(Gxd+Gtb+Gqld$<br>$a+Gtv+Gk)*5,7$<br>3% | 2.696.476.606        | 269.647.661        | 2.966.124.266         |
|          | <b>TỔNG CỘNG:</b>                               |            | <b>1 + ... + 6</b>                       |                      |                    | <b>86.550.000.000</b> |

**PHỤ LỤC 2**  
**KHÁI TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG**

**Dự án: Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông**

(Kèm Báo cáo số /BC-SYT ngày /08/2022 của Sở Y tế Đắk Nông)

| STT        | Nội dung đầu tư   | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá     | Thành tiền           |
|------------|---|-------------|----------|-------------|----------------------|
| <b>A</b>   | <b>Trung tâm Y tế huyện Krông Nô</b>  |             |          |             | <b>6.119.500.000</b> |
| <b>I</b>   | <b>Nhà khám bệnh và điều trị</b>  |             |          |             | <b>3.213.000.000</b> |
| 1          | Sửa chữa các khu vệ sinh bao gồm các nội dung: Chống thấm, thay gạch nền, thay thiết bị vệ sinh, sơn lại tường trong phòng vệ sinh, thay mới các đường ống cấp thoát nước, thay điện, thay trần và các hư hỏng khác | m2          | 360      | 2.500.000   | 900.000.000          |
| 2          | Thay gạch nền bong dộp các tầng   | m2          | 150      | 350.000     | 52.500.000           |
| 3          | Thay cửa kính bản lề sàn  | m2          | 50       | 2.500.000   | 125.000.000          |
| 4          | Sửa chữa hệ thống điện, nước toàn nhà   | TT          | 1        | 100.000.000 | 100.000.000          |
| 5          | Chống thấm sê nô mái  | m2          | 550      | 450.000     | 247.500.000          |
| 6          | Sơn, bả lại tường ngoài nhà do thấm mốc   | m2          | 8.600    | 180.000     | 1.548.000.000        |
| 7          | Sửa chữa Hộp gen thoát nước   | HG          | 30       | 8.000.000   | 240.000.000          |
| <b>II</b>  | <b>Nhà cầu nổi</b>  |             |          |             | <b>687.500.000</b>   |
| 1          | Chống thấm sê nô  | m2          | 180      | 450.000     | 81.000.000           |
| 2          | Mái che sê nô   | m2          | 300      | 550.000     | 165.000.000          |
| 3          | Sửa chữa Hộp gen thoát nước   | HG          | 18       | 8.000.000   | 144.000.000          |
| 4          | Trát trần, bả trần bị bong dộp  | m2          | 150      | 450.000     | 67.500.000           |
| 5          | Sơn lại trần, lan can   | m2          | 1.200    | 180.000     | 216.000.000          |
| 6          | Thay gạch nền bong dộp các tầng   | m2          | 40       | 350.000     | 14.000.000           |
| <b>III</b> | <b>Nhà điều trị nội trú</b>   |             |          |             | <b>914.000.000</b>   |
| 1          | Sửa chữa các khu vệ sinh bao gồm các nội dung: Chống thấm, thay gạch nền, thay thiết bị vệ sinh, sơn lại tường trong phòng vệ sinh, thay mới các đường ống cấp thoát nước, thay điện, thay trần và các hư hỏng khác | m2          | 120      | 2.500.000   | 300.000.000          |
| 2          | Thay gạch nền bong dộp các tầng   | m2          | 50       | 350.000     | 17.500.000           |
| 3          | Thay cửa hông   | m2          | 88       | 2.500.000   | 220.000.000          |
| 4          | Sửa chữa hệ thống điện, nước  | TT          | 1        | 40.000.000  | 40.000.000           |
| 5          | Chống thấm sê nô mái  | m2          | 250      | 450.000     | 112.500.000          |
| 6          | Sơn lại toàn bộ tường ngoài nhà   | m2          | 1.000    | 180.000     | 180.000.000          |
| 7          | Trát trần, bả trần bị bong dộp  | m2          | 220      | 200.000     | 44.000.000           |
| <b>IV</b>  | <b>Hạ tầng ngoài nhà</b>  |             |          |             | <b>1.305.000.000</b> |
| 1          | Nâng cấp đường bê tông lối vào cổng chính   | m2          | 600      | 400.000     | 240.000.000          |
| 2          | Mái che từ nhà xe vào nhà khám, điều trị  | m2          | 500      | 650.000     | 325.000.000          |
| 3          | Bê tơ hoại xây mới  | Bê          | 6        | 40.000.000  | 240.000.000          |
| 4          | Bổ sung hệ thống thu gom nước thải  | md          | 350      | 600.000     | 210.000.000          |
| 5          | Cải tạo phòng xét nghiệm  | m2          | 80       | 3.000.000   | 240.000.000          |
| 6          | Sửa chữa hệ thống PCCC, chống sét   | HT          | 1        | 50.000.000  | 50.000.000           |
| <b>B</b>   | <b>Trung tâm Y tế huyện Cư Jút</b>  |             |          |             | <b>6.415.000.000</b> |
| <b>I</b>   | <b>Nhà khám bệnh - hành chính</b>   |             |          |             | <b>2.154.500.000</b> |
| 1          | Sửa chữa các khu vệ sinh bao gồm các nội  | m2          | 350      | 2.500.000   | 875.000.000          |

**PHỤ LỤC 2**  
**KHAI TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG**

**Dự án: Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông**

(Kèm Báo cáo số /BC-SYT ngày /08/2022 của Sở Y tế Đắk Nông)

| STT        | Nội dung đầu tư   | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá       | Thành tiền           |
|------------|---|-------------|----------|---------------|----------------------|
|            | dung: Chống thấm, thay gạch nền, thay thiết bị vệ sinh, sơn lại tường trong phòng vệ sinh, thay mới các đường ống cấp thoát nước, thay điện, thay trần và các hư hỏng khác  |             |          |               |                      |
| 2          | Thay gạch nền bong dột các tầng   | m2          | 120      | 350.000       | 42.000.000           |
| 3          | Sửa chữa hệ thống điện, nước  | TT          | 1        | 90.000.000    | 90.000.000           |
| 4          | Chống thấm sê nô mái  | m2          | 350      | 450.000       | 157.500.000          |
| 5          | Sơn lại tường ngoài nhà   | m2          | 5.500    | 180.000       | 990.000.000          |
| <b>II</b>  | <b>Nhà điều trị nội trú</b>   |             |          |               | <b>1.220.500.000</b> |
| 1          | Sửa chữa các khu vệ sinh bao gồm các nội dung: Chống thấm, thay gạch nền, thay thiết bị vệ sinh, sơn lại tường trong phòng vệ sinh, thay mới các đường ống cấp thoát nước, thay điện, thay trần và các hư hỏng khác | m2          | 220      | 2.500.000     | 550.000.000          |
| 2          | Thay gạch nền bong dột các tầng   | m2          | 80       | 350.000       | 28.000.000           |
| 3          | Sửa chữa hệ thống điện, nước  | TT          | 1        | 80.000.000    | 80.000.000           |
| 4          | Chống thấm sê nô mái  | m2          | 250      | 450.000       | 112.500.000          |
| 5          | Sơn lại tường ngoài nhà   | m2          | 2.500    | 180.000       | 450.000.000          |
| <b>III</b> | <b>Hạ tầng ngoài nhà</b>  |             |          |               | <b>3.040.000.000</b> |
| 1          | Bê tơ hoại xây mới  | Bê          | 8        | 40.000.000    | 320.000.000          |
| 2          | Hoàn chỉnh Hệ thống thu gom nước thải   | md          | 1        | 1.155.000.000 | 1.155.000.000        |
| 3          | Cải tạo công hàng rào   | md          | 1.100    | 1.200.000     | 1.320.000.000        |
| 4          | Nâng cấp sân bê tông  | m2          | 700      | 350.000       | 245.000.000          |
| <b>C</b>   | <b>Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong</b>   |             |          |               | <b>5.260.000.000</b> |
| 1          | Sửa chữa, cải tạo nhà cầu nổi, nhà hành chính   | m2          | 3.800    | 800.000       | 3.040.000.000        |
| 2          | Hạ tầng kỹ thuật: Sửa chữa hệ thống điện, nước ngoài nhà  | HTT         | 1        | 300.000.000   | 300.000.000          |
| 3          | Sửa chữa, nâng cấp công hàng rào  | md          | 500      | 1.800.000     | 900.000.000          |
| 4          | Nâng cấp sân bê tông  | m2          | 1.200    | 350.000       | 420.000.000          |
| 5          | Sửa chữa hệ thống thoát nước ngoài nhà  | HTT         | 1        | 600.000.000   | 600.000.000          |
| <b>D</b>   | <b>Trung tâm Y tế huyện Tuy Đức</b>   |             |          |               | <b>5.823.080.000</b> |
| <b>I</b>   | <b>Nhà hành chính-Khám bệnh</b>   |             |          |               | <b>3.282.000.000</b> |
| 1          | Sửa chữa các khu vệ sinh bao gồm các nội dung: Chống thấm, thay gạch nền, thay thiết bị vệ sinh, sơn lại tường trong phòng vệ sinh, thay mới các đường ống cấp thoát nước, thay điện, thay trần và các hư hỏng khác | m2          | 384      | 2.500.000     | 960.000.000          |
| 2          | Cải tạo, mở rộng sảnh tiếp đón bệnh nhân  | m2          | 150      | 6.000.000     | 900.000.000          |
| 3          | Thay gạch nền bong dột các tầng   | m2          | 100      | 350.000       | 35.000.000           |
| 4          | Thay vách kính cầu thang  | m2          | 180      | 1.800.000     | 324.000.000          |
| 5          | Chống thấm sê nô mái  | m2          | 300      | 450.000       | 135.000.000          |
| 6          | Sơn, bả lại tường ngoài nhà do thấm mốc   | m2          | 3.600    | 180.000       | 648.000.000          |



**PHỤ LỤC 2**  
**KHAI TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG**

**Dự án: Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông**

(Kèm Báo cáo số /BC-SYT ngày /08/2022 của Sở Y tế Đắk Nông)

| STT        | Nội dung đầu tư   | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá   | Thành tiền           |
|------------|---|-------------|----------|-----------|----------------------|
| 7          | Sửa chữa Hộp gen thoát nước   | HG          | 35       | 8.000.000 | 280.000.000          |
| <b>II</b>  | <b>Khối nhà cấp cứu, cận lâm sàng</b>   |             |          |           | <b>680.100.000</b>   |
| 1          | Sửa chữa các khu vệ sinh bao gồm các nội dung: Chống thấm, thay gạch nền, thay thiết bị vệ sinh, sơn lại tường trong phòng vệ sinh, thay mới các đường ống cấp thoát nước, thay điện, thay trần.                    | m2          | 120      | 2.500.000 | 300.000.000          |
| 2          | Thay gạch nền bong dộp các tầng   | m2          | 50       | 350.000   | 17.500.000           |
| 5          | Chống thấm sê nô mái  | m2          | 180      | 450.000   | 81.000.000           |
| 6          | Sơn, bả lại tường ngoài nhà do thấm mốc   | m2          | 720      | 180.000   | 129.600.000          |
| 7          | Sửa chữa Hộp gen thoát nước   | HG          | 10       | 8.000.000 | 80.000.000           |
| 8          | Sửa chữa phòng XQ   | m2          | 24       | 3.000.000 | 72.000.000           |
| <b>III</b> | <b>Khu điều trị nội trú</b>   |             |          |           | <b>695.980.000</b>   |
| 1          | Sửa chữa các khu vệ sinh bao gồm các nội dung: Chống thấm, thay gạch nền, thay thiết bị vệ sinh, sơn lại tường trong phòng vệ sinh, thay mới các đường ống cấp thoát nước, thay điện, thay trần và các hư hỏng khác | m2          | 120      | 2.500.000 | 300.000.000          |
| 2          | Chống thấm sê nô mái  | m2          | 150      | 450.000   | 67.500.000           |
| 3          | Sơn, bả lại tường ngoài nhà do thấm mốc   | m2          | 936      | 180.000   | 168.480.000          |
| 4          | Sửa chữa Hộp gen thoát nước   | HG          | 20       | 8.000.000 | 160.000.000          |
| <b>IV</b>  | <b>Hạ tầng ngoài nhà</b>  |             |          |           | <b>1.165.000.000</b> |
| 1          | Sân bê tông   | m2          | 300      | 400.000   | 120.000.000          |
| 2          | Đường ống cấp nước sinh hoạt  | md          | 2.200    | 250.000   | 550.000.000          |
| 3          | Hệ thống thoát nước ngoài nhà: Mương, hố ga...  | md          | 550      | 900.000   | 495.000.000          |
| <b>E</b>   | <b>Trung tâm Y tế huyện Đắk Mil</b>   |             |          |           | <b>4.311.500.000</b> |
| <b>I</b>   | <b>Nhà điều trị nội trú</b>   |             |          |           | <b>1.522.500.000</b> |
| 1          | Sửa chữa các khu vệ sinh bao gồm các nội dung: Chống thấm, thay gạch nền, thay thiết bị vệ sinh, sơn lại tường trong phòng vệ sinh, thay mới các đường ống cấp thoát nước, thay điện, thay trần và các hư hỏng khác | m2          | 220      | 2.500.000 | 550.000.000          |
| 2          | Chống thấm sê nô mái  | m2          | 250      | 450.000   | 112.500.000          |
| 3          | Sơn, bả lại tường ngoài nhà do thấm mốc   | m2          | 3.800    | 180.000   | 684.000.000          |
| 4          | Sửa chữa Hộp gen thoát nước   | HG          | 22       | 8.000.000 | 176.000.000          |
| <b>II</b>  | <b>Nhà chống nhiễm khuẩn, dinh dưỡng</b>  |             |          |           | <b>229.000.000</b>   |
| 1          | Chống thấm sê nô mái  | m2          | 80       | 500.000   | 40.000.000           |
| 2          | Sơn, bả lại tường ngoài nhà do thấm mốc   | m2          | 1.050    | 180.000   | 189.000.000          |
| <b>III</b> | <b>Hạ tầng ngoài nhà</b>  |             |          |           | <b>2.560.000.000</b> |
| 1          | Công hàng rào   | md          | 800      | 950.000   | 760.000.000          |
| 2          | Hệ thống thoát nước ngoài nhà: Mương, hố ga...  | md          | 650      | 900.000   | 585.000.000          |

**PHỤ LỤC 2**  
**KHAI TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG**

**Dự án: Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông**

(Kèm Báo cáo số /BC-SYT ngày /08/2022 của Sở Y tế Đắk Nông)

| STT        | Nội dung đầu tư   | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá       | Thành tiền           |
|------------|---|-------------|----------|---------------|----------------------|
| 3          | Sửa chữa hệ thống xử lý nước thải ngoài nhà   | HT          | 1        | 800.000.000   | 800.000.000          |
| 4          | Sửa chữa nhà cầu nổi  | m2          | 450      | 300.000       | 135.000.000          |
| 5          | Sân bê tông   | m2          | 800      | 350.000       | 280.000.000          |
| <b>G</b>   | <b>Trung tâm Y tế huyện Đắk R'lấp</b>   |             |          |               | <b>8.115.500.000</b> |
| 1          | Sửa chữa, cải tạo Khối nhà 03 tầng: Sơn, chống thấm, Sửa chữa các khu vệ sinh: chống thấm, thay gạch nền, thay thiết bị vệ sinh, sơn lại tường trong phòng vệ sinh, thay mới các đường ống cấp thoát nước, thay điện, thay trần và các hư hỏng khác | m2          | 3.000    | 1.200.000     | 3.600.000.000        |
| 2          | Hạ tầng ngoài nhà: Lắp nối đường ống thu gom nước thải, sửa chữa hệ thống thoát nước mưa, sân đường   | HT          | 1        | 200.000.000   | 200.000.000          |
| 3          | Sửa chữa hệ thống thoát nước mưa  | HT          | 1        | 200.000.000   | 200.000.000          |
| 4          | Xây dựng khu kiểm soát nhiễm khuẩn đảm bảo theo quy định chống nhiễm khuẩn  | m2          | 400      | 8.000.000     | 3.200.000.000        |
| 5          | Sửa chữa nhà cầu nổi  | m2          | 660      | 550.000       | 363.000.000          |
| 6          | Cải tạo lối lên phía sau Trung tâm  | m2          | 850      | 650.000       | 552.500.000          |
| <b>VII</b> | <b>Trung tâm Y tế huyện Đắk Song</b>  |             |          |               | <b>8.385.000.000</b> |
| 1          | Xây mới hệ thống xử lý nước thải công suất 100m <sup>3</sup> /ngày đêm  | HT          | 1        | 5.500.000.000 | 5.500.000.000        |
| 2          | Sửa chữa nhà nội trú, cầu nổi   | m2          | 2.200    | 500.000       | 1.100.000.000        |
| 3          | Làm mới đường ống thu gom nước thải   | md          | 900      | 500.000       | 450.000.000          |
| 4          | Làm hệ thống thoát nước mưa   | md          | 700      | 450.000       | 315.000.000          |
| 5          | Cải tạo, nâng cấp cổng hàng rào   | md          | 850      | 1.200.000     | 1.020.000.000        |
| <b>VII</b> | <b>Trung tâm Y tế thành phố Gia Nghĩa</b>   |             |          |               | <b>1.100.000.000</b> |
|            | Xây mới hệ thống xử lý nước thải cho Trung tâm Y tế thành phố Gia Nghĩa (10m <sup>2</sup> ngày/đêm)   | HT          | 1        | 1.100.000.000 | 1.100.000.000        |

**PHỤ LỤC 3: CHI PHÍ THIẾT BỊ**

**Dự án: Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông**

(Kèm Báo cáo số /BC-SYT ngày /08/2022 của Sở Y tế Đắk Nông)

| Stt        | Tên thiết bị   | Đơn vị | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng)    |
|------------|--|--------|----------|----------------|----------------------|
| <b>I</b>   | <b>Đầu tư, nâng cấp 02 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Đắk Mil (Bao gồm: Nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mổ và thiết bị cho phòng mổ)</b>   |        |          |                | <b>7.062.000.000</b> |
| 1          | Nội thất phòng mổ, Hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén  | HT     | 2        | 1.740.000.000  | 3.480.000.000        |
| 2          | Đèn mổ   | Bộ     | 1        | 640.000.000    | 640.000.000          |
| 3          | Bàn mổ đa năng   | Bộ     | 1        | 590.000.000    | 590.000.000          |
| 4          | Máy gây mê kèm thở có chức năng theo dõi khí mê  | Bộ     | 1        | 1.560.000.000  | 1.560.000.000        |
| 5          | Máy theo dõi bệnh nhân (hậu phẫu)  | Bộ     | 5        | 96.000.000     | 480.000.000          |
| 6          | Bộ đặt nội khí quản có camera  | Bộ     | 1        | 120.000.000    | 120.000.000          |
| <b>II</b>  | <b>Đầu tư, nâng cấp 01 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong (Bao gồm: Nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mổ và thiết bị cho phòng mổ)</b> |        |          |                | <b>4.424.643.800</b> |
| 1          | Nội thất phòng mổ, Hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén  | HT     | 1        | 1.560.000.000  | 1.560.000.000        |
| 2          | Bộ khoan xương đa năng   | Bộ     | 1        | 1.592.643.800  | 1.592.643.800        |
| 3          | Máy theo dõi bệnh nhân   | Bộ     | 2        | 96.000.000     | 192.000.000          |
| 4          | Bộ dụng cụ kết hợp xương (chỉ trên, dưới)  | Bộ     | 1        | 380.000.000    | 380.000.000          |
| 5          | Bộ đặt nội khí quản có camera  | Bộ     | 1        | 120.000.000    | 120.000.000          |
| 6          | Máy garo hơi tự động   | Bộ     | 2        | 290.000.000    | 580.000.000          |
| <b>III</b> | <b>Đầu tư, nâng cấp 01 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Đắk Song (Bao gồm: Nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mổ và thiết bị cho phòng mổ)</b>  |        |          |                | <b>4.490.000.000</b> |
| 1          | Nội thất phòng mổ, Hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén  | HT     | 1        | 1.700.000.000  | 1.700.000.000        |

**PHỤ LỤC 3: CHI PHÍ THIẾT BỊ**  
**Dự án: Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông**

(Kèm Báo cáo số /BC-SYT ngày /08/2022 của Sở Y tế Đắk Nông)

|    |  |     |   |               |                      |
|----|--|-----|---|---------------|----------------------|
| 2  | Đèn mổ treo trần 2 nhánh   | Bộ  | 1 | 640.000.000   | 640.000.000          |
| 3  | Bàn mổ   | Bộ  | 1 | 590.000.000   | 590.000.000          |
| 4  | Máy gây mê kèm thở có chức năng theo dõi khí mê  | Bộ  | 1 | 1.560.000.000 | 1.560.000.000        |
| IV | <b>Đầu tư, nâng cấp 01 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Cư Jút (Bao gồm: Nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mổ và thiết bị cho phòng mổ), và sửa chữa nhỏ 01 phòng mổ, bổ sung TTB Y tế</b> |     |   |               | <b>5.426.640.000</b> |
| 1  | Nội thất phòng mổ, Hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén  | HT  | 1 | 1.550.000.000 | 1.550.000.000        |
| 2  | Đèn mổ treo trần 2 nhánh   | Bộ  | 1 | 640.000.000   | 640.000.000          |
| 3  | Máy garo hơi tự động   | Bộ  | 2 | 290.000.000   | 580.000.000          |
| 4  | Bộ khoan cơ xương đa năng  | Bộ  | 1 | 1.050.000.000 | 1.050.000.000        |
| 5  | Dao mổ điện 400W   | Cái | 1 | 604.000.000   | 604.000.000          |
| 6  | Máy theo dõi bệnh nhân   | Cái | 5 | 96.000.000    | 480.000.000          |
| 7  | Bộ dụng cụ phẫu thuật mổ mở  | Bộ  | 1 | 522.640.000   | 522.640.000          |
| V  | <b>Đầu tư, nâng cấp 01 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Krông Nô (Bao gồm: Nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mổ và các thiết bị đi kèm)</b>  |     |   |               | <b>4.710.000.000</b> |
| 1  | Nội thất phòng mổ, Hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén  | HT  | 1 | 1.650.000.000 | 1.650.000.000        |
| 2  | Máy gây mê kèm thở có chức năng theo dõi khí mê  | Bộ  | 1 | 1.560.000.000 | 1.560.000.000        |
| 3  | Bộ khoan cơ xương đa năng  | Bộ  | 1 | 1.050.000.000 | 1.050.000.000        |
| 4  | Nồi hấp tiệt trùng   | Cái | 1 | 160.000.000   | 160.000.000          |
| 5  | Máy garo hơi tự động   | Bộ  | 1 | 290.000.000   | 290.000.000          |
| VI | <b>Đầu tư, nâng cấp 01 phòng mổ cho Trung tâm Y tế huyện Tuy Đức</b>   |     |   |               | <b>5.756.000.000</b> |

## PHỤ LỤC 3: CHI PHÍ THIẾT BỊ

Dự án: Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông

(Kèm Báo cáo số /BC-SYT ngày /08/2022 của Sở Y tế Đắk Nông)

|   |   |     |   |               |               |
|---|---|-----|---|---------------|---------------|
|   | (Bao gồm: Nội thất phòng mổ, hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén, đèn mổ và các thiết bị đi kèm)               |     |   |               |               |
| 1 | Nội thất phòng mổ, Hệ thống khí sạch áp lực dương, hệ thống khí y tế, khí nén (cải tạo 02 phòng thành 01 phòng vì không đủ diện tích) | HT  | 1 | 2.200.000.000 | 2.200.000.000 |
| 2 | Hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng kèm máy cắt đốt  | HT  | 1 | 2.590.000.000 | 2.590.000.000 |
| 3 | Máy theo dõi bệnh nhân  | Cái | 3 | 96.000.000    | 288.000.000   |
| 4 | Bộ đặt nội khí quản khó có camera   | Bộ  | 1 | 115.000.000   | 115.000.000   |
| 5 | Bộ dụng cụ chấn thương chỉnh hình   | Bộ  | 1 | 563.000.000   | 563.000.000   |